

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỒ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ V ★ số 86 ★ 15-8-62

1.— Căn cứ Canaveral	Lê-hồng-Chương	5 — 9
2.— Đông-kinh nghĩa-lục	Thiếu-Sơn	10 — 16
3.— Vườn treo tại Luân-Đôn	Christine Ross	17 — 18
4.— Trong vườn đạo hạnh.	Đào-tứ-Lang	
Trăng nước đêm buồn	Hoài-Nhân	19
5.— Anh ơi ! nếu mộng		
không thành... (truyện ngắn)	Trọng-Tấu	20 — 24
6.— Vấn-đề học Sinh-ngữ	Nguyễn văn Cồn	25 — 29
7.— Nhật-ký của một nữ sinh-viên	Phượng-Loan	30 — 33
8.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	34 — 38
9.— Nhân vật xuân thu : Vĩ-Ngao	Thiếu-Sơn	39 — 42
10.— Mưa đêm (thơ)	Trung-An	43
11.— Những người đàn-bà lừng danh trong lịch-sử : VŨ-HẬU	Tân-Phong	44 — 50
12.— Hận đào nguyên (thơ)	Chim-Hoàng	51
13.— Tem thư quốc-tế	Đình-Điền	52 — 55

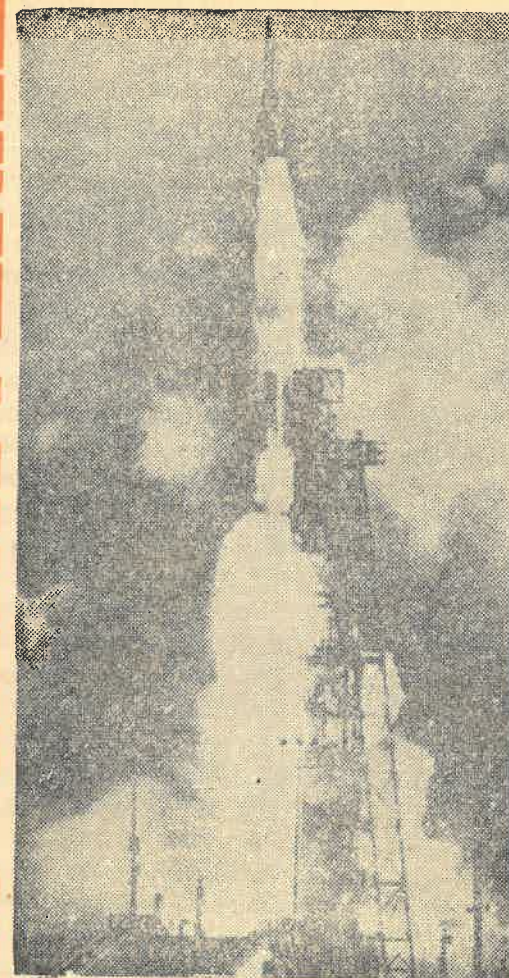
14.— Những tiếng danh xưng	Đông-Hồ	56 — 61
15.— Tâm sự một người chồng	Mỹ-Khanh	62 — 69
16.— Xã giao theo đời sống mới	Tân-Phong	70 — 73
17.— William Faulkner	Phong-Giao	74 — 81
18.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	82 — 90
19.— Cầu-chiến-sơn (thơ)	Nguyễn-Khuê	
Đêm trăng (thơ)	Trúc Bạch	91
20.— Rồi sẽ ra sao ? (thơ)	Nguyễn-ngu-í	
Từ-giã (thơ)	Hoài-Lan	92
21.— Chuyện lạ kim cổ	Điền-Sơn	93 — 98
22.— Thơ lên ruột	Diệu-Huyền	99
23.— Sách báo mới	Phồ-Thông	100
24.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn-Vỹ	101 — 105
25.— Phồ-Thông vòng quanh thế giới	Xuân-Anh	106 — 109
26.— Thư bạn đọc	P. T.	110 — 115
27.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	116 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong,
 ★ Tạp-chí PHỒ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo
 của các tác-giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
 ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích
 đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng
 yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG »
 và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc
 mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
 reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
 Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

W179878
 101

CĂN CỨ CANAVERAL



KHOA - HỌC
 KHÔNG-GIAN

★ LÊ-HỒNG
 CHƯƠNG

Lời Tòa soạn. — Tác-giả bài sau đây đã có dịp
 đến viếng mũi Canaveral, căn-cứ phóng Hỏa-tiến Không-
 gian của Mỹ. Ông kể lại những điều ông đã chứng-kiến,
 và học-hỏi nơi đây.

PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ

CĂN CỨ CANAVERAL

MUỐN đi từ nội địa Hoa-Kỳ đến mũi Canaveral tại tiểu-bang Floride, nơi bắt nguồn của thời đại không-gian, du khách phải lái xe qua những con đê dài rải đá, vượt qua một cái hầm lớn nước mặn, rồi một hòn đảo, rồi lại một cái đầm nữa, dài khoảng độ hơn một dặm.

Từ xa nhìn vào mỏm Canaveral, du khách đã thấy sừng sững trên nền trời xanh ngắt độ 12 cái đài cao bằng thép. Qua làn hơi nước biển, tất cả trông giống như một loạt các hải-dăng đang vui vẻ châu đầu vào nhau mà trò chuyện. Những cái đài cao đó chính là chỗ người ta dựng các hỏa-tiến khổng-lồ cho đứng thẳng lên để vươn mũi mà nhìn vào khoảng không gian mênh mông vô tận.

Ở Canaveral có những máy móc có một khả năng kinh khủng. Những hỏa tiến khổng-lồ được người ta mệnh danh là một loại súng thần công đại bác, nhưng thực ra nó là các vệ tinh nhân tạo, một thứ khí cụ để dò thám không gian, một loại phi thuyền để chở con người lên viếng Hằng-Nga, một

cái trạm không gian, một con tàu để chở các bưu kiện cho loài người, và trọng tương lai, một phương tiện chuyên chở siêu tốc để phục vụ nhân loại trong những chuyến du hành vạn dặm !

Căn-cứ Canaveral chính là trung tâm diêm của bao nhiêu cố gắng của Huê-Kỳ trong cuộc chạy đua lên thăm viếng Chì Hằng và vùng Thái-Dương-Hệ bao la vô cùng-tận với các vì tinh tú sáng long lanh như những hạt châu quý giá.

Người ta không vẽ kiêu hay chế tạo các hỏa tiến ở căn cứ Canaveral. Công việc này được tiến hành ở các xưởng đóng máy bay, phần đông là ở miền duyên hải phía tây hay là trong các công xưởng của Hải-Quân Mỹ ở Alabama. Ở Canaveral, người ta chỉ phóng các hỏa tiến lên không-gian, lên quỹ đạo để thí nghiệm khoa-học.

Ở nơi nào khác thì người ta còn phải xây cất một cái sân bắn để thí nghiệm hỏa tiến, phi đạn, nhưng ở Canaveral người ta đã có cả một cái sân bắn thiên nhiên là Đại Tây Dương dài hơn

5000 dặm xuống phía nam. Chiếc phi đạn được bắn đi, kẻ một vòng cung lên nền trời đại dương, tít trên cao vượt khỏi tầm bay thông thường của các phi cơ, và vượt xa khỏi một vùng các hải đảo, nơi có bố trí những đài quan sát radar để quan sát và đo lường đích xác đường bay của hỏa tiến, phi đạn. Lênh đênh trên biển cả lại còn có độ chừng 12 chiếc tàu thủy gắn máy radar nằm quan sát. Tất cả các đài quan sát này lại được ràng buộc với nhau bằng một hệ thống vô tuyến điện thành một khí cụ quan sát vô cùng đích xác. Tất cả những hoạt động ấy đều do cơ quan đầu não là các cơ sở đặt tại Canaveral điều khiển.

Căn cứ hỏa tiến Canaveral do toàn nhân viên dân chính điều hành, nhưng lại được đặt dưới quyền giám sát của Không Quân. Hãng Hàng-Không Liên Mỹ Pan-American đã ký khế-ước với Chính-Phủ Huê-Kỳ được quyền quản-trị căn cứ, thuê mướn nhân viên, cung cấp nhiên liệu cho các hỏa tiến và điều hành các xưởng chế dưởng khí lỏng. Hãng Vô Tuyến Điện R.C.A.

cũng ký khế ước để điều hành các hệ thống radar và truyền tin của căn cứ. Mỗi một đài radar quan sát phải dùng tới 200 nhân viên, từ các chuyên viên điện tử đến ban hỏa vụ.

Mỏm Canaveral không phải là một đô thị, không có dân cư, chỉ trừ có người gác hải đăng. Người ta chỉ đến căn cứ Canaveral làm việc — vào khoảng độ 5000 người. Cách xa Canaveral độ 20 dặm, cũng ở trên bờ biển, là một căn cứ không-quân. Đây mới là cơ sở hành chánh của căn cứ Canaveral, gồm có những cư xá nhân viên, và những khách sạn « motel » ở những cái tên rất thích hợp: « Vệ Tinh ; « Tiên-Phong » v.v... Một cái quán được đặt tên là «Đầu-tinh» với những bức tường trang trí toàn những phong cảnh trên cung trăng, những chiếc thuyền không gian đang bay, v.v..

Mặc dầu được ở căn cứ Canaveral, nhưng có ít người được hiểu tường tận về hoạt động của nơi này. Ở đây, an ninh là tất cả. Họ chỉ biết cố gắng, thi hành lệnh trên, mỗi người công tác một bộ phận của hỏa-tiến

mà thôi.

Phải nói rằng căn cứ Canaveral là một nơi thí nghiệm hỏa tiễn mới đúng. Canaveral không sản xuất ra hỏa tiễn, ngay cả những chiếc hỏa tiễn đã được thành công — Canaveral chỉ sản xuất ra những « tài liệu » — người ta không cần quan tâm đến việc chiếc hỏa tiễn bị phát nổ nửa chừng, đến vấn đề uy-tín — mà chỉ cần biết rõ ràng là *tại sao* nó phát nổ nửa chừng, mà thôi.

Trong thời Đại Chiến Thứ II, người Đức đã phải thử đi thử lại bom bay V2 đến 3.000 trái mới đi đến thành công tối hậu là sản xuất ra thứ bom nguy hiểm đó để tàn phá Luân-Đôn. Nhưng đối với những chuyên-viên ở căn cứ Canaveral, thì những sự thất bại khi có những hỏa tiễn phóng lên không vào quỹ đạo mà lại phát nổ nửa chừng, không phải là thất bại, mà chỉ là những sự *khám-phá*. Theo họ thì họ rất buồn khi việc phóng được thành công, vì như thế họ chẳng *học hỏi* được gì cả. Chỉ những cái *bất-ngờ* mới đem lại lý thú.

Tác-giả bài này đã được thấy ít nhiều sự thực ở căn cứ Canaveral. Chỉ cần phóng một hỏa tiễn hay phi đạn bay trong vài giây, đồng hồ là họ đã thu

lượm được vô khối là tài liệu giá trị. Không những hỏa tiễn được quan sát, theo dõi từ những đài quan sát ở dưới đất mà chính những tín hiệu của nó đánh về, những tiếng « bíp bíp » cũng là những phương tiện để quan sát sự điều hành của các bộ máy đặt ở bên trong nó nữa.

Một hỏa-tiến được phóng đi có thể chứa đựng tới 200 dụng cụ khác nhau để dò xét nào là thời tiết, nào là áp lực, nào là giác độ, sức nặng, v.v... Mỗi dụng cụ gửi tín hiệu về trái đất, mỗi giây đồng-hồ không biết bao nhiêu là mật hiệu được thu vào bằng nhựa. Sản phẩm chính của căn cứ Canaveral có thể nói là hàng cây số ngàn bằng nhựa.

Đôi khi, nếu sự trục trặc xảy ra, thì các chuyên viên lập tức nghiên cứu mau lẹ lại bằng nhựa đó để tìm biết sự trục trặc ở chỗ nào, và lúc nào. Thường thường, chiếc bằng nhựa được gửi trả tại cho xưởng chế tạo chiếc hỏa tiễn, và một chuyên bay trong một phút đồng hồ có thể là cả một sự nghiên cứu hàng tháng trời của các chuyên viên để tìm xem cái gì đã trục trặc, và tại sao? Chính ở những sự thất bại như thế, người ta mới rút tỉa được kinh nghiệm, học hỏi và khám phá thêm được

nhiều điều mới lạ về không gian bí mật.

Khi có một cuộc phóng hỏa tiễn quan trọng, những nhân vật cao cấp trong chánh quyền được mời đến quan sát trong « lô cốt » tại căn cứ. Đây là một lô cốt bằng « bê-tông », xây hình mu rùa, cách xa giàn phóng độ chừng 300 thước. Ở trong lô cốt có viễn vọng kính nhìn ra, hoặc có vô tuyến truyền hình để các quan khách theo dõi. Trong những giây phút cuối cùng trước khi phóng hỏa tiễn đi thì đoàn chuyên viên cũng chui nốt vào trong lô cốt. Ở đấy, có những nút bấm để cho các máy móc trong hỏa tiễn tự động làm việc.

Đại diện báo-chí thì đứng trên một giàn ngắm, cách xa chỗ phóng tới 3 dặm, và được nhìn thẳng bằng mắt thường, không cần kính. Trong khi đó trên khắp không phận Đại Tây Dương và trên mặt biển, những máy bay và tàu thủy đặc-biệt tuần tiễu an-ninh, coi chừng để khỏi có tàu bè nào bị hỏa tiễn hay phi đạn bắn trúng. Những máy bay khác bay tuần tiễu trên độ cao hơn nữa để coi chừng những luồng điện vô tuyến. Mọi nhân viên đều được báo động, các đài quan sát radar cũng sẵn-sàng để theo dõi hỏa tiễn.

Giọng đếm của chuyên viên giữ việc bấm nút bắn hỏa tiễn vang lên trong loa phóng thanh :

— 5 — 4 — 3 —

Một ánh sáng đỏ rực
Khói xì ra ở dưới chân
và che kín mọi thứ.

Rồi hỏa tiễn bắt đầu tuôn lên khỏi lùm khói một cách hết sức chậm chạp. Vì mang cả hàng ngàn tấn nhiên liệu nặng nên nó chưa bốc vọt lên ngay. Có người đã xì xào : « Không bốc ! Không bốc !... » Nhưng đây kia, chiếc hỏa tiễn đã dần dần lấy được tốc độ. Cũng như chiếc xe hơi gài số 1, số 2 và mới sang số 3. Sở nhiên liệu bắt đầu cháy mạnh với tỷ lệ 1000 cân Anh mỗi giây, và hỏa tiễn mỗi lúc một nhẹ đi. 10 giây sau nó bốc thẳng lên nền trời. Ánh sáng của những chiếc đèn rọi còn soi sáng mình chiếc hỏa tiễn sơn trắng.

15 giây... Có tiếng nổ dội lên. Ngọn lửa xì ra ở đuôi nó sáng rực. Lên cao 300 thước, nó soi sáng cả một vùng bờ biển trong vòng kính rộng hàng cây số. Nó soi sáng cả những đám mây lơ lửng. Và cứ thế nó vọt cao mãi lên, vệt sáng nhỏ mãi đi qua mấy tầng mây trắng. Tiếng nổ xa dần và bây giờ nó chỉ còn là một đốm trắng trên khoảng không bao la.

Người chuyên viên hỏa tiễn đứng bên cạnh tôi khẽ nói : « Chúng ta đã đạt được một thắng lợi nữa đối với cái bí mật của khoảng trời bao la vô tận kia ».

LÊ-HỒNG-CHƯƠNG

Một thiếu-sót quan-trọng

★ THIẾU - SƠN

ĐÔNG-KINH
NGHĨA-THỰC

VĂN-học sử Việt-Nam có nhiều biến-cổ quan-trọng. Chữ Nôm xuất-hiện là một biến-cổ quan-trọng.

Chữ quốc-ngữ ra đời cũng là một biến-cổ quan-trọng. Nhơn đó mà ta có một nền văn-học dân-tộc, thuần-túy Việt-Nam, thoát được cảnh học mướn, viết nhờ và thoát được ảnh-hưởng nặng-nề của ngoại-quốc.

Chữ quốc-ngữ xuất-hiện từ cuối thế-kỷ XVII mà mãi tới đầu thế-kỷ XX mới được phổ-biến sâu-rộng trong dân-chúng vì suốt trong thời-kỳ Bảo-Hộ Nam-Triều còn dùng chữ Hán và lớp văn-nhơn thi-sĩ cũ chỉ biết có chữ Hán và chữ Nôm. Cuối thế-kỷ XIX chính cụ Nguyễn-Trường-Tộ còn điều-trần xin dùng chữ Nôm thay thế cho chữ Nho.

Thật ra chữ quốc-ngữ lúc

Trong Văn-Học-Sử Việt-Nam

đầu chỉ được dùng trong giáo-dân và trong hàng giáo-sĩ. Hai cụ Trương-vinh-Ký và Huỳnh-Tịnh-Của là hai người Việt-Nam trước nhất đã viết sách và in sách bằng chữ Quốc-ngữ, làm từ-điển quốc-ngữ. Các cụ là những vị tiền-phong nhưng chữ quốc-ngữ hồi đó chưa thoát khỏi vòng phôi-thai và văn-chương quốc-ngữ thật sự chưa thành hình.

Ngay cả phong-trào học-tập và trau-dồi quốc-ngữ cũng vẫn còn yếu ớt. Từ đây người ta bắt luôn một cái cầu nối liền với *Đông-Dương tạp-chí* (xuất-bản năm 1913) và *Nam-Phong tạp chí* (xuất-bản năm 1917). Làm như thế tức là

bổ sót một biến-cổ quan-trọng là Phong-trào *Đông-Kinh Nghĩa-Thực* xuất-phát năm 1907.

Phong-trào này vừa có tánh-cách chánh-trị vừa có tánh-cách văn-hóa qui-tụ được đông-đảo sĩ-phu và quần chúng. *Đông-Kinh Nghĩa-Thực* có nguồn gốc trong-sạch hơn, là nguồn gốc của *Đông-Dương tạp-chí* và *Nam-Phong*, cả hai đều do Tây-sáng-lập và được tiền-trợ-cấp của thực-dân.

Đông-Kinh Nghĩa-Thực bắt chước theo *Khanh-Ứng Nghĩa-Thực* của Nhật-bổn nhằm mục-dích cổ-động duy-tân và xây-dựng Tân-văn-hóa.

Đây là một tư-thực đầu tiên ở nước ta không thu học-phí mà lại còn phát không sách, tập và bút giấy cho học-trò. Nhà trường chánh ở Hà-nội thành-lập chưa được một năm mà đã đặt được chi-nhánh ở hầu khắp các tỉnh Bắc-Việt và có đà tiến-triển vào Trung, Nam.

Đông-Kinh Nghĩa-Thực đã qui-tụ được những nhơn-sĩ như sau: Lương-ngọc-Can, Đào-Nguyên-Phổ, Lê-Đại, Dương-bá-Trạc, Nguyễn-Quyền, Đặng-Kinh-

Luân, Nguyễn-Hải-Thần, Hoàng-Tăng-Bí, Phạm-đuy-Tồn, Nguyễn-bá-Học, Nguyễn-đình-Đối, Trần-đình-Đức, Nguyễn-văn-Vinh, Nguyễn-hữu-Tiến, Nguyễn-đôn-Phục, Hoàng-lích-Chu, v.v ..

Chính cụ Phan-Châu-Trinh đã nhiều lần diễn-thuyết ở *Đông-Kinh Nghĩa-Thực* và cực-lực đả-kích chữ Nho với chế-độ khoa-cử. Cụ nói: « *Bất-phế Hán-tự, bất-túc dĩ cứu Nam-quốc* » (Không bỏ chữ Nho, không cứu được nước Nam).

Cụ Dương-bá-Trạc đã nói: « Anh còn muốn cái cử-nhân ư? Nay tôi bán cho anh một xu thôi ».

Các cụ đả-kích chữ Nho, đả-kích khoa-cử, đả-kích những phong-tục hủ-bại, nhưng các cụ cũng truyền-bá những tư-tưởng mới về tự-do, dân-chủ, dân-quyền và dân-sinh. Những tư-tưởng này các cụ đã hấp-thụ được ở những tân-thơ của người Tàu, nhất là của Lương-Khải-Siêu và Khương Hữu-Vi. Vì thế mà tư-tưởng Tây-Phương qua tới các cụ cũng không được nguyên vẹn và cả những văn-nhơn học-giả Tây-

Phượng đều bị gọi theo tên Tàu hết ráo. Những tên Lu-Thoa, Mạnh-đức Tư-Cưu, Phúc lộc đặt Nhĩ, Ti-Thoát-Mân, Ti-Tân-Tắc đã thay thế cho những tên Rousseau, Montesquieu, Voltaire, Stuart Mill, Herbert Spencer.

Về giáo-dục, các cụ chưa rành khoa sư-phạm. Về văn-chương các cụ chưa có những quan-niệm chính xác. Ngay tới những tác-giả tây-phương các cụ cũng hiểu biết một cách đơn-giản mơ hồ. Nhưng các cụ đã thức-tỉnh thanh-niên trong nước, làm cho họ thấy rõ những nguyên-nhơn suy-yếu của dân-tộc và náo-nức muốn canh-tân để tiến bộ. Các cụ dùng tất cả các thứ chữ : chữ nho, chữ nôm chữ quốc-ngữ và nhứt là chữ quốc-ngữ. Những ông tân-học cũng dạy cả chữ Tây.

Năm 1908 có vụ « đầu độc » xảy ra ở Hà-nội. Thực-dân đồ thừa Đ. K. N. T. có dính-líu vào vụ đó, bắt một số đông sĩ-phu và giải - tán phong - trào. Cũng năm đó ở Trung có vụ « xin xâu » thêm một số lớn sĩ-phu bị bắt. Phần nhiều các cụ được gặp nhau ở Côn-Đảo.



Thực-dân khôn lắm. Họ bắt mạch biết không thể đi ngược được trào - lưu. Thanh - niên đương khao - khát những tư-tưởng mới mẻ của Tây-Phương, đương tủi-nhục vì mất nước, đương căm-thù bọn cầm-quyền độc - đoán, đương uất - hận vì những cuộc khủng - bố mù quáng và tàn-bạo. Họ lại được đọc lén những sách cấm từ ngoại-quốc gửi về, được nghe có phong-trào Đông-Du do cụ Sào-Nam phát-động.

Phải thoa dũ và ru ngủ họ theo một chiều-hướng hiền lành hơn và văn-nghệ hơn. Những người nào còn sót lại trong số những sĩ-phu đã cộng-tác với Đ. K. N. T. có thể sẽ hợp-tác với thực-dân bằng cách gián-tiếp hay trực-tiếp. Do đó mà năm 1913 người ta thấy xuất-hiện tờ *Đông-Dương tạp chí* do một người Pháp sáng lập : ông Schneider. Không ai ngạc-nhiên khi thấy tên ông Nguyễn-văn-Vĩnh làm chủ-bút. Ông Vĩnh đã tích-cực hoạt-động trong Đông-Kinh Nghĩa-Thực nhưng ông không bị bắt, bị tù, bị đầy như nhiều người khác. Trái lại,

ông vẫn được sống tự-do và từ 1907 cho đến 1910 ông vẫn liên-tiếp làm chủ-bút những tờ *Đấng-cỏ Tùng-báo*, *Note journal*, *Notre Revue* và tờ *Lục-tinh Tân-văn* ở Saigon. Một luồng dư-luận đã nổi lên về thái-độ của ông trong « vụ Đông-Kinh Nghĩa - Thực ». Sau này ông Phan-Khôi cũng đề cập đến dư-luận đó và đề-nghị nên « xí-xóa » vì « con chuột nào lẹ chun chạy được thì cứ chạy ». Nhưng chạy ngờ ngờ ở trước mắt những con mèo thực - dân mà vẫn được bình-yên vô - sự thì chắc chắn là ông đã có « bùa hộ mạng ».

Người đã chết rồi ta không nên bươi móc nhưng cần phải dẫn chứng rằng Đông-Dương tạp-chí là một tờ báo của thực-dân và ông Nguyễn-văn-Vĩnh phải đi theo đường lối của họ. Ngoài ông Nguyễn-văn-Vĩnh còn có một số cán-bộ cũ của Đông-Kinh Nghĩa-Thực như các ông Nguyễn-bá-Học, Phạm-duy-Tổn, và những nhơn-vật khác như Nguyễn đỗ-Mục, Phan-kế-Bính, Nguyễn-văn-Tổ, Phạm-Quỳnh, v.v...

Ta phải nhìn nhận rằng ông

Nguyễn-văn-Vĩnh đã lãnh-đạo tờ *Đông-Dương Tạp-chí* một cách sáng suốt, tài tình để biến nó thành một cơ-quan phổ-biến văn-hóa và trau-dồi văn-nghệ. Ngoài cái tên Schneider nằm chình-ình ở bìa người ta không tìm thấy một dấu vết gì của thực-dân trong đó. Bao nhiêu những áng văn hay của Đông, Tây, Kim, Cổ đều lần lượt được dịch thuật và trình-bày lên báo làm thỏa mãn được phần nào lòng hiếu học, chí cầu tiến và óc văn-nghệ của thanh-niên hồi đó. Nhưng hết thấy đều có vẻ đạo mạo, cồ-kính, lằng-mạn, du, dương, hiền-lành và êm-dịu khác hẳn với những gì đã được giảng dạy ở Đông-Kinh Nghĩa Thực. Ở đây người ta không dạy để « làm giặc ». Ở đây người ta dạy để làm người, để cho biết an thường, thủ-phận, vịnh nguyệt, ngâm phong. Và như thế là đã đạt được phần nào mục tiêu của họ Thực.

Bốn năm sau, năm 1917, *Nam-Phong tạp-chí* ra đời cũng do một người Tây sáng-lập : L. Marty, giám-đốc Chánh-trị phủ Toàn-quyền. Chủ bút là một

thanh niên tân học đậu số 1 bằng Thành-Chung, và đã từng làm việc ở Thư-viện Trường Viễn-Đông Bác-cổ : Ông Phạm-Quỳnh. Ông Vĩnh hơn ông Quỳnh 8 tuổi. Một đảng thì hoạt-động tháo-vát trong bộ Âu-phục gọn gàng. Một đảng thì nho nhã trang-nghiêm trong bộ quốc-phục cổ-kính. Nhưng cả hai đều học rộng, biết nhiều, thông tuệ, tài-hoa. Thực-dân quả có con mắt tinh đời. Họ đã biết dùng ông Vĩnh lẽ nào họ chịu bỏ ông Quỳnh. Hơn nữa họ có thể tin cậy ông Quỳnh nhiều hơn ông Vĩnh. Dù sao lúc đó ông Phạm-Quỳnh chỉ là một bạch-diện thơ-sinh, chưa có tham vọng về chánh-trị và cũng chưa có những nhu-cầu quá đáng về tiền bạc. Làm chủ-bút một tạp chí văn-học có tiền trợ-cấp của «nhà nước» là quá sự mong ước của ông rồi. Một số cộng-sự-viên của ông cũng là những người đã từng tham-gia Đông-Kinh Nghĩa-Thực hoặc đã cộng-tác với tạp-chí *Đông-Dương*, nhưng tất cả đều đã từ bỏ cái đầu óc «làm giặc» để cùng ông chủ-bút văn hồi cái đạo-lý «làm người», làm người

quân-tử, làm người hiền-triết, làm người học-giả, làm người văn-ngệ, là những kiểu người cao-thượng nhứt, đẹp đẽ nhứt, hiền-lành nhứt nhưng rất thực-động và cầu-an.

Có người đã phê-bình : Ông Vĩnh chuyên về văn-học, ông Quỳnh chuyên về học-thuật. Lời phê-bình chỉ đúng có một nửa. Ông Quỳnh thiên về học-thuật nhưng cũng rất văn-chương. Đọc *Nam-Phong* người ta thấy đầy-dủ hơn, no-nê hơn vì việc làm của ông Quỳnh có phần châu-đáo và toàn-diện hơn. Cái lối trích-dịch từng đoạn, từng khúc, từng bài ở Đ.D.T.C đã được thay thế bằng những bài nghiên-cứu từng bộ sách, từng tác-giả, từng thời-đại, từng phong-trào. Nhưng có điều là khi ông nói đến những nhà chánh-trị tiến-bộ nhứt, những nhà văn cách-mạng nhứt ông cũng nói theo điệu học-giả, đưa ra những khía cạnh và những tư-tưởng rất hiền lành để họ khỏi «xúi» người ta «làm giặc».

Tôi không phủ-nhận công-phu của hai bậc tiền-bối trong công-việc trau-đồi quốc-ngữ, tài-bồi học-thuật và văn-chương

trong thời-kỳ biến chuyển. Nhưng các ông cũng đã làm được một việc phá-hoại ghê-gớm là các ông đã tiêm vào trong máu huyết thanh-niên thừa đó những vị thuốc an-thần công-hiệu làm cho họ hết muốn làm cách-mạng và chỉ muốn làm triết-học hay văn-nghệ. Về phương-diện này các ông đã phục-vụ thực-dân đặc-lực.

Như trên tôi đã nói, bắc một cây cầu dài tới *Đông-Dương Tạp-chí* và *Nam-Phong* là bỏ sót một biến-cổ quan-trọng, một sự-kiện lịch-sử. Đông-Kinh Nghĩa-thực có địa-vị trong lịch-sử tranh-đấu và cũng có một địa-vị đáng kể trong lịch-sử văn-hóa và văn-học.

Sau những thất-bại liên-tiếp của các phong-trào Cần-vương và văn-thân sĩ-phu trong nước đã tìm ra được những nhược-điểm của mình nên chuyển-hướng về một cuộc vận-động tân-văn-hóa, cương-quyết đã phá-lối văn-chương cử-nghiệp để hấp-thụ những tư-tưởng tiến-bộ của Tây-Phương. Các cụ không đọc được ở nguyên-văn thì các

cụ đọc ở những Tân-Thơ của người Tàu rồi các cụ truyền-bá lại cho thanh-niên trong nước. Các cụ truyền luôn cho họ bầu nhiệt-huyết và họ sẽ tiếp-tục cuộc tranh-đấu cách-mạng về đủ mọi phương-diện bằng khẩu-súng, thanh gươm hay cây viết. Nếu Đ. K. N. T. không bị Tây ngăn chặn thì ở đó sẽ khơi nguồn cho một nền văn-học dân-tộc, tiến bộ và cách-mạng.

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã từng cộng-tác ở đó, thấy rõ cái tiện-lợi, cái công-dụng và tương-lai của chữ quốc-ngữ nên ông đã nói ra được câu nói bất-hủ : « Nước ta sau này hay dở là ở chữ quốc-ngữ ».

Qua chủ-trương tờ *Đông-Dương tạp-chí* ông tiếp-tục trau-đồi cái lợi khí sắc bén đó. Ông Phạm-Quỳnh ở *Nam-Phong* bổ-túc việc làm của ông Vĩnh. Nhưng cả hai ông đều theo một chiều hướng khác hẳn với chiều hướng của Đ. K. N. T. vì các ông không có ngọn lửa thiêng và những người chịu ảnh-hưởng của các ông không còn giòng máu nóng.

Chính kẻ viết bài này đã có hời coi các ông như những thần-tượng và viết lên *Nam-Phong* chề bọn cách-mạng là « vọng động tự-khí ».

Lớp văn-sĩ tới sau đã học của các ông rất nhiều nhưng nếu họ không học thêm được ở những chỗ khác nữa, nếu họ không học thêm, đọc thêm, uống thêm ở những nguồn khác nữa thì họ cũng khó thoát được

những ảnh-hưởng tai-hại của các ông và không thể đưa văn-học tiến theo một nhịp với đà tiến-triển chung của dân-tộc.

Những sự-kiện kể trên trong những sách giáo-khoa không có sách nào nói tới. Tôi cho là một thiếu sót nghiêm-trọng nên phải nói tới ở đây.

THIẾU-SƠN



★ LOÀI CHIM DI TRÚ

Một bà giáo giảng cho học sinh về những tính chất của loài chim di trú. Bà trang trọng nói :

— Lúc mùa đông giá lạnh bắt đầu ở các miền Bắc cực, những bạn của chúng ta lần tránh nơi băng tuyết để về trú ngụ tại các miền ấm áp như xứ ta. Vậy các em thích những bạn nào đến với chúng ta ?

Cả lớp yên lặng. Ở hàng ghế sau, một ngón tay trẻ con dơ lên và một lời ngập ngừng thỏ thẻ :

— Dạ thưa... em thích khách du-lịch ạ.

VƯỜN TREO tại LUÂN-ĐÔN

★ CHRISTINE ROSS
(London)

K Ề ra thì đi dạo phố mua hàng tại thành phố Luân-đôn cũng thích thú không kém gì dạo phố mua hàng tại các thủ-đô lớn khác trên thế-giới. Nhưng đi thết một chốc thế nào cũng cảm thấy mệt mỏi và chính lúc ấy mới thấy thêm một cốc trà nóng, một cơn gió nhẹ, một bóng mát rượi, mùi hương thoang thoang bốc ra từ những đóa hoa ẩm nước mưa — nghĩa là bất cứ một cái gì dễ chịu hơn mùi khói xăng sống của xe cộ, via hè xi-măng nóng bỏng, hành khách qua đường chen chúc lẫn nhau một cách rất ồn-ào.

Nếu đi dạo mua hàng ở khu

(Gardens on a
London Roof-top)

Kensington thì có thể tránh được những nỗi bức mình nói trên vì tại đây có một cái «vườn treo» duy nhất ở Luân-đôn và có lẽ cũng độc-nhất vô-nhị đối với thế giới nữa. Vườn ở ngay trên nóc nhà hiệu bách-phẩm vĩ-dại *Derry and Toms*. Vườn rộng đến sáu sào tây (sáu nghìn thước vuông). Hàng năm có đến 15 000 hoa loại có củ xộp, và 38.000 loại hoa khác được trưng bày tại đây.

Nói rằng đây là một cái vườn thì có hơi sai vì chính thực có những ba cái: một cái vườn theo kiểu vườn có cây cao bóng mát ngày xưa tại Anh, một ngôi

VƯỜN TREO TẠI LUÂN-ĐÔN

vườn có rào tường và có lối đi lát gạch dưới thời Tudor, và một ngôi vườn kiểu Y-Pha-Nho có cây leo phủ tường, có suối nước và có lang cang và cửa bằng sắt rèn.

Trong ngôi vườn đầu có những cây đu, cây phong, cây dẻ tây, cây táo và nhiều loại cây khác trong số đó có cây cao đến chín thước. Một giòing suối nhỏ chạy ngoằn-ngoèo len lỏi giữa những « cây cao bóng mát » ấy. Tại ngôi vườn Y-Pha-Nho thì có những giống cây gần vùng nhiệt - đới như cây dừa, cây ngọc đã hoa, cây sung, v.v...

● Lấy tiền vào cửa để giúp việc từ thiện

Ngôi vườn Tudor trông rất rực rỡ với những hoa mễ vi tảo, hoa hồng leo, hoa phong lư thảo, hoa oải hương, hoa dương quỳ (đấy là mới kể sơ qua vài loại hoa đặc biệt) được trồng dọc theo bìa vườn. Cạnh những hoa ấy có những loại hoa leo khác mọc phủ lên tường như cây tiên nhân thảo chẳng hạn.

Vườn treo này được mở cửa

vào năm 1938. Và từ ấy đến nay không những hàng vạn du khách đến Luân-Đôn và ngay cả thổ dân thành phố này cũng thấy thích đến đây giải trí hoặc nghỉ ngơi trong một khung cảnh rất thi vị. Họ đến ngồi dưới bóng mát đọc sách hoặc phóng tầm con mắt nhìn xuống quang cảnh Luân-Đôn trong khi uống một cốc cà-phê hoặc dùng một bữa cơm trưa thanh đạm.

● Vườn treo này treo cao cách mặt đất những hơn 30 thước

Thật không thể nào tin được rằng có thể ngồi trên một góc tường ngắm nhìn những bồn hoa rực rỡ nằm chen giữa thảm cỏ xanh rì, ngay giữa khu Kensington mà lại xa hẳn những tiếng ồn-ào náo-nhiệt trên đại lộ Kensington Hill. Hoa được tưới nước thường xuyên, ngay những khi trời mưa nữa vì hơi nước bốc đi rất nhanh bởi lẽ trên mái nhà ấy nóng lắm. Muốn vào ngắm vườn phải trả một số tiền và tiền ấy được dùng vào nhiều việc từ-thiện.

C. R.

Trong vườn Đạo - hạnh

Đêm khuya thanh vắng cảh
sân chùa,
Là tả đề rơi theo gió đưa.
Lòng nghĩ miên man giờ hội-ngộ,
Vai gầy lăm tằm nở hoa mưa.

Dù sao đây cũng gắng mong chờ,
Chỉ tiếc trăng mờ bóng suốt thơ.
Nhưng bỗng trời thanh-quang,
rực-rỡ ;

Một vì sao lạc — Ngõ trong mơ

Đôi trái tim non dưới Phật-dài,
Trong vườn đạo-hạnh, cõi Bồng-lai.

Quỳ bên ngưỡng cửa thiêng-
liêng ấy ;

Quyện với TÌNH THƯƠNG
khỏi tỏa bay...

Thanh-Khiết
ĐÀO-TỬ-LANG
(Sinh-viên Đại-học-
đường Philippines)

Trăng nước đêm buồn

Sông lạnh ngoài kia chảy lững-lờ,
Đêm buồn thơ-thần ngấm trắng
mơ.

Nước trắng lặng-lẽ sâu nhân-thế
Đề mãi cho ai đứng thần-thờ !

★

Im lặng ngoài khơi một bóng
thuyền

Về đâu mang cả nỗi niềm riêng ?
Hay thuyền xuôi mãi trên sông
lạnh ?

Đề bến ngày xưa phải ngóng...
phiên ?

★

Lạnh nhạt trăng soi bóng chiếc
câu,

Côn-trùng rả giọng mãi đêm thâu.
Cô - đơn mấy kẻ không xao-
xuyến ? !

Thơ thần về đâu gửi gánh sầu ?...

Đ.T.L. HOÀI-NHÂN
(Châu-Phú)



Anh ơi! nếu mộng không thành ...?

★ TRỌNG-TÁU

TÊN cô là Nguyễn-thị-Thục. Tên « Thục » kém đẹp này thật ra chưa đến nỗi quá xấu xí như những tên « Tũn, Tèo »,

của các cô gái quê khác lam lũ ăn sỗ mớ niêu. Ông già cô dù sao cũng làm chức thợ may ở Quận-lỵ, nhà lại có tí tiền.

Cô mang tên *Thục* quái-ác là lỗi tại cái ông Ủy-Viên Hộ-Tịch báo đời. Cha mẹ cô hiếm con gái nên ngay khi cô vừa mới ra chào đời, thân phụ cô đã đặt tên cô là *Thục* cho có vẻ « yếu-diệu thực-nữ ». Nhưng ông Ủy-Viên Hộ-Tịch lại viết sai chính-tả, cho nên cô *Thục* đã biến thành ra cô *Thục* vậy !

Từ sau ngày loạn-lỵ, mẹ cô đã qua đời, cha cô *Thục* tản cư lên Saigon để làm ăn. Do đó, đoạn đời đương soạn của cô được nhuộm nhiều

màu sắc đô-thị. Lập nghiệp ở đất Sài-thành được ít lâu, ông già của cô, — người ta thường gọi : anh Tư Bành-Tô, tục huyền với một chị làm khuy nút ở tiệm may

ANH ƠI! NẾU MỘNG KHÔNG THÀNH... ?

anh giúp việc. Cô *Thục* may mắn không bị đẩy-dọa trong cảnh đi ghê con chồng, nhờ vợ kế của cha cô hiền-lành.

Nhưng lúc sau này, gia-đình cô *Thục* sống có vẻ hơi chật vật. Anh Tư Bành-Tô đi làm công cho tiệm may nọ được ít lâu đã rút lui về nhà nằm co. Anh thường chửi thề :

— Mẹ cha kiếp ! Làm với mấy thằng chủ ngu phát bực cả mình, mà là ở nhà chơi cho khoẻ xác !

Nhưng nhờ có vợ nuôi nên anh cũng « dểch cần » đi làm.

Anh Tư cũng không nói động tới cô *Thục* vì cô là con gái cưng của anh. Lúc này cô lại càng phây phây hơn ; cô đang ở tuổi « trỏ mã » và tập ăn diện theo kiểu « đợt sống mới ». Đối với cô *Thục*, diện không phải là một vấn-đề tốn kém, hoặc khó khăn gì. Dù là con đi ở mướn, dốt nát, ngu-si, mà có vài thước loại vải bố rằn-ri, hoặc giống da beo để may áo quần mặc đi diện, là đủ làm cô gái « Đợt sống mới » rồi.

Cô thích giao du thân mật

với mấy cậu thanh-niên « đợt sống mới », toàn một kiểu cách và một trình-độ như cô.

Lúc này cô *Thục* lại có nhiều triển-vọng đi lên lắm. Đối với tất cả những người « tầm thường » trong cái xóm nghèo ở Vườn Chuối này, cô tự cảm thấy cô « bảnh » hơn hết.

Cô *Thục* tuy không được cắp sách tới trường nhiều, nhưng đâu phải vì vậy mà cô không biết sống theo đời « Văn-minh » !

Lúc này cô nhây đầm giời và biết dùng nhiều danh-từ lạ tai mà giới bình-dân, cả giới trí-thức, nghe chẳng hiểu gì cả. Mấy chị bán chè bột khoai và cả dì cô thỉnh thoảng lại được nghe cô xõ ra vài ba tiếng « Ăng-Lê ». Cũng có khi, trong những giờ nhàn rỗi, người ta thấy cô ngồi bàn chuyện « nghệ thuật thứ bảy » với vài ba thằng trẻ thò lò mũi. Nghe cô nói thì biết vậy thôi chứ nào ai quen thuộc với những *Bê-Bê*, những *Sô-phi-a Lo-Den*, *Lít-Ihây-Lô...* mà rõ ! Người ta có cảm-tưởng như cô *Thục* là bạn thân với bạn đào hát quốc-tế.

Nhiều lúc thấy cô sống hơi

sái kiều, anh Tư Bành-Tô cũng mắng yêu con gái vài ba câu cho có vẻ dạy dỗ :

— Nộp nợ, nộp nợ lắm có ngày khờ dầy con ạ !

Cô Thục cong-cớn :

— Ba đừng lo cho con gái ba ! Con ba không có dại đâu.

Cô Thục không dại thật. Giờ đây cô đã tiến tới « đi xe Huê-Kỳ » rồi. Chiều chiều, có một chàng phong lưu mã thượng thường đậu xe hơi ở đầu ngõ để bóp còi gọi cô. Người ta nghe tiếng cô reo lên :

— Ô... Khê ! ai khôm hia !

Cô vừa đi vừa nhảy một cách rất xi-nê ra với chàng, để đi chơi, lắm khi tới 5 giờ sáng mới trở về ngõ hẹp. Cô cho mọi người biết, kẻ đó chính là người tình muôn thuở của cô. « Nhà xuất nhập cảng, giàu lắm », cô khoe thế.

Tí nữa thì quên không nói thêm, là lúc này cô Thục lại đang tập hát nữa. Không biết được « chàng » hay nhạc-sĩ nào huấn luyện, nhưng có điều chắc chắn là cô đang gấp rút luyện

giọng ca. Cô sẽ trở thành Nữ danh ca » nữa chứ bộ !

★

Chị Tư được chủ cho biết, tháng này đồ may êm buộc lòng ông phải để chị nghỉ tạm ít lâu. Chị trở về nhà năm sống sượng trên ván như một cái xác chết. Nghĩ tới đường chông con chị càng cảm thấy tủi thân. Người ta lấy chông thì được phận nhờ, còn tại sao chị lại vất vả như vậy. Nại lưng ra làm đây tở không công cho cả cha lẫn con, toàn là loại lười chầy thây, chị đã không được an ủi thì chớ, thỉnh thoảng lại còn nghe đây tai những câu chửi đổng. Chị nằm khóc rưng rức một mình. Rồi một hôm, chị ngồi nhồm dầy, chạy vào buồng quơ mấy bộ quần áo rồi bỏ đi ra. Phen này chị quyết thoát-ly và chị cũng không quên dặn người hàng xóm nói lại với anh Tư :

— Nhà tôi có về, bác làm ơn nói giúp là tôi phải về quê ngoại gấp.

Đúng như lệ thường, anh Tư về nhà lúc 12 giờ trưa để chờ vợ dọn cơm, và một

lát nữa khi các « công tử » và « tiểu thư » tề tựu đông đủ là cả nhà dùng bữa. Nhưng hôm nay lệ thường đó đã trở nên bất thường. Bác hàng xóm cho anh biết là chị về quê ngoại.

Thôi rồi ! Anh Tư thừa hiểu đã có việc gì xảy ra. Chị Tư làm gì có quê ngoại ở đây ? Chị đi đâu, nếu không phải là bỏ rơi anh ?

Anh Tư ra lục chạn, liếc mắt nhìn trên bếp. Nồi niêu lạnh ngắt. Soong chảo ngơ ngác như tờ đầu ai-oán, ái ngại cho dạ dày lép xẹp của anh. Anh đi ra đi vào, bực bội không nói gì được cả. Anh nằm vật ra giường. Tội nghiệp cho cái lưng dài, bữa nay bị quật quá mạnh trên ván. Anh vất tay lên trán thờ dài, chán ngán cho đời ghê lạnh !

Cô Thục nhí nhảnh như một minh-tinh màn bạc mới đi dự dạ hội điện ảnh trở về. Đi ngang bộ ván ngựa, thấy cha nằm lim dim mơ màng, cô nhún vai một cái rất Tây rồi bỏ chạy vào trong buồng leo lên chiếc võng rách nằm du đưa, thả hồn theo mộng.

Hôm nay là ngày vui nhất đời

của cô Thục. Đáng lẽ cô phải báo ngay cái tin mừng này cho Ba cô biết, nhưng thấy « ông » hình như đang mải tính chuyện gì nên cô chưa nói vội.

Cô mỉm cười một mình. Lát nữa cô sẽ mạnh dạn tuyên-bố :

— Ba ơi ! « chàng » sẽ xin cưới con...

Chắc Ba cô sẽ hỏi :

— Nó cưới thật à ? Sao con biết ?

Cô sẽ cười vang lên và nói :

— Bởi vì đứa cháu ngoại của Ba đang nằm trong cái bụng này này. Con có tin mừng ! Con có thai với « chàng » rồi, Ba ơi !

Cô Thục bật cười thành tiếng. Cô bỗng cất tiếng hát vang vang cổ lấy giọng giống như đào Doris Day :

Anh ơi ! Nếu mộng không thành thì sao ? (1)

Bốp ! Từ bên ngoài một chiếc guốc vút bay trúng đầu khiến cô nẩy dóm-dóm mắt. Còn chưa hiểu ra sao, cô đã thấy ba cô đôi mắt đỏ ngầu đứng trước mặt.

(1) Lời ca trong một bản nhạc.

— Mộng không thành thì... kệ xác nhà mày ! Kiếm đường mà cút đi cho tao rảnh nợ !

Cô Thục ôm mặt khóc hu hu nhưng vẫn còn cố giữ dáng điệu đào xi-nê:

— Hu hu ! Sao ba đánh con.

— Tao giết mày chứ không thèm đánh.

Rồi ông đuổi con gái, đập túi bụi.

— Cô chạy biến ra ngoài đường. Tui thay cho người con gái duyên sắc « *thiếu tình thương của gia đình* ». Cô Thục cần phải đi tìm người để được an ủi. Cô đi tìm « chàng ». Phải ! Chỉ có chàng mới là người độc nhất, hiểu cô và an ủi nỗi cô thôi. Nhưng mà... « chàng đã nói với ta là không nên tới nhà vì cha mẹ chàng khó lắm ».

Mặc dầu biết địa chỉ của chàng, cô vẫn tự hứa không bao giờ tới quấy rầy người yêu. Nhưng trong trường hợp bị thăm này cô cần phải gặp, gặp ngay chàng để than thở nếu không thì cô chết mất. Trong một phút cương quyết, cô nhất định tới nhà chàng.

Đứng trước cửa một biệt thự nguy nga, cô Thục còn đang ngần ngại chưa dám bấm chuông.

Thấy có thấp thoáng bóng người, một cậu bé chạc 15, 16 tuổi chạy ra hỏi:

— Chị hỏi ai ?

— Xin lỗi, cho tôi... cho tôi hỏi anh Xuân.

— Cô là gì của anh Xuân ?

— Tôi... là bạn.

— Anh Xuân vừa bị lính bắt đi rồi.

Cô Thục trở mặt muốn hỏi thêm nhưng cò họng như bị tắc nghẽn. Một lát sau cô mới cố thều thào được:

— Sao lại bị bắt hả cậu ?

— Anh Xuân lấy xe của Ba tôi, lên đi chở thuốc phiện lậu cho người ta. Anh Xuân làm tài-xế cho Ba tôi đó ! Nếu vậy thì cô trốn mau đi kẻo lại bị bắt lây bây giờ.

Cô Thục bủn rủn cả tay chân. Thế này là hết ! À, té ra « chàng xuất-nhập-cảng » có xe hơi Huê-kỳ đó là anh tài-xế.

Mấy đứa trẻ ở trong nhà đuổi nhau nô rồn la hét om sòm:

— Anh ơi ! nếu mộng không thành thì sao ?

Cô Thục khóc thút-thít, quay gót bước đi, mắt liếc xuống bụng...

TRONG TẤU



★ NGUYỄN - VĂN - CỎN

uấn - đề học

SINH - NGỮ

(tiếp theo P.T. 85)

Bạn thân mến,

Trước khi nói đến những chi tiết trong việc cải-cách học sinh ngữ, ta nên nhớ rằng trước kia, tại các trường Trung-học và Đại-học, sinh viên theo học sinh-ngữ chỉ cốt để đi thi. Xong rồi, sách xếp vào một góc, chữ thầy lại trả thầy và một vài năm sau, kiến-thức sinh-ngữ chỉ còn mập mờ trong kỷ-niệm.

Học sinh chỉ cần thuộc những kiến thức có tính cách thi-cử hơn là thiết-thực. Vì vậy, xưa kia người ta đã thấy những ông giáo dạy Pháp-ngữ mà ngáp-ngừng, lúng túng khi đứng trước một người thường-dân Pháp, mặc dầu ông giáo có thể nhớ thuộc lòng nhiều bài thơ cổ - điển còn hơn người Pháp kia ! Nhưng đã qua rồi, thời-kỳ học ngoại-ngữ để thành một « Ông Đồ Nho », hoặc một « Ông Đồ Tây », không liên - can mật thiết với đời sống thực tế. Lúc này hơn

lúc nào, trước sự tiến triển của duy - vật, đã « HỌC » tất phải có « HÀNH ».

Theo những nguyên tắc nói trên, trong khi thảo-luận lại vấn đề học sinh ngữ, các Đại-học Tây-phương đã vạch rõ con đường mới. Những kiến thức về sinh ngữ được chia ra làm hai loại :

1) Trước hết, để có thể thông thường giao dịch, kiến thức ngoại ngữ mà học sinh cần có phải là những **kiến thức thực dụng** (*connaissances utilitaires*).

2) Cao hơn vấn đề thực dụng, sẽ là những **kiến thức văn-hóa** (*connaissances culturelles*).

Tôi xin tuần tự nói trước về vấn đề kiến thức thực-dụng. Các phương - pháp mới hiện nay được áp - dụng đều do những kinh - nghiệm sư - phạm phát biểu ra.

Ngay bắt đầu từ khi học, học-sinh đã phải tập đọc, tập nói cho đúng động và phải biết nghe và hiểu ngoại-ngữ mà mình theo học. Để đạt được mục-dịch đầu tiên ấy, ngay từ lớp Đệ-Lục, người ta đã dùng

các giáo-sư ngoại-quốc cộng sự với giáo-sư quốc-gia. Thí-dụ như tại nước Pháp, hay tại nước Anh, thường thường có những người *répétiteur*, biết hai thứ tiếng, tập cho các học-sinh đọc đi đọc lại cho đúng động; giáo-sư Anh tập cho học-sinh Pháp đọc tiếng Anh, và giáo-sư Pháp tập cho các học-sinh Anh đọc tiếng Pháp. Những giáo-sư Pháp qua bên Anh-quốc phần đông đều là các ông hay các bà các cô Cử-nhân có bằng cấp cử-nhân Anh-văn. Họ qua bên đó dạy học, nhưng cũng để hiểu rõ văn ngữ và dân học Anh. Sau ba bốn năm tại Anh-quốc, họ đã lần lần thạo tiếng Anh, nói đúng động, hiểu tiếng nói của thường dân và đời sống của dân-tộc Anh-quốc. Như thế sau khi về nước, họ sẽ đủ năng-lực dạy lại cho học-sinh xứ mình, và nếu họ có chí-hướng sẽ thi bằng cấp thạc-sĩ với tất cả sự hiểu biết, và thực-dụng tiếng Anh.

Hàng năm, nước Pháp và nước Anh thường có cuộc đổi trao giáo-sư như thế. Nhưng muốn cho học-sinh, nhất là những trẻ em từ 11 đến 15

tuổi, dễ uốn lười bắt đúng động, thì mỗi nghỉ hè, một số em Pháp được lịch bên Anh, và đi qua bên Pháp.

Học sinh tới đây sẽ chia làm ba hạng :

1. — Học sinh do các giáo-sư đưa qua, ăn ở tại các trường mà các lưu trú học sinh đã đi nghỉ hè. Mỗi giáo-sư sẽ coi sóc một số học sinh, đưa đi xem các nơi thắng cảnh, lâu đài, biệt thự cổ tích, tổ chức các cuộc hội họp với người Anh để trẻ em có thể nói chuyện và quen cách đặt câu cho gọn gàng, dễ hiểu. Nhiều khi giáo-sư để cho các trẻ em ra chợ, ra phố, đi mua các đồ lặt vặt để quen dần dần với tiếng nói. Trẻ em nào lanh lợi, không sợ sệt, sẽ học hỏi được rất nhiều và dần dần nói tiếng Anh đúng động không còn ngỡ-ngập nữa.

2. — Có sự thỏa thuận giữa các gia-đình do trường học làm trung-gian, một số học sinh sẽ được mỗi gia đình người Anh nhận cho ăn ở trong hai tháng hè. Trong lúc đó thì mỗi gia-

lên tại chỗ
đề tỏ lòng
Đức Mẹ.
năm
phá,
rợc
ở
en.
trẻ e.
tiếp xu
buộc phải
Trước hết,
e sợ, nhưng s
mặt của chủ nhà,
quen thân và trở nên
hiều dễ dàng và nói thò.
Nhiều khi trẻ em gặp gia
hiền hậu, đem lòng quyến luyến
lúc ra về, trong khế mắt thơ
ngây đã long lanh giọt lệ.

3) Hạng thứ ba là những học-sinh qua nước ngoài cốt để học hơn là để nghỉ hè.

Học - sinh phải đệ đơn xin vào học lớp nghỉ hè ở các Collèges Anh. Họ ăn ở trong trường, có các giáo sư chăm nom dạy dỗ, tùy theo sức học. Xin nói đây là những học sinh con nhà giàu, vì tiền ăn ở và

học tập mỗi tháng tốn từ 6 đến 70.000 quan (cũ).

Ngoài những cuộc đi du lãm đó đây, học sinh phải học mỗi ngày 4 giờ. Nhưng không phải theo cách học như ở trường. Phương pháp áp dụng ở đây là phương pháp « *Audio-visuel* » (Nghe và Thấy). Cách dạy học ngoại ngữ này mới áp dụng mấy năm gần đây và đã có kết quả khả-quan.

Trong 4 giờ học mỗi ngày, chỉ có một giờ học theo kiểu mẫu thông thường. (Giáo sư tập cho học-sinh đọc và viết kèm theo chút ít về văn-chương và lịch-sử). Theo lối dạy « *audio-visuel* », thì sự khai thác trí óc do nơi *tai* và *mắt*.

a) Học-sinh xem những mẫu phim nhỏ về thời-sự, về tài-liệu, về đời sống của một dân tộc nào ; chẳng hạn phim ấy nói về Úc-đại-Lợi (Australie).

Học-sinh nghe tiếng nói « *Đây là Úc-đại-Lợi* ». Trong lúc ấy trên màn ảnh hiện ra bản-đồ Úc-đại-lợi :

Tiếng nói tiếp theo « *Úc-đại-lợi là một hòn đảo lớn, diện tích*

7 triệu, 740 nghìn cây số vuông. Úc-đại-lợi là một nước chuyên về nông nghiệp, và nghề nuôi cừu rất là thịnh ».

Trong lúc ấy, học-sinh thấy trên màn ảnh phong cảnh đồng điền của nước ấy và hàng nghìn con trâu do những người chăn nuôi cỡi ngựa coi sóc. Ngoài những phim ấy, học sinh còn xem những phim về đời sống hàng ngày của dân Anh, cách đón tiếp, chào mời và câu chuyện giữa các bạn hữu gặp nhau.

b) Dùng máy thâu thanh. Học sinh tập đọc một bài văn. Máy thâu thanh sẽ thâu tiếng nói và mấy phút sau, giáo-sư sẽ vặn lại cho nghe. Học sinh sẽ nghe tiếng mình đọc và sẽ nhận thức dễ dàng chỗ nào đúng chỗ nào sai. Những khuyết điểm ấy, giáo sư tập cho học sinh bồi bổ lại. Mỗi tuần có hai buổi thâu thanh như thế. Học sinh khi nghe thấy người Anh và giáo-sư đọc chữ ấy, câu ấy thế nào, sẽ tự mình dần dần sửa chữa.

Sau khi đã thâu thanh tiếng học-sinh khi đọc bài, họ lần lần sẽ thâu câu chuyện học-sinh kể

lại, như khi ra đường thấy những gì, gặp ai, xem hay mua gì ; rồi chót hết, họ sẽ thâu thành cuộc nói chuyện giữa học sinh và giáo sư, hay giữa học sinh và các trẻ em người Anh.

Những mẫu thâu thanh ấy (bandes) sẽ gửi về cho cha mẹ học sinh để họ có thể chứng kiến sự cố gắng và tiến bộ của con mình.

Tôi đã nói trên là những học sinh này thuộc về hạng con nhà giàu, vì học theo cách này rất tốn kém.

Sau vụ nghỉ hè, học sinh về nước vẫn theo học chương trình quốc-gia, nhưng chuyên về sinh-ngữ ấy. Nghỉ hè sau, họ lại qua Anh-quốc và như thế liên tiếp cho đến khi học xong. Họ sẽ là những cán bộ tương-lai về Anh-ngữ, hay về sự giao dịch giữa Pháp và Anh về kinh-tế hay ngoại-giao

Kỳ sau tôi sẽ nói về phần thứ hai, tức là về kiến-thức văn-hóa (*connaissances culturelles*).

Thân mến,
NGUYỄN-VĂN-CÔNG



★ CÓ CHỖ NÀO TRẮNG KHÔNG BA ?

Một em bé đi xem trình diễn văn nghệ với Ba. Đến màn vũ của các vũ nữ da đen, thấy các cô mặc áo đủ màu rất đẹp, em khều tay Ba và thổ lộ :

— Ba ơi, người họ đen như vậy mà có chỗ nào họ trắng không Ba ?

— Không. Chỗ nào họ cũng đen cả.

Em bé có vẻ rất phục, khen :

— Ba thật giỏi ghê ! Cái gì Ba cũng biết !...

NHẬT-KÝ
CỦA CỎ

NỮ SINH - VIÊN - PARIS

NỮ SINH VIÊN - PARIS

[illegible]

(Tiếp theo P.T. số 85)

Paris ngày...

THỀ là rảnh rỗi đây. Thi-cử đã xong xuôi cả rồi. Bây giờ chỉ còn ngồi khoan tay đợi kết quả thôi.. Nhưng sao mình « nghi » quá.. Mà dù sao cũng phải hy-vọng chứ ! Con người sống chỉ thấy cái hiện-tại, tầm-thường và tẻ-nhạt thì có mà sống cho qua ngày để chờ ngày chết chứ.. làm thế nào chịu nổi những tư-tưởng bi-ai như vậy được...

Đi Bois de Boulogne. Đẹp quá !... Đầm bước dưới những tầng cây xanh um, mình cứ tưởng chừng như đang ở trong vườn Bách-Thảo ở Saigon vậy... cũng những nhánh cây giơ ra rất xa thân cây... cũng lá chắt kều xào xạc dưới chân... cũng mùi đất ướt... một mùi rất riêng biệt... Bỗng qua đường mình thấy một cái hồ có vịt, có thuyền và... có người ta mướn ghế ngồi quanh bờ hồ nữa chứ ! (Còn gì là nên thơ nữa... ngồi gần quá, rủi ro vầy nước thì phiền đây nhé !)... Mấy con vịt trông mà xinh tề... lông nó đủ màu... mình cứ cho nó giống vịt xiêm bên nhà vậy, chính giữa hồ là một cái

NHẬT KÝ CỦA CÔ PHƯƠNG-LỎAN

đào, muốn qua bên ấy, phải đi đò... nhớ nhà ghê ! Đò không chạy bằng máy mà có người chèo nữa... Mình nhớ những lúc đi chơi ở vùng Bình-Tây .. lúc ấy mình còn bé, không dám qua cầu, chỉ sợ lọt chân giữa hai tấm ván... (Buồn cười quá chứ !) nên mỗi lần đi đò thì mừng lắm... Nhưng đi đò lại nơm nớp sợ đò chìm .. dù vậy mình cũng vững tâm hơn vì rình được cha bẻ mà cha thì lợi giỏi, không ai dám chê rồi đây !

Ở Paris mà thấy được cây lá xanh tươi và nhứt là thấy được một vùng có nước non là hơi hiếm đây.. nên mình có cảm-tưởng như đã được đi nghỉ hè rồi vậy.. Tạm quên ba quyển sách đi...

Đào cũng không to lắm nhưng vì đôi giày... nên mình thấy hơi đau chân...

Ngay trước bên đó là một nhà hàng... Xung-quanh có bao nhiêu là bông hồ g... Chao ôi ! đẹp quá !... Trong nhà, xem trang-hoàng quá chứ ! ... À, đám cưới mà lại... Cô dâu và chú rể (mình không dám chắc... nhưng mặc cứ gọi ông ấy là chú rể thì có mất mát gì mà sợ !) đang mở bal kia... tango !... Lúc này thiên-hạ xem chừng thích tango quá chứ tuy rằng các cậu mê twist lắm !... Nhưng ăn-mặc như cô dâu mà nhảy twist thì chẳng ra được cái trò gì cả !

Mây đứa trẻ phù đầu, phù rẻ thì chỉ thích leo lên chiếc thuyền máy, đi dạo một vòng... Kìa, hai đứa đang sừng - sộ nhau vì cô bé nghi cậu bạn giấu bó bông của mình mà cậu ta có vẻ người lớn đây chứ !.. đã không đồ quạu mà còn ra vẻ lúng ta, lúng-túng nữa... Bó bông rớt nằm lặng-thình trong két thuyền chứ ! Tội - nghiệp cho người bị hãm oan chưa !

Paris, ngày...

Parc de Versailles ! Thực không hổ danh là một trong

những thắng-cảnh của nước Pháp. Mình không ngờ nó to lớn quá như vậy... Cây cối um-tùm, còn đẹp hơn Bois de Boulogne nhiều... Xa-xa, ta lại thấy một bốn nước mà bốn nào cũng trang-hoàng những tượng nhắc ta đến những dã-sử huyền-bí... Vào cửa phải trả tiền vì hôm ấy có các bốn có nước phun ra từ miệng các tượng đá... Đã thấp-thoảng vài du-khách rồi đây !... Hễ thấy ai mang lưng-lẳng một máy ảnh là mình cho là du-khách ngay... Cây cối um-tùm che-khuất cả những lâu đài nho - nhỏ nên mình có cảm - tưởng như một nhà thám-hiêm, đang hướng cái thú đi tìm tòi những gì mới lạ... Kia là nơi các công-hầu, bá-tước và cả hoàng-gia thường hay đến để tìm chút ít mát-mẻ những ngày hè... Chao ôi ! công-trình bao nhiêu để tạo ra một tượng-đá như thế... Thực là một kỳ-công, mà lâu-đài Versailles không hiêm những thứ đó đâu... Nhìn lại, mình thấy trên nóc và trên các cửa sổ đều có những tượng chạm-trổ tỉ-mỉ không kém... Con đường từ lâu đài ra đến con rạch kia đều cũng không chịu thua kém ai đâu... Tượng khắc trên cẩm-thạch trắng... Những công-trình ấy đã trải bao nắng mưa mà xem vẫn còn... đẹp về đủ mọi phương-diện...

Mình phục mấy nhà điêu-khắc quá đi mất... Vẽ đã là khó rồi mà đem tài đục đẽo ra để truyền sống động vào một thê chất tĩnh là cả một việc không mấy người làm được. Đây, nhìn vào bốn này mình có ngay cảm-tưởng là thằng bé con kia đang cò mà tránh những giọt nước đang tung-toé trên cái chậu nọ... chịu thôi !... không đủ tài để mà tả ra những gì mình chỉ « sentir » được thôi.

Muốn thuyền đi trên con rạch xem thế nào... Các anh ấy không phải là chuyên về việc này... mình cũng ngán ngán chứ !... Nhớ lúc về quê mấy anh họ mình chèo tam-bản đi thăm mộ, mà hăm-he mình đủ thứ cả, mình thì không biết bơi biết lội gì hết mới chèo chứ !... Tánh con trai là như thế ! « Ma nhất xem mặt người » ta mà lại !... Nhưng bây giờ

mình có vẻ trịnh-trọng quá... có ai dám đùa dai đến như thế đâu !.. Mặt trời chiếu trên ánh nước !... chói mắt quá đi mất... Kia có mấy người đang dượt để đua thuyền đây .. Xem các cậu mệt dừ rồi đây... Mồ hôi chảy dài trên mặt kia rồi... Chung quanh con rạch là những lùm cây rất kín đáo, thực là nơi thơ-mộng cho những người yêu nhau... À, mà đã qua mùa hạ rồi... Tình xuân... Qua một mùa đông lạnh-lẽo thì mình thấy đó cũng là một phản-ứng tự nhiên của nhân-loại đây chứ !

Bên này, việc luyện-ái hình như được hưởng rất nhiều dễ-dãi... Âu đó cũng là một khác biệt giữa Đông và Tây nữa đây !... Riêng cá-nhân mình, mình lại thích cái vẻ kín-đáo của những cô con gái Á-Đông hơn ! Không phải vì mình là người phương-đông mà mình phải khen tất cả những tập-quán cổ-truyền của dân-tộc mình nhưng chỉ vì mình không ưa cái đời sống quá bông-thừa của những người chỉ trọng cái bề ngoài, chỉ chạy theo những thú-vui vật-chất... mình cứ nghĩ rằng những chuyện ấy rồi có ngày cũng phải chán, chỉ có những gì sâu-xa hơn mới tồn tại lâu dài được ! Đây, hôm nay mình lại triết-lý nữa rồi ! Có chán chưa ?

Mình có làm gì được đâu mà cũng muốn ăn kem !... Lần đầu tiên mình ăn kem trên đất Pháp đây nhé !... Ngon quá chứ !... Hôm nay cũng âm trời chứ lúc trước đâu dám rơi vào mây món này.

Lại vào ngồi café nữa... Một gì lạ đời !... đi đâu cũng gặp những hàng café, cũng gặp những người có thì giờ để mặt trước một cái bàn tròn, mà ngắm, mà nhìn thiên-hạ. Mình thấy chẳng ích-lợi gì cả !

(còn nữa)





Tuần

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI 1910-1960

NƯỚC VIỆT

(Tiếp theo P.T. 85)

★ NGUYỄN-VỸ

LÚC bấy giờ không biết là mấy giờ, nhưng đã khuya lắm, chiếc xe ì-ạch, nặng-nề, leo lên một cái đèo cao, quanh-co trên một sườn núi Hai ngọn đèn pha chiếu hai vệt ánh sáng vàng-khè trên mặt đường. Bỗng mấy người ngồi hàng ghế đầu, nhìn thẳng phía trước, trông thấy hai con mắt sáng ngời đăm-đăm nhìn chiếc xe. Người « sếp-phơ » run cầm-cập, liền ngưng xe, quay lại bảo với hành-khách :

— Có « ông » ngồi ở đằng trước kia kìa ! Bà con cô bác coi chừng, nghe ! Đừng thò đầu thò tay ra ngoài, nghe !

Đồng thời, mấy người ngồi trên mui cũng la lên thật to :

— Cọp ! Cọp !... Ê, bà con

coi chừng ! Có con cọp to lắm đang ngồi nhóc mõ bên lề đường kìa !

Tất cả trong xe đều nhôn-nhao, sợ hãi. Tuấn-em nghĩ thầm : « Mình ngồi kẹt ở giữa, không sợ. Nếu cọp có chụp thì chụp cái ông Ba Tàu ngồi ngoài, sát cửa xe. »

Chỉ có một con cọp ngồi ngoài đường mà 30 người ngồi trong xe đều hết hồn hết vía.

Tuấn em tuy ngồi kẹt trong một vị-trí tương-đối yên-đàn hơn, nhưng vẫn hồi-hộp run sợ, vì biết đâu... ! Lần này là lần đi xe hơi đầu-tiên, lại đi xa, và ban đêm gặp cọp trong rừng, làm sao biết trước được sẽ xảy ra chuyện gì ?

TUẦN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

Anh sếp-phơ chắc đã chạy xe quen trên đường quan-lộ, sao anh cũng sợ quỳnh lên thế ? Xem chừng anh mất cả bình-tĩnh rồi, và hai tay anh run-run nắm cái tay-lái coi bộ không vững. Anh lầm-rầm khấn-vái : « Lạy ông, ông đi chỗ khác để cho xe tôi chạy, ông ơi ! »

Con cọp cứ ngồi miết một chỗ. Hai con mắt sáng-quắc, và đỏ lòm, cứ nhìn chòng-chọc lên chiếc xe đang rờ máy ăm-ăm. Mấy ông ngồi phía sau thúc giục anh « sếp-phơ » :

— Cứ chạy, chớ sợ gì, chú ? Bóp kèn cho vang lên, rờ máy cho kêu rầm lên, rồi « phóng nước đại », ông không dám làm gì đâu !

Anh sếp-phơ nói :

— Bữa trước, đã có một chuyến xe lên đèo ban đêm cũng gặp ông rồi. Ông rượt theo xe, vờ một thằng « ét » ngồi phía sau.

Mấy người ngồi sau nghe nói, hoảng-hốt, ngồi ép đồn vào trong hết. Một người la lên :

— Sao xe không có cửa sau đóng lại vậy nè ?

— Có cửa, mà bị cọp vỗ

chuyển trước, thành nó sút ra, phải bỏ lại. Qui-nhơn để sửa, chuyển này vô mới lắp lại được.

Trong xe bàn-tán xôn-xao, nhưng không ai dám lớn tiếng, vì ai nấy đều lo-sợ Cọp nhảy tới. Chiếc xe vẫn cứ rờ máy và rung-động, hình như chính nó cũng rợ run lên ! Có người bảo « sếp-phơ » :

— Chú cứ đạp mạnh « ga », cho xe chạy mau lên, không được sao ?

— Được làm sao được ! Đèo thì cao, xe vừa sửa máy phải chạy chậm, chứ chạy mau lỡ hư máy nửa thì chết ! Nếu xuống dốc thì còn nói gì !

— Thế thì làm thế nào ? Không lẽ cứ đứng mãi đây à ?

Sau cùng, « sếp-phơ » bảo :

— Tôi cho xe chạy, nghe ! Bà con la hét rùm lên thật to, nghe ! Lạy Trời, ông sợ không dám rượt theo thì mình thoát nạn !

— Ủ, cứ chạy đi. Tụi tui la làng la xóm lên, không sao đâu !

Anh sếp-phơ sang số xe, cho xe từ-từ tiến tới, rồi cổ vọt lên đèo. Toàn thề hành-khách la hét

lên um-sùm, lẫn-lộn đủ các thứ tiếng : « *Ồi làng xóm ơi ! Hù ! Hù ! Hù ! Cọp ! Cọp ! Cọp !* *Ồi làng xóm ơi ! Ồi làng xóm ơi ! Hù ! Hù ! Hù ! ...* »

Xe đến gần Cọp. Cọp cứ ngồi yên, không nhúc-nhích, nhưng cặp mắt Cọp sáng ngời cứ đắm đắm nhìn theo xe... Xe càng gần đến Cọp, tiếng kêu la hò-hét càng to lên, càng ồn-ào náo-nhiệt. Bỗng Cọp «gầm» lên một tiếng vang dậy cả núi rừng khiến cho tất cả mọi người đều khiếp đảm, im lặng hết. Chỉ còn tiếng xe kêu rầm-rầm, khói xịt ra mù-mịt đen ngòm và tiếng còi xe kêu điếc óc điếc tai.

Xe chạy ngay đến chỗ Cọp, Cọp nhòe dậy toan vỗ xe, bỗng từ trên mũi xe hai cái thùng-thiếc rớt mạnh xuống kêu «Phèng ! Phèng ! Choảng ! Choảng !». ngay trước mũi Cọp rồi lăn ra đường cái. Cọp hoảng-hốt chạy vọt vào rừng, hành khách chưa kịp hiểu tiếng gì cũng hoảng-hốt ôm-xâm vào nhau, dồn ép vào nhau thành một đồng. Xe cứ bò từ-từ lên đồi, rầm-rầm rộ-rộ, còi xe cứ bóp *oa ! oa ! oa !* Vài ba bà hành-khách chưa hoàn hồn

còn há to mồm lên la hét :

« *Ồi làng xóm ơi ! Ồi làng xóm ơi ! ...* »

Cọp ! Cọp ! Cọp ! Ồi làng xóm ơi ! ...

Cọp ! Cọp ! Cọp ! ...

Lên đồi khoảng một trăm thước, xe bắt đầu xuống dốc, chạy êm-ru không còn tiếng ồn-ào xáo-động nữa.

Chạy một khoảng xa, đến đồng bằng, vừa thấy vài chục nóc nhà và các lều tranh ở hai bên lề đường, đèn đuốc sáng trưng, người ta đông-đúc, vui-vẻ. Một trại của « cu-li lục-lộ », ở chung với xóm làng dân địa-phương. Xe ngừng lại để nghỉ. Đến đây, tất cả hành khách xuống xe, mới bu lại nghe ba ông trên mũi cũng vừa leo xuống, kể lại câu chuyện thùng-thiếc. Đây là hai thùng-thiếc đựng đường-cát của ông Tú đem vào Qui-nhơn để bán. Trong lúc xe ngừng trên đồi và hành-khách bàn tán những biện pháp lo đối phó với Cọp, ông Tú lặng-lẽ cùng hai bạn đồng hành đi hết đường ra một tấm vải bố lớn của chủ xe dùng để che đậy hàng hóa. Ông nhất-định hy-sinh hai thùng thiếc ấy để đánh một đòn

« chiến-tranh cân não » lên đầu cò « Ông-Cọp », và ông tin rằng chắc chắn sẽ thắng-lợi. Ông nghĩ đúng. Cọp sợ hoảng vọt chạy vào rừng, chính vì bị cái vỗ hai thùng - thiếc bất ngờ ấy rơi ngay bên tai « ông » với một tiếng phèng la kinh khủng, chứ đâu phải vì những tiếng kêu « *Ồi làng xóm ơi !* » « *Hù ! Hù ! ...* » « *Cọp ! Cọp !* » và tiếng còi *oa...oa...* của chiếc xe ho-lao không đủ sức bỏ lên đồi !

Câu chuyện gặp Cọp trên đồi thành ra một đề-tài vô cùng hào-hú� mà cả các anh « cu-li lục-lộ » và đàn ông đàn bà trong xóm hai bên đường cũng xúm lại bàn tán, vui cười rất là náo-nhiệt.

Tuấn chen vào các đám đông góp câu chuyện bi-hài kịch thích thú ấy.

Nhưng một lúc, Tuấn không thấy ông Tú đâu. Đi ngang qua các căn nhà còn mở cửa, Tuấn muốn tìm ông Tú. Ông đang ngồi trong một gian nhà chong đèn dầu hòa. Chung quanh ông có sáu bảy người, nét mặt vui cười nghe ông ngâm thơ. Tuấn bước vào... ông Tú vẫn đội mãi

chiếc mũ trắng trên đầu, (tóc cúp *carre*), tay vẫn cầm cây đèn đen, miệng vẫn nhai trầu mồm-mềm, nói rất có duyên. Ông đang ngâm và giảng bài thơ ông vừa làm ra như sau đây, « cho bà con cô bác nghe chơi » :

Đi xe gặp cọp

*Một chiếc xe xanh, một cọp vàng,
Nhìn nhau bốn mắt sáng choang,
choang !*

*Cọp gầm vang động, ôi hồn-vía !
Xe hoảng kêu lên : Ồi xóm làng !
Mấy bết, người run, vô diệu-kế
Đèo cao, đêm vắng, thậm nguy-nan !*

*Kìa đôi thùng thiếc ai quăng
đấy ?*

Cọp nhảy co giò, tưởng sét vang !

Tuấn ngồi xe học thuộc lòng mấy bài thơ của ông Tú làm dọc đường, để kỷ-niệm cuộc viễn hành đầu tiên của Tuấn giữa buổi giao-thừa của Lịch-sử, nửa-tân nửa cựu.

« Đường cái quan » người Pháp gọi là « đường Thuộc địa số 1 » (*Route Coloniale No 1*) qua các vùng hiểm trở của miền Trung, nhất là từ Bình-Định vào Bình-Thuận, đã có tiếng là rất nhiều, cọp Xe hơi đi ban đêm thường,

gặp cốp luôn, và bởi cốp thời bấy giờ chưa từng thấy xe-hơi nên ư ra ngồi bên lề đường để rình chụp, và hăm-he khiêu khích. Cốp ngày nay đã « văn minh » rồi nên trông thấy xe-hơi thì mau-mau lảng tránh vô rừng.

Độc đường, thỉnh thoảng có một vài cái « miếu cô-hồn », hoặc « Am Bà Thánh-Mẫu », — không ai biết bà Thánh-Mẫu nào? — ở các khúc đường quẹo nguy hiểm.

Nhiều khi ở dưới chân đồi, giữa rừng núi âm-u. Đến gần đấy, xe hơi nào cũng đậu lại. Sớp-phơ đốt giấy vàng bạc và đèn hương cúng lạy vị Thần-linh. Các anh sớp-phơ đã

truyền miệng cho nhau rằng phải cúng lạy nơi các am ấy để các « ngài » phù-hộ cho xe tránh khỏi tai-nạn dọc đường, như xe rớt xuống hố, xe bị hư giữa đồi, hành khách bị Cốp chụp, v.v...

Hình như, (theo lời họ nói) đã có những chiếc xe hơi qua đấy không chịu cúng kiến và dâng hoa quả, lên đồi bị nạn luôn.

Văn-minh khoa-học và mê tín dị-doan vẫn dung-hòa với nhau trong các chuyến xe vận-tải và xe đồ dọc theo Quan-lộ...

(còn nữa)



★ HAI VỚI HAI LÀ MỘT

Một em bé nói với ba em :

— Hai với hai không phải là bốn đâu ba ạ.

— Con nói bậy mà !

— Thật đấy, ba có thấy hai giọt nước mưa với hai giọt nước nữa thành một vũng nước nhỏ-nhỏ không ?



vĩ - ngao

★ THIẾU-SƠN

Vĩ-Ngaο là quan lĩnh-doan nước Sở đã giúp Sở-Trang-Vương xây-dựng bá-nghiệp và được nhà Vua yêu-mến và tin cậy vô-cùng. Vì quá tận tụy với chức-vụ Vĩ-Ngaο lâm bệnh. Biết

mình phải chết, ông kêu người con là Tôn-An tới bên giường mà trời rằng :

— Ta có tờ di-biểu này, ta chết rồi con sẽ đem dâng cho Sở-Vương. Sở-Vương có cho con làm quan thì con nên từ-chối vì con chẳng có tài, chẳng nên làm dơ mao giáp của Triều-đình. Như phong ấp cũng cố từ, nếu ép lắm thì con xin nội đất Tầm-Kỳ mà thôi. Chỗ đó đất xấu không ai giành, mầy mới ở yên cho tới đời con, đời cháu mầy được.

Trong di-chiều Vĩ-Ngaο có căn-dẫn nhà Vua những việc phải làm để an-bang tế-thế Ông cũng không quên nói tới con ông không xứng đáng làm quan để làm dơ áo-mào của Triều-đình.

Trang-Vương đọc chiếu rồi than rằng : « Tôn-Thúc đến chết còn không quên nước. Ta vô phước nên Trời sớm dứt tôi lương-đồng. » Đích thân nhà vua đến coi tần liệm, chôn cất và than khóc não-nê. Các quan đều rơi lụy. Hôm sau Trang-Vương kêu Tôn-An tới phong quan thì chàng nhắc lại lời di-

chức của cha và nhứt định từ chối.



Trang-Vương có một người kếp hát tên là Ưu-Mạnh, người lùn thấp mà có tài hát hay, diễn khéo.

Một hôm Ưu-Mạnh gặp Tôn-An ở ngoài nội đồn củi vác về. Ưu-Mạnh hỏi : « Công-tử sao tới nỗi khổ cực như thế ? » Tôn-An đáp : « Cha ta làm Tề-tướng mấy năm, mà không dư một đồng tiền, chết rồi còn tay không, ta không vác củi sao được ? » Ưu-Mạnh ngậm ngùi nói : « Công-Tử ráng chịu cực thêm ít ngày. Chúa-Công sẽ vời công-tử nay mai. »

Ưu-Mạnh về sắm áo, mào, gươm, hia y như đồ của Vĩ-Ngao hồi sống. Chàng còn luyện tập giọng nói, tướng đi và phong-độ của người quá cố. Tập được ít ngày thuần-thục thì nhằm bữa Trang-Vương làm yến-tiệc trong cung và truyền cho chàng phải đóng tuồng biểu diễn.

Chàng lựa một người kếp hay cho đóng vai Trang-

Vương nhớ Vĩ-Ngao. Tới giờ, Ưu-Mạnh khoát màn bước ra thì vai Trang-Vương làm bộ thất-kinh mà nói rằng : « Tôn-Thúc mạnh giỏi ? Ta nhớ khanh quá, hay khanh trở về giúp ta đây ? »

Ưu-Mạnh tâu : « Giống chứ không phải Vĩ-Ngao thiệt. »

Thế rồi hai người cứ đối qua, đáp lại, biểu-diễn một cách linh-động vô-cùng. Vai đóng Sở-Vương tỏ hết tình thương, nỗi nhớ rồi ân-cần mời vai đóng Vĩ-Ngao ngồi lên tướng-vị. Vai này từ chối mà hát rằng :

« Quan tham chẳng nên làm
mà nên làm. Quan thanh nên
làm mà chẳng nên làm. Quan
tham chẳng nên làm là nhờ và
hèn, nên làm là con cháu đi
xe tốt lại có ngựa mập. Quan
thanh nên làm là cao và sạch,
chẳng nên làm là sau con cháu
cơm chẳng no, áo chẳng lành.
Chẳng thấy quan Lĩnh-doãn là
Vĩ-Ngao đó sao ! Quân-
Vương nào nhớ tới công-
lao ! »

Trang-Vương ngồi nghe Ưu-Mạnh ca và nhìn bộ-điệu của

chàng giống Vĩ-Ngao như hệt thì ngậm-ngùi sa lệ.

Nhà vua kêu Ưu-Mạnh tới mà nói : « Công của Vĩ-Ngao ta không quên đặng. Nhưng con Vĩ-Ngao bây giờ ở đâu, người có thể rước về giúp ta chăng ? » Ưu-Mạnh nhận lời và bữa sau đưa Tôn-An tới ra mắt nhà Vua. Tôn-An bận áo rách, mang dây rách vào triều-kiến.

Trang-Vương hỏi : « Sao người cùng khổ đến thế ? »

Ưu-Mạnh đứng lên tâu : « Chẳng vậy thì chẳng thấy quan Lĩnh-doãn trước là hiền. »

Trang-Vương phán : « Tôn-An chẳng chịu làm quan. Thôi ta phong cho ấp lớn. »

Tôn-An vẫn cố từ. Nhưng lần này Trang-Vương không cho từ. Tôn-An tâu : « Nếu Chúa-công nhớ chút công lao của cha tôi hồi trước mả cho tôi đủ mặc, đủ ăn thì xin cho tôi ấp Tầm-Kỳ. »

Trang-Vương nói : « Tầm-Kỳ đất xấu có lợi chi đâu ! »

Tôn-An thưa : « Cha tôi có dặn hễ bắt tài thì nên chịu chỗ đất xấu ấy. »

Trang-Vương chiều lòng

phong cho ấp Tầm-kỳ.

Nhờ chỗ đất xấu, không ai tranh-giành nên Tôn-An được yên-đàn ở đó suốt đời và truyền lại cho con cháu.

Tôi đã có lần nói tới Sở-Trang-Vương, một anh-quân và một bá chủ có tâm hồn khả-ái. Ông biết trọng người hiền, biết dùng người hiền, có lòng khoan-đại và biết nhớ ơn những người tôi lương-dũng.

Vĩ-Ngao làm chức lĩnh-doãn tức là nắm quyền tề-tướng thật xứng-đáng với lòng tín-nhiệm của Trang-Vương.

Ngoài tài an-bang tế-thể ông lại ngay thẳng và liêm-khiết vô cùng. Ông liêm-khiết cho đến nỗi sau khi từ trần không có gì để lại cho con cái. Ông ngay thẳng cho đến nỗi biết con bắt tài không cho con nhận quan-chức để làm dơ áo-mào của triều-đình. Ông khác hẳn bọn quan lại ở thời đó. Bọn này coi lợi nhà nặng hơn lợi nước và thường giành địa-vị cho con cháu không cần biết chúng nó có xứng đáng hay không. Bị vậy mà triều-đình nhan-nhân bọn ký-sanh và bao nhiêu áo-mào đã hoen-ố. Cho

rằng Tôn-An bắt tài mà có chiếm được một địa-vị để hưởng chắt bồng-lộc của nhà Vua thì chàng cũng chỉ như trăm, ngàn kẻ khác, hà tất Vi-Ngao phải thận trọng đến thế ?

Nhưng chính nhờ thế mà sau khi chết rồi ông còn giáo-dục được nhà vua. Khi Tôn-An mặc áo rách, mang dày rách tới triều-kiến, Sở-Vương hỏi : « Sao người cùng khổ đến thế ? » thì Ưu-Mạnh đã sẵn sàng đứng bên mà tâu rằng : « Chẳng vậy thì chẳng thấy quan Linh-doãn trước là hiền. »

Cổ nhiên là càng thương người tôi lương-dũng nhà Vua càng phải tiếp-tục chánh sách của kẻ khuất mặt.

Mặt khác, chính Vi-Ngao cũng đã nghĩ kế châu-toàn cho con cháu nên mới khuyên Tôn-An chỉ lãnh đất Tầm-kỳ là nơi đất xấu, không kẻ tranh-giành. Ông đã tiên-liệu rằng nhà vua có thể thay đổi hoặc sau khi chết rồi kẻ kế-nghiệp sẽ không còn nhớ gì tới công lao của ông nữa và sẽ đem đất cát của nhà ông mà phong cho người khác. Nhưng bởi là đất xấu nên chẳng ai thêm và như vậy mới có thể giữ lâu mà ăn lộc. ...

Vi-Ngao quả thật người cao kiến. Nhưng lý thú hơn hết lại chính là một tên kép hát đã

giúp cho lời di-chức của ông được thực-hiện.

Khi Ưu-Mạnh làm ông sống lại ở trên sân-khấu và hát lên những câu làm xúc-dộng Sở-Vương, ta thấy cả một tấm lòng ưu-ái chơn thành ở con người nghệ-sĩ.

Chàng hát : « Quan tham chẳng nên làm mà nên làm. Quan thanh nên làm mà chẳng nên làm... » Rồi vừa hát vừa giải-thích những lẽ nên và chẳng nên, đem thực-tế so-sánh với lý-tưởng, dùng lý-tưởng soi rọi thực-tế, Ưu-Mạnh đã đóng một vai tuồng quan-trọng hơn vai tuồng của một tên kép hát. Chàng đã mở mắt cho nhà vua thấy rõ cái trách nhiệm của mình trong chánh sách dùng người.

Ưu-Mạnh chưa từng hưởng một ơn riêng nào của Vi-Ngao.

Vi-Ngao cũng chưa hề nghĩ rằng sau khi mình chết có một tên kép hát sẽ là tri-kỷ của mình và là ân-nhân của con cháu mình.

Nhưng cả hai đều chí-công vô-tư nên người nào cũng xứng đáng ở địa-vị của mình. Vi-Ngao không làm dơ áo mão của Triều-đình thì Ưu-Mạnh cũng không làm dơ áo mão của mình mặc trên sân khấu.

THIẾU-SƠN

Mưa rơi từng giọt nặng
Trên mái nghèo hoang-sơ,
Mưa rơi trong hồn nhỏ
Cuộc đời nghe bơ-vơ.
Mưa về đêm lạnh-lẽo
Buồn vào lòng ngẩn-ngơ
Ưu tư về mọi nẻo
Run-run ánh đèn mờ,
Chở hồn vào dĩ-vãng
Đau thương ngập giấc mơ.
Em ơi, còn gì nữa
Yêu-thương rụng trắng bờ,
Đàn xưa đã gãy phím
Lỡ rồi muôn tiếng tơ !

Có một người con gái
Úp mặt vào lòng tay
Lệ sầu dâng mắt biếc
Nghẹn ngào trong đêm nay ;
Có đàn chim nhỏ dại
Chíp-chíp kêu lạc bầy ;
Có cành hoa mới nở
Gục ngã trong đêm nay,
Kiếp hoa chưa trọn-vẹn
Tàn rơi trước thánng ngày.

Mưa rơi ! buồn ! mưa rơi...
Hoang liêu mấy cuộc đời,
Nhạc sầu lên thồn-thức...
Đêm buồn lắm, mưa ơi !

trong lịch sử

★ TÂN - PHONG

17.— Vũ-Hậu

(tiếp theo P.T. 85)

M U-mô giết con để vu oan cho Vương Hoàng-hậu, Vũ-hậu đã thành-công, nhưng người đàn bà xảo-quyệt kia còn có kế hoạch nguy-hiêm hơn nữa vừa đề-bưng-bít hành-vi tội-ác của mình, vừa thực-hiện tham vọng cao-xa. Nàng giả vờ khóc-lóc xin Hoàng-đế rộng

lượng tha thứ cho Vương Hoàng-hậu, nhưng nàng lại âm thầm sắp đặt một mưu mô khác để thanh-toán tình-dịch của mình, một cách kín đáo hơn.

Một hôm, bỗng dưng Vua đau một chứng-bệnh kỳ-lạ, cứ nhói nơi ngực, như thề có ai cầm dao đâm vào ngực Vua. Các vị Ngự-y được mời đến cấp-tốc để xem bệnh cho Hoàng-đế, đều không hiểu là bệnh gì. Chợt có

● LÊN NGÔI HOÀNG-HẬU

kẻ tìm thấy ở dưới gối của Vương Hoàng-hậu một chiếc

bùa vẽ hình Vua, có đóng một cái đinh xuyên qua ngực. Chiếc bùa được đem trình lên Vua, trước mặt bá quan Văn Võ trong buổi đại-triều. Vua hăm-hăm căm giận, lập tức truyền lệnh đem Vương Hoàng-hậu ra pháp trường xử-trảm, vì chứng cứ đã rành-rành ra đó, nếu Hoàng-hậu không cố tình ám-hại Vua thì tại sao có chiếc bùa kia ở ngay dưới gối bà? Mặc dầu có hai vị Lão-Thần, là Phòng-Huyền-Linh và Đỗ như-Hối cương quyết bào-chữa cho Hoàng-hậu, nhà Vua nhất định không nghe. Huyền-Linh đồng-đặc nói:

— Tâu Hoàng-Thượng, không có bằng chứng nào để kết tội Hoàng-hậu.

Vua nổi giận chỉ ngay cái bùa: — Chứng cứ đây!

Đỗ-như-Hối kính-cần nói:

— Tâu Hoàng-Thượng, biết đâu có kẻ khác đem bùa kia giấu dưới gối Hoàng-hậu để vu-khống, và cố tâm làm hại Hoàng-hậu-chăng?

Vua trợn mắt hỏi:

— Kẻ khác là ai vậy?

Nhưng nào ai dám tố-cáo ai!

Vũ-hậu núp sau màn nghe rõ hết, lặng lẽ chờ Vua.

Lúc Vua vào hậu-cung, Vũ-Hậu quỳ xuống khóc:

— Muôn tâu Hoàng-đế, kẻ đàn-bà tội-ác ếm bùa để hại Thánh-thề, chứng cứ đã rõ-ràng. Nhưng cúi xin Hoàng-đế mở lượng khoan-hồng, tha cho hãn tội chết. Chỉ nên truất ngôi Hoàng-hậu, và giam hãm dưới hầm-kín chịu tội chung thân. Còn hai vị Lão-thần Phòng-Huyền-Linh và Đỗ-như-Hối, tuy đã có công giúp nước dưới thời Tiên-đế, nhưng ngày nay lại phản Hoàng-đế, bênh-vực cho mưu đàn-bà kia thì nếu Hoàng-đế còn tin-dùng ắt là một



hội lớn trong triều-đình, hậu-quả không biết đâu mà lường được.

Nhà Vua nghe lời Vũ-Hậu, liền đầy hai vị trung-thần đi hai tỉnh xa. Đồng thời, Vũ-hậu được Vua tôn lên ngôi Hoàng-hậu, thay thế cho Vương-hậu bị truất-phế. Lễ tôn Hoàng-hậu, năm 655, được cử-hành rất trọng-thề. Vũ-Hậu lúc bấy giờ đã 32 tuổi, mặc chiếc áo gấm xanh thêu những con phụng bay, hai cánh xòe ra, sắc màu rực-rỡ. Nàng đội chiếc mào bằng vàng nạm đầy kim-cương, ngọc-thạch. Vũ-hậu thiết triều đề cho văn - võ bá quan cung bái.

Trong lúc ấy, cựu hoàng-hậu bị còng chân còng tay, giam-hãm trong một hầm đá, chật-hẹp, tối-om, đào sâu dưới đất ngay dưới nền Cung-diện. Cửa ngục chỉ chứa một lỗ nhỏ vừa đủ đề ngày hai buổi lính đút vào một nắm cơm cho ăn.

Một buổi chiều, thừa dịp Vũ-hậu ngự-du ngoài thành, Vua Cao-Tôn không khỏi nhớ người vợ xưa hiền-lành, duyên-dáng, lén xuống ngục tối thăm bà. Trông thấy Vương-hậu, óm tong óm-teo, đầu tóc rũ-rơi, mặt mày

xanh mét, chỉ còn như cái xác không hồn, nhà Vua hối - hận, rung-rung hai ngón lệ. Vua nắm tay bà hứa sẽ thả bà ra.

Nhưng khi Vua ở dưới hầm ngục vừa lên thì có nữ-tỳ của Vũ-hậu đến mời Vua sang Cung. Vua không ngờ rằng Vũ-hậu có nuôi nhiều thám - tử, nàng đi dạo chơi vừa về đã có chúng tâu lại rõ-ràng việc Vua lén xuống ngục tối thăm Vương-hậu.

Vũ-hậu hỏi Vua :

— Trong lúc thiếp đi chơi vắng, chẳng hay Hoàng-đế làm chi ?

— Trẫm ở trong Cung, xem sách.

— Hoàng-đế có ngự xuống ngục tối thăm kẻ nữ phạm-nhân kia không ?

— Không.

Vũ-Hậu lặng-lẽ, không hỏi gì nữa.

Nhưng nàng sai lính xuống hầm hỏi Vương-Hậu ra đánh một trăm roi. Xong, nàng truyền lệnh chặt hai tay hai chân bà, rồi ngăm bà trong một thùng rượu. Hôm sau bà chết, trong cung điện không ai dám nhắc đến nữa.

Thấy Vua Cao-tôn hèn-nhất, khiếp sợ nàng, Vũ-Hậu mỗi ngày mỗi lộng quyền, nhất là từ năm 660. Nàng độc-đoán đối với

Vua, tàn ác với các Hoàng-thân trong Tôn - thất nhà Đường, khắc-nghiệt với bá quan Văn Võ. Nàng không bằng lòng người nào, liền đầy người ấy ra khỏi Trường-an, kinh-đô nhà Đường, hoặc buộc người ta phải uống thuốc độc, hay thắt cổ tự-tử. Ai cưỡng lại, nàng bắt chém ngay. Vợ và con gái của những vị quan vô-phúc ấy đều bị bắt vào cung để làm tôi tớ cho nàng. Vua Cao-Tôn biết những gia-đình này bị oan ức vô tội, nhưng nhà Vua đã đề cho Vũ-Hậu cướp hết cả quyền hành, đâu còn dám bênh-vực, che-chở cho ai. Hơn nữa, nàng cấm tuyệt các cung-nữ không được đến gần Vua, sợ rằng sẽ có một nàng quý-phi mới chiếm được lòng Vua rồi sẽ hại nàng và thay-thế nàng. Nàng nhất-quyết giữ độc quyền ngôi Hoàng hậu đề một mình tự-do lung-lạc trong Cung-cấm nhà Đường.

Hàn quận-chúa là chị ruột của Vũ-Hậu. Nàng đẹp hơn

● THI-SĨ LẠC-TÂN-VƯƠNG

Vũ-Hậu nhiều, và hiền lành dịu dàng hơn. Hàn quận-chúa được vua yêu chuộng và có thai, sinh được một hòm Hàn quận-chúa vừa ăn cơm xong thấy đau bụng dữ - dội rồi lăn ra chết, sùi bọt mép... Vũ-Hậu vờ-vinh thương tiếc chị, khóc lóc rất là thê-thảm !

Hàn quận-chúa cũng đã có một người con gái lớn, Vệ công-tước, rất đẹp, thường ra vào cung điện. Một hôm, giai-nhân ăn cơm xong cũng đau bụng rồi chết, y như trường-hợp của mẹ. Vũ-hậu cũng thương xót cô cháu bắt đặc kỳ tử, và khóc la thê-thiết vô cùng !.

Thấy thảm-cảnh trong Cung-diện như thế, Vua Cao-Tôn buồn rầu, sinh bệnh-hoạn. Nhà vua âm thầm đau-khổ, đâu dám tỏ tâm-sự cùng ai ! Chỉ có một hôm, viên Tể-tướng hỏi nhỏ Vua :

— Tâu Hoàng-đế, thần trộm

xem như đạo này Ngọc-thê bắt-an...

Vua gật đầu, nói thầm:

— Trẫm buồn vì Vũ-Hậu lạm quyền, giết hại bao nhiêu người vô tội...

— Tàu Hoàng-đế, nếu Hoàng đế truất ngôi Vũ-Hậu, ắt Triều chính sẽ yên.

— Trẫm cũng đã nghĩ thế. Vậy thần viết Sắc-lệnh đưa Trẫm xem. Nhưng thần phải giữ bí-mật, rất bí-mật đấy nhé.

— Thần xin tuân lệnh.

Không biết làm sao thám-tử của Vũ-Hậu lại biết được vụ âm-mưu « đảo-chính » này, và tố-cáo với nàng. Hôm sau, vua Cao-tôn ngồi trên ngai vàng, đang xem tờ sắc-lệnh thì Vũ-Hậu chợt bước vào. Nàng tiến đến Vua:

— Hoàng-Thượng đang ngự lâm giấy gì thế?

Vua hốt hoảng, vội giấu tờ Sắc-lệnh trong áo. Nhưng Vũ-Hậu đòi xem cho kỳ được. Hoàng-đế sợ run lên, không dám giấu tờ giấy bí-mật nữa, trao cho Vũ-Hậu, và bảo:

— Đây chỉ là bản dự-thảo Sắc-lệnh chứ không phải Sắc-lệnh.

— Ai viết đây, Hoàng-đế cho thiếp biết rõ được chăng?

Nhìn thấy nét mặt giận-dữ của Vũ-Hậu, vua Cao-Tôn liền ấp-úng trả lời:

— Phó Tề... tề... tướng viết đấy.

Vũ-Hậu liền gọi quân hầu bắt Phó Tề - tướng đem ra chém đầu ngay giữa chợ, và bắt vợ con vào Cung làm tôi-tớ cho nàng... Chính sách bạo tàn kinh-khủng của Vũ-Hậu khiến cho trong triều và ngoài dân-gian ai nấy đều khiếp-dởm uy-quyền của nàng. Duy có một người nhất định không sợ, và quyết tâm chờ đợi cơ-hội để nổi dậy cuộc đảo-chính. Người ấy là một Thi-sĩ, một trong nhóm Thi-nhân « Tứ-Kiệt » có danh tiếng nhất ở thời bấy giờ: **Lạc-Tân-Vương**. (1)

Lạc-Tân-Vương, tác-giả bài thơ bất-hủ « *Dịch-thủy tống-biệt* », đã có lời phê-bình Vũ-Hậu như sau đây, ngay sau lúc nàng âm-mưu vu-cáo cho Vương Hoàng-hậu bóp cổ chết con nàng:

(1) Người Tàu đọc: Lo-Pin-Wang, 洛賓王.

*Mây cong như râu bướm,
Nhan sắc chịu nhường ai!
Vu-cáo người, không gớm,
Che mặt sau cánh tay!
Mê hoặc Vua hôm sớm,
Hờ-ly-tình, ghê thay!*

Lúc bấy giờ, có thể nói rằng nhà Thơ Lạc-tân-Vương hầu như là người duy-nhất không biết sợ uy-quyền của Vũ-hậu. Nhưng không sợ cũng không làm gì được người đàn-bà hiểm độc ấy. Chính trưởng-nam của nàng là Thái-tử **Lý-Hoảng**, một hôm không tuân lệnh của nàng, liền bị chết ngay sau khi ăn cơm trúng thuốc-độc.

Nàng giết con trai trưởng như thế, rồi cho con trai thứ, là Hoàng-tử Lý-Hiến, lên làm Thái-tử. Lý-Hiến vẫn nơm nớp lo-sợ, xin ra ở riêng ngoài thành. Không bao lâu, Lý-Hiến lại bị mẹ tình-nghi là có ý phản loạn, và bị đày ra quan-ải. Nơi đây, Lý-Hiến chết một cách hoàn-toàn bí-mật, do lệnh của

Vũ-Hậu.

Vua Đường Cao-tôn, phần bị buồn phiền, loạn-trí, phần lo cho uy-thế của nhà Đường suy-sụp, càng ngày càng đau nặng. Năm **683**, Vua mắc chứng bệnh phong-huyền, đầu lại bị sưng lên, đôi mắt gần mù. Các vị Ngự-y dùng khoa châm-cứu để chữa bệnh cho Vua. Vũ-Hậu, lúc bấy giờ đã có thâm-ý để cho Vua chết, bèn nổi giận la mắng Ngự-y:

— Sao các người dám lấy tay sờ mó trên long-nhan của Hoàng-đế? Tội các người đáng chết chém!

Nhưng nhà Vua cứ để các ngự-y châm-cứu thử xem, may ra hết bệnh. Không ngờ nhờ môn châm-cứu ấy mà đôi mắt Vua khỏi mù, đầu Vua hết sưng. Vũ-Hậu giả vờ reo mừng hoan-hỷ, vội-vàng lấy một trăm thước lụa ban thưởng các ông Thầy thuốc. Nhưng một tháng sau, tự-nhiên bệnh Vua tái phát

VŨ HẬU

một cách vô-cùng bí-mật, và ngày 27 tháng 12 năm 683, Vua Đường Cao-Tôn băng-hà... cũng một cách bí-mật vậy !.

Tuân lệnh của Vũ-Hậu, triều-thần tôn Hoàng-tử thứ ba, là Lý-Triết lên ngôi, lấy niên hiệu **Trung-tôn Hoàng-đế**.

Sự thật, thì Trung-Tôn làm vua để lấy vì đó thôi, chứ tất cả quyền-hành đều ở hết trong tay Vũ-hậu.

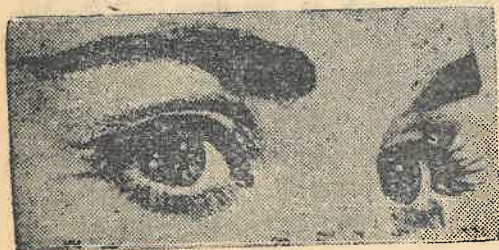
Và lại, Trung-Tôn lên làm vua cũng không được bao lâu, bị Vũ-Hậu truất ngôi, đày đi tỉnh

xa. Hoàng-tử thứ tư, Lý-Đản, lên thay-thế, nhưng cũng bị Vũ-Hạ-n giam trong cung cấm, không cho tiếp-xúc với ai cả.

Tháng 9 năm 690, Vũ-Hậu lại truất-phế Thái-tử Đản, rồi nàng lên ngôi cửu-trùng, bỏ nhà Đường, đổi quốc-hiệu là nhà **Chu**, và tự xưng là **Tắc-Thiên Hoàng-đế** (1)

TÂN-PHONG

(1) Người Tàu gọi là Wou Tsötien 武则天 (Lấy theo phép trời mà trị dân).



KỲ SAU : Đời
dâm-loạn của
Vũ-Tắc-Thiên, và
cuộc khởi-loạn
của thi-sĩ Lạc-
tân-Vương.



★ DANH NGÔN

— Phụ bất từ, tử bất hiếu.

(Chà chẳng lành, khó sanh con thảo).

(CỒ-NGŨ)

*Hoa rơi rụng âm-thầm bên núi đá,
Nước quanh vòng dôi ngả nhớ hình xưa.
Suối Đào-nguyên thoáng hiện giữa ngàn mơ,
Bờng tĩnh dậy bờ-phờ chốn gối lạnh !*

*Còn đâu nữa ; khi gió vàng rạt cánh
Hoa đào trôi, lóng-lánh ánh trắng sương.
Môi kẻ môi, say, cạn chén quỳnh-tương,
Ngây mộng thắm, bên vườn chim lắng nhạc.
Đàn suốt gảy, gió chiều ngân giọng hát,
Thoáng bên ngàn mây bạc ngàn-ngơ trôi.
Mảnh xiêm nghề tha-thuốt lẫn chân trời
... Nguồn ân-ái đầy vơi chưa uống cạn.*

*Còn đâu nữa ; bóng trắng tà băng-lãng,
Giòng suối Đào tỏa nhạt áng mây thừa.
Chớp hàng mi, tiên-nữ vén mây chờ :
• Chàng ! sao dễ hững-hờ tin nhận vắng ... ?*

*Rồi ngày tháng dần rơi trong gió lạnh,
Phút quên mình bao kiếp nặng trần duyên.
Anh tơ trắng buông nhẹ bóng con thuyền...
Say sưa mộng thần tiên còn bờ-ngỡ.*



*Nhưng một buổi. Bụi hồng gây nổi nhớ,
Lạc đường mây, ai trở gót trần-ai.
Suối trắng xưa chỉ để vấn-vương hoài,
Nơi tên-động biết cùng ai nhẩn-nhủ !*

*Tìm kiếm mãi trong màn sương tuyết phủ,
Còn đâu đây bóng cũ một chiều mơ.
Sầu đêm nay lắng đọng dưới trăng mờ,
Tình muôn thuở đã thờ-ơ nhạt lạnh !*

*Rêu cửa động đóng khung sầu cô-quạnh,
Bóng tà-huy lấp-lánh uối rừng cây.
« Bạc-tình Lang » khúc hát thảm thương đầy,
Cứ vọng mãi sau ngày đoạn ngo-tiết.
Bên hang đá, ai ngồi nghe luyện-tiểu...
Mơ ân-tình bất-diệt chốn tiên-cung.
Giấc vàng son tan-lạc nẻo sơn cùng,
Gieo mối hận mịt-mùng nghìn thu ấy !*

Tem thư

Quốc-tê

† « Đức Mẹ La-Vang »

★ ĐÌNH-ĐIỀN

m

t

h

ư

Tem-Thư Pháp ở Paris. Mỗi tờ có 50 tem.

Tem-thư in theo một bức ảnh hình dung Đức Mẹ ăm Chúa Hải Nhi hiện ra trên đám cỏ, dưới bóng cây cỏ thụ trong đêm khuya, để dịu-dàng an ủi các giáo-dân đã ẩn trốn vào rừng La-vang tránh cuộc bắt đạo.

★

Tem-thư « Đức Mẹ La-Vang » phát hành ngày 7/7/1962 vào dịp Kỷ-niệm đệ bát chu-niên NGÔ TÔNG-THỐNG chấp-chánh, có 4 giá tiền (0đ50, 1đ, 2đ và 8đ).

Đặc-tính của tem-thư như sau : Khổ 26x40 ly, in hai màu theo lối chạm-nổi tại Nhà In

« Mẹ đã nhận lời chúng con kêu xin, từ nay về sau, hễ ai chạy đến cầu khẩn cùng Mẹ ở chốn này, Mẹ sẽ nhận lời và ban ơn theo ý nguyện »...

Đó là lời an ủi của Đức Mẹ đã hiện ra trong rừng La-Vang, giữa một đêm tịch-mịch và lạnh

TEM THƯ « ĐỨC MẸ LA-VANG »

lẽo, tay ăm Chúa Hải Nhi, hai bên có hai Thiên-Thần nhỏ cầm đèn, dưới ánh hào-quang rực rỡ, để âu yếm và dịu dàng an ủi đàn con đi lánh nạn.

Như ta đã biết, cách nay hơn 100 năm, dưới thời Vua Cảnh Thịnh, vào năm 1798 có sắc chỉ diệt « Gia-Tô Giáo », nên đa số giáo-dân phải lần náu vào rừng La-Vang để tránh cảnh tàn sát hung bạo.

Rừng La-Vang bí hiểm và thâm u, cây cối mọc sát nhau không có lối đi, lại nhiều ác thú nên đời sống của giáo-dân thật khổ cực và gian-lao. Không cơm ăn, không mền mùng chắn chiếu để chống lại rét mướt của vùng rừng núi, không thuốc men lại còn phập phồng lo sợ sẽ làm mồi cho hùm beo. Họ chỉ tìm nguồn an-ủi nơi đọc kinh cầu khẩn với Đức Mẹ.

Bỗng một đêm, Đức Mẹ hiện ra và an ủi họ.

Thời gian sau, cuộc bắt đạo chấm dứt, họ trở về quê quán và không quên nhớ ơn Đức Mẹ nhân lành.

Năm 1820, dưới thời Minh-Mạng, một nhà thờ nhỏ bằng

tranh được dựng lên tại chỗ Đức Mẹ hiện ra, để tỏ lòng sùng kính và biết ơn Đức Mẹ.

Dưới thời Văn-Thân, năm 1885 nhà thờ này bị đốt phá, và qua những năm sau được thay thế bằng một đền thờ bằng ngói, khánh thành năm 1901 vào dịp Đại Hội đầu tiên.

Năm 1923, đền thờ này được xây cất rộng và lớn hơn để có đủ chỗ cho giáo-dân đến hành lễ.

Năm 1961 Đền Thờ La-Vang được chấp nhận làm đền thờ Toàn Quốc, Trung-Tâm sùng kính Đức Mẹ. Để dâng Đức Mẹ một ngôi nhà vừa ý Mẹ, nên Đền thờ La-Vang được kiến-thiết lại, nói rộng Đền Thờ, xây thêm hai hồ kiều hồ Tịnh-Tâm ở Huế, xây lại đài kỷ-niệm Đức Mẹ và lập đàn tế có trồng Thông.

Trông cuộc Đại Hội long trọng năm 1961, đền thờ La-Vang đã được Tòa-Thánh ban sắc tôn lên bậc « Vương Cung Thánh Đường ».

La-Vang ngày nay khác xa La-Vang ngày xưa, với bộ mặt mới, có nhà cửa đông-dúc, có chợ búa trường học, đường sá sửa

sang lại, và trở thành một địa điểm sầm uất, không còn là một thôn hẻo lánh như xưa nữa.

Bưu - hoa giáo - dục (Philatélie éducative)

Những chữ « Bưu-hoa giáo-dục » chỉ mới xuất hiện trong vòng 20 năm sau này, vì cuối thế kỷ thứ 19, tem - thư chỉ được coi như là một biên-lai chứng minh thư từ đã trả lệ-phí chuyển vận.

Lúc đó sưu-tập tem thư chỉ là sở thích độc quyền của giai cấp giàu sang, vì tem-thư đắt tiền mà hình vẽ lại không có gì hứng thú, chỉ toàn in tiểu tượng các vị Vua Chúa đang trị vì.

Ngày nay tem-thư phát hành rất nhiều, giá tiền nhỏ có, lớn có, đề tài lại bao quát, hứng thú, in nhiều màu sắc nên được nhiều người thích chuộng. Phong-trào sưu-tập tem-thư nhờ thế càng ngày càng bành trướng sâu rộng và thâm nhập vào giới thanh-niên và học-sinh.

Ở Âu Mỹ, tem-thư lại được coi như một phương tiện giáo-dục giúp các trẻ em chóng

hiểu các môn sử địa, khoa-học hay vạn-vật-học giảng dạy trong lớp.

Ở trường học, hay ở nhà, các thầy dạy hay các bậc phụ-huynh thường khuyến khích con em sưu-tập tem-thư, chọn những tem-thư có đề tài hoa quả, thảo mộc, súc vật, non sông hay các phát-minh khoa-học, để các em vừa giải trí vừa học.

Học bằng tranh ảnh bổ túc việc học trên sách vở. Tem-thư cũng là một tranh ảnh mà hình vẽ nói được nhiều lời và hấp dẫn các trẻ em.

Vì thế những năm sau này người ta đề cao tem-thư trong vai trò giáo-dục, và người ta không ngần ngại gọi đó là « Bưu-Hoa giáo-dục » (Philatélie éducative).

Một chuyên viên Pháp về tem-thư đã có nói như sau : « Tem-thư phản ánh nền văn-hóa của một nước, giúp ta nghiên-cứu và thấu hiểu lịch-sử và sinh-hoạt của nước đó ».

Hội-nghị Quốc-Tể Bưu-Chính mở tại Ottawa (Gia-nã-Đại) năm 1957 đã khuyến-cáo các nước hội-viên, lúc phát-hành tem-thư

nhên chọn những đề-tài có thể làm cho các dân-tộc hiểu nhau thêm, phổ-thông trí-thức và thắt chặt tình hữu-nghị giữa các nước.

Không riêng gì thanh-niên hay học sinh, đối với những người lớn tuổi, tem-thư sưu-tập cũng giúp họ hiểu biết thêm những danh-lam thắng cảnh, những lâu đài cổ xây theo kiến trúc riêng biệt của mỗi thời-đại, những trang sử oai hùng của nước nhà hay của các nước bạn.

Chẳng hạn như tem « Hai Bà Trưng » giúp ta nhớ lại chiến công oanh-liệt, gương hy-sinh của hai chị em Trưng-Trắc và Trưng-Nhị cách nay hai nghìn năm đã đánh đuổi quân Tô-Đĩnh ra khỏi đất nước, và khi bị thất thế bèn tìm giòng nước sạch để tuần-tiết :

« *Cầm-Kê đến lúc hiềm nghèo,
Chị em thất thế cũng liều với
sông* ».

Tem-thư « Cao-Nguyên » cho ta thấy những nhà sàn của đồng-bào Thượng, những rừng rở bao

la có nhiều voi và cọp, nơi hẹn hò của các tay thiện xạ.

Những tem-thư ngoại-quốc như tem « Fort Sumter » của Mỹ nhắc lại cuộc Nam Bắc Chiến tranh (Guerre de Sécession) xảy ra tại Mỹ năm 1861, những tem-thư của Nam-Phi cho thấy những vùng rừng rú sầm uất, cây cối chần chịt có nhiều thú lạ không có ở Việt-Nam như tây ngưu, hươu cao cổ (girafe), gấu mèo (panda), ngựa rằn ri (okapi).

Những tem-thư của Pháp với đề tài « Các nhà thông-thái » như Lagrange, Foucault, Berthollet hay Lumière nhắc lại ta những phát-minh về khoa-học tìm thấy thế-kỷ trước, như thuyết « Xung động của mặt trăng », sự chứng minh tốc độ của ánh sáng, hay phát-minh điện ảnh.

Một vài dẫn chứng kể trên đủ xác nhận môn sưu-tập tem-thư không phải chỉ là một môn giải-trí, lại còn có tác dụng giáo-dục, đúng với danh từ (Bưu-Hoa giáo-dục) mà người ta gán cho.



NGHĨ VỀ

NHỮNG TIẾNG

DANH XUNG

★ ĐỒNG-HỒ

GẦN đây nhân có chuyện tranh nhau hai tiếng danh xưng: *Y-sĩ* và *Thầy thuốc*, trong giới « nhân-thuật », tôi bỗng nghĩ lan-man đôi điều về *Chữ* và *Nghĩa*, viết ra đây, bà-con cùng nghe.

Trong ngôn-ngữ Hán-việt, tiếng danh-xưng một người làm một nghề-nghiệp kè ra nhiều thật nhiều; chẳng như tiếng Tây nghèo nàn, chỉ lần-quần mấy tiếng nổi: *eur*, *ier*, *ien*, *ant*, *iste* giống đực, tài đến đôi thành giống cái: *euse*, *ice*, *ièrè*,

ienne, *ante*, là cùng. Nhiều cũng như tiếng xưng-hồ: *ông*, *bà*, *cô*, *bác*, *chú*, *thím*, *cậu*, *mợ*, *dì*, *giương*, *anh*, *chị*, *con*, *cháu*, *em*, *út*, *mầy*, *tao*, *mi*, *tớ*... vô số kè, trong khi tiếng Tây nghèo nàn chỉ mấy tiếng *vous*, *tu*, *toi*, *moi* lơ-thơ.

Thử kiểm-điem những tiếng danh-xưng mà xem:

Hãy bắt đầu bằng tiếng *sĩ*, là tiếng mà hai mặt trận đang quyết-liệt giành nhau cho được:

SĨ: *nhân-sĩ*, *hiệp-sĩ*, *dũng-sĩ*, *chiến-sĩ*, *chí-sĩ*, *võ-sĩ*, *văn-*

NGHĨ VỀ NHỮNG TIẾNG DANH XUNG

sĩ, *thi-sĩ*, *học-sĩ*, *bác-sĩ* là những tiếng đã có từ lâu. Mới đây có thêm: *kịch-sĩ*, *ca-sĩ*, *y-sĩ*, *được-sĩ*, *ảnh-sĩ*.

Ngoài tiếng *sĩ*, hãy còn:

NHÂN: *nhân-nhân*, *thánh-nhân*, *hiền-nhân*, *triết-nhân*, *văn-nhân*, *thi-nhân*, *tăng-nhân*, *quân-nhân*, *ngư-nhân*, *thương-nhân*, *công-nhân*.

GIẢ: *nhân-giả*, *trí-giả*, *hiền-giả*, *triết-giả*, *vương-giả*, *ân-giả*, *âm-giả*, *học-giả*, *tác-giả*, *soạn-giả*, *diễn-giả*, *thính-giả*, *độc-giả*, *y-giả*, *cầm-giả*.

GIA: *triết-gia*, *văn-gia*, *thi-gia*, *kịch-gia*, *chánh-trị-gia*, *kinh-tế-gia*, *kỹ-thuật-gia*, *pháp-gia*, *luật-gia*, *thương-gia*, *phi-hành-gia*. Mới đây có nhà thầu-khoán xưng là *kiến-trúc-gia* đề địch thề với *kiến-trúc-sư*, nghe thông nghĩa và đẹp lời lắm.

KHÁCH: *hiệp-khách*, *kiếm-khách*, *thực-khách*, *từu-khách*, *du-khách*, *lữ-khách*.

SƯ: *quân-sư*, *thái-sư*, *thiếu-sư*, *kỹ-sư*, *trạng-sư*, *luật-sư*, *giáo-sư*, *kiến-trúc-sư*. Mới đây, đã có *võ-sư*, *nhạc-sư*.

PHU: *sĩ-phu*, *chính-phu*, *trạ-phu*, *nông-phu*, *tiểu-phu*.

PHỦ: *ngư-phủ*.

ÔNG: *ngư-ông*, *thi-ông*.

SINH: *tiên-sinh*, *học-sinh*, *nhơ-sinh*, *thư-sinh*, *giám-sinh*, *lễ-sinh*, *y-sinh*.

VIÊN: *sinh-viên*, *giáo-viên*, *học-viên*, *giảng-viên*, *diễn-viên*, *biên-tập-viên*, *giảng-tập-viên*, *thuyết-trình-viên*, *ủy-viên*.

THỦ: *Y-thủ*, *kỳ-thủ*, *thủy-thủ*, *đào-phủ-thủ*, *quốc-thủ* (ông thầy thuốc đại tài) Tiếng *quốc-thủ* này đáng lẽ được giới y-học đặc-biệt lưu-ý đến, và sao mà không dùng nó để chỉ cho các vị y-thánh y-hiền đã phát-minh những phương được cứu sống Nhân-loại, hoặc đề gọi các danh-y, như những *professeur* thượng thặng.

Trong các tiếng danh-xưng, có hai tiếng mà bọn làm thơ làm văn giành độc-quyền cho giới họ, là hai tiếng *hào* và *bá*. Chúng ta chỉ nghe nói *thi-hào*, *văn-hào* và *thi-bá*, ba danh-xưng chỉ cho người làm văn làm thơ ngoại hạng. Đố có giới nào dám động đến. Tài như Hoa Đà, Biển Thước, như Pasteur, Yersin cũng không khi nào nghe được xưng là *y-hào*, *y-bá*.

Nhưng mà gần đây, có lẽ vì ghét bọn trói gà không chặt mà hay tự-hào nên đã có sản-

xuất ra hai tiếng *cường-hào*, và *ác-bá*; thì cũng là *hào* và *bá* đó, mà đều là những *hào*, những *bá* không ai ưa.

Kể ra một dục những tiếng danh xưng trên đó, thì thấy rằng ngoài tiếng *sĩ* ra, hãy còn biết bao nhiêu tiếng sang và tiếng đẹp khác; mà lạ, sao trong giới ống nghe, kim chích, giới dao-cầu, thuyền tán, không thỏa thuận được với nhau để sắp hạng mà xưng mình theo cấp bậc.

Ví dụ: từ *y-hào*, *y-bá*, qua *y-giả*, *y-gia*, *y-sanh*, *y-viên*, cho đến *y-phủ*, *y-phu*.

Muốn chữ Nho thì sẵn hàng vạn chữ Nho. Chỉ mà phải giành nhau một tiếng *sĩ* và chỉ mà phải dùng đến tiếng *nôm-na* *thầy-thuốc*, để cho có chỗ trọng chỗ khinh mà thêm chuyện ngày-ngà.

★

Bây giờ mới nghĩ đến tiếng *thầy*. Theo Lê Ngọc-Trụ thì tiếng *thầy* gốc ở tiếng *sư* của Tàu. Tôi cho rằng mới đúng một phần thôi. Tôi còn nghĩ đến tiếng *tử*.

Như *phu-tử* để chỉ ông thầy dạy học có đức-vọng. Dưới thời Tây-sơn, Nguyễn Thiếp được

Nguyễn Huệ tôn là La-sơn phu-tử, mà gọi bằng *Thầy*.

Như *Khổng-tử*: *Thầy Khổng*, *Mạnh-tử*: *Thầy Mạnh*, *Chu-tử*, *Trình-tử* là *Thầy Chu*, *Thầy Trình*. Rồi lại có *thầy Tử-Lộ*, *Thầy Tử-Cống*, *Thầy Nhan-Hoàn*, *Thầy Tử-Tư* v.v...

Thương Thầy Nhan-tử dở dang

Ba mươi một tuổi, tách dâng công danh

Thương Thầy Đồng-tử cao xa

Chí thời có chí, ngôi mà không ngôi

Thương Thầy Liêm-lạc đã ra

Bị lời xua đuổi về nhà giáo dân.

Lục Vân Tiên

Trong gia-đình, người cha được tôn trọng như bậc thầy. Ngày xưa, cha dạy con cùng loạt với bọn môn-sinh là thường, cho nên cha xem con như học-trò, mà con xem cha như ông *Thầy*.

Như vậy thì, ở xã-hội ta thời xưa, tiếng *thầy* để xưng hô cho người vọng trọng, được tôn-kính, được thương mến nữa. Từ bậc thánh-nhân

hiền-giả cho đến thầy-học, cha dể, đều xưng là *Thầy*.

Thầy - thuốc là người cứu nhân độ thế, cải tử hồi sinh, người đời cảm đức mang ơn, nên được gọi là *Thầy*.

Hạng tăng-lữ, đạo-học uyên thâm, từ bi đức hạnh lại thêm trai - giới tu - hành, người đời kính trọng cũng được gọi là *Thầy*.

Các vua chúa ta xưa muốn tỏ ý kính trọng bậc hiền tài cũng tôn là *Thầy*, như Chúa Nguyễn đã gọi Đào Duy-Từ là *Thầy*, mà chúng ta nay còn tiếng *Lũy Thầy* để gọi lũy Trường-dục do họ Đào xây đắp.

Tiếng *Thầy* rất cao quý, không phải ai muốn mà cũng được. Sở dĩ tiếng *Thầy* quý vì người làm *Thầy* ngày xưa rất cao quý về phẩm-cách về đức-độ, về tư-cách tâm-thuật cũng như về nghề-nghiệp tài năng.

Như vậy thì tiếng danh-xưng mà quý là nhờ người làm cho nó quý, chứ không phải tự bản-thân nó quý, hay nó làm cho người ta quý.

Vì nó cao quý, nên ai cũng muốn cho người khác gọi mình là *Thầy* để tỏ ra mình cũng là hạng người cao quý. Rồi, vì lịch-sự xã-giao, vì kiêng sợ quyền-thế người đời thoái mà cứ

gọi tăng họ lên *thầy*. Vì thế mới có: *thầy dể*, *thầy lại*, *thầy thông*, *thầy kỹ*, *thầy đội*, *thầy cai*, *thầy su*, *thầy quyền*, là hạng người tác oai, tác phúc, mà ít được kính mến.

Tiếng *thầy* dần dần, mất giá-trị cao quý của nó. Nó còn bị coi rẻ, là bình dân *nôm-na*, cho nên bao nhiêu tiếng *thầy* được dịch trở lại nguyên tiếng Hán của nó. Ví dụ: *thầy giáo* trở thành *giáo-sư*, *thầy kiện* trở thành *trạng-sư*, *thầy chùa* trở thành *minh-sư* hay *sư ông*, *sư cụ*, *thầy bùa chú* trở thành *pháp-sư*, *thầy nghề-võ* trở thành *võ-sư*, *thầy bói* trở thành *bốc-sư*, *thầy đồn* trở thành *nhạc-sư*, *thầy chế thuốc* trở thành *duyệt-sư*. Lại một điều là *thầy-thuốc* sao không trở thành *y-sư* như các nghề-nghiệp khác mà lại trở thành *y-sĩ* lẻ loi một mình. Có lẽ vì nó hiếm-hoi cho nên nó quý, mà người đời cố giành cho được về mình.

★

Giữa lúc vàng thau lẫn-lộn, ngọc đá hỗn-hào, giới Tây-y, muốn kỳ-thị giới Đông-y, từ chối không muốn nhận cho ngồi vào cùng chiếu cao-đẳng đại-học của mình, không muốn để gọi xô-bò, cho xã-hội khỏi ngộ-nhận, Bộ Y-tế mới giành độc-quyền tiếng *sĩ* cho giới mình. Trong

lúc đó, lại không chịu tìm một tiếng khác cho tương đương văn-về như tiếng sĩ để chia cho giới Đông-y, lại nhờ gọi nôm-na là *thầy thuốc*, khiến cho một xã-hội vốn trọng tôn ti trong danh-xưng như xã-hội Việt-nam, tức lồng-lộng lên.

Có một điều ớn-đáng nhất trong vụ này là Bộ Y-tế cứ giành độc-quyền tiếng sĩ cho giới Tân-học Tây-y, và trong bản văn nghị-định, quyết định cho rõ là duy chỉ có giới Tây-y mới được dùng tiếng sĩ. Còn các nhà làm thuốc khác, thì cứ tùy cách trị liệu, tùy mọi phương được, tùy mọi bệnh chứng khác nhau, mà được tự-ý đặt tiếng danh-xưng cho mình. Ví dụ sẽ có :

Y-bá Đỗ-Phong-Thuần, Y-hào Phạm-văn-Điều, Y-sư Võ-văn-Thiền, Y-gia Võ-Duy-Thiện v.v... Ai muốn tự-xưng y gì thì y miễn là dùng y-sĩ thì thôi. Chừng đó, cảnh y-lâm tự gây ra rối loạn.

Nếu nghị định được rộng-rãi, được dân-chủ như vậy thì giới Đông-y còn ngầy-ngà vào đâu được nữa. Đàng này, Bộ nhờ định quyết một danh-xưng nôm na *Thầy thuốc Bắc*, có tính cách đơn phương độc-đoán, mà không thoả-thuận trước với giới Đông-y xem họ thích gọi họ bằng danh-xưng nào. Chung qui,

tại Bộ Y-tế không nghiên-cứ kỹ và hành động không sâu-sắc, bởi thiếu cố vấn.

Nếu tôi là cố vấn cho Bộ thì tôi đề-nghị xin Bộ nhường phút tiếng Y-sĩ cho giới Đông-y mà giữ lấy tiếng *Thầy thuốc* cho giới Tây-y.

Làm vậy, Bộ chẳng những được giới Đông-y cảm-phục đức-độ, lại được tiếng khen rằng người tân-học biết nhường người cựu-học, mà quốc-dân xã-hội thấy rằng Bộ Y-tế xử sự rất điều, giữa lúc chính-phủ cần có chính sách thân dân, chống giặc « chia rẽ ».

Hành động đó còn thêm được một điều rất thú-vị là Bộ phục hồi lại được tiếng *thầy* cao-quí cổ-hữu, của những Thầy Khổng, Thầy Mạnh, Thầy Hiên, Thầy Kỳ ngày xưa.

Bây giờ cũng còn kíp chán ; trong lúc giới Đông-y đang hăng-hái đòi cho được danh-xưng là y-sĩ, Bộ Y-tế mạnh dạn ký liền một nghị-định, nhường dứt tiếng y-sĩ cho họ, mà khiêm-tốn giữ lấy tiếng *Thầy thuốc* cho giới Tây-y.

Ngày mai đây, chúng ta sẽ có : thầy-thuốc Trần-Dinh-Đệ, thầy-thuốc Lê-Quang-Đệ, thầy-thuốc Bửu-Hội, thầy-thuốc Phạm-Biểu-Tâm v.v...

Chừng đó, tiếng *thầy* sẽ trở

nên cao quí tức thì, sẽ phục hồi được giá-trị cũ của nó. Chừng đó danh, xưng *Thầy thuốc* cũng được cao quí, cũng được trọng vọng, cũng được kiêng nể như người mang nó vốn đã sẵn có tư-thể, đã sẵn có tài đức, đã sẵn có giá-trị trong bản thân.

Đồng thời sẽ có : y-sĩ Trần-văn-Cắt, y-sĩ Lê-văn-Đốt, y-sĩ Phạm-văn-Cột, y-sĩ Nguyễn-thị-Giác v.v...

Chừng đó, sẽ có bao nhiêu người thêm cho được xưng là « *Thầy thuốc* » mà tiếng « *Y-sĩ* » sẽ bị xã-hội coi thường, vì bị những dung-y, những ông lang vườn, bà lang vườn làm hạ-giá nó. Ai có muốn giành thì cứ ban cho, Bộ giữ làm chi cho mang tiếng.



Chuyện người thì sáng, chuyện mình đừng quáng. Tôi phải nghĩ đến giới nhà mình. Lâu nay tôi đã từ-chối không dám nhận mình là *thi-sĩ*. Đây cũng là một thứ sĩ rắc rối không kém ! Hôm nọ Linh-mục Thanh-lãng đề nghị cho Đông-hồ ba tiếng tạm tạm dùng được là « *Tôi làm thơ* » nhưng mà nghe lồi-thôi quá, không gấy-gợn chút nào. Nhờ có cuộc cãi-cọ về danh-xưng *Thầy thuốc Bắc* tôi vớ được ba tiếng khác rất xứng cho mình.

Từ nay Đông-hồ đã có tiếng đề xưng mình rất là ổn thỏa là :

« *Thầy Thơ Nôm* ». Thiệt là danh chánh ngôn thuận. (1)

Xin nhường tiếng *thi-sĩ* cho những thi-sĩ chánh-cống, cho những thi-sĩ cao-đẳng đại-học, cho đúng danh vị cho đúng giá-trị.

Mà hạng làm thơ vườn như mình thì nên biết điều rút lui trước đi, để cho Bộ Thi-Nghệ (nếu có Bộ Thi-nghệ) sau này khỏi bận nghĩ đến việc làm nghị-định. Phải phòng xa như vậy, bởi Thi-giới có khác gì Y-giới, chữ *thi* liền với chữ *y* một vần, và cũng đề cho tránh khỏi việc tranh-chấp danh-xưng *Tây thi-sĩ* và *Đông thi-sĩ*, trong làng Thơ, cũng như bây giờ trong làng Thuốc.

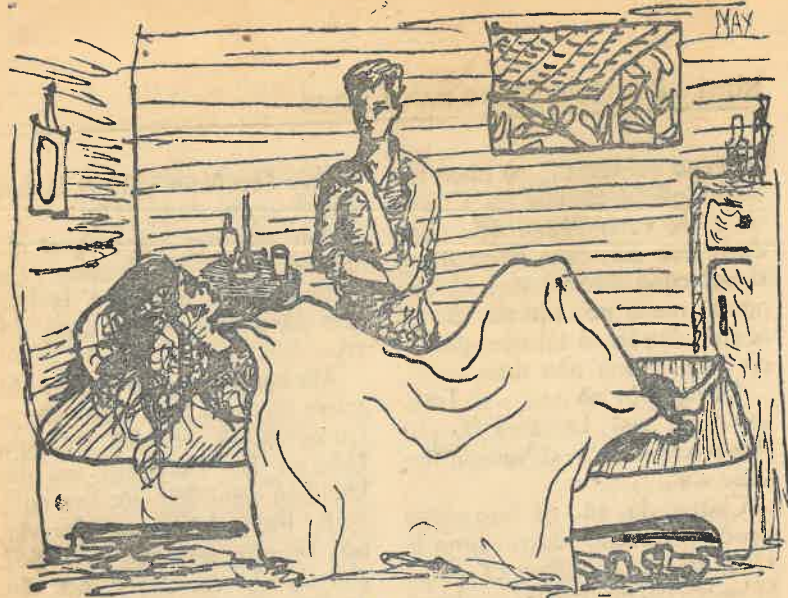
ĐÔNG-HỒ

(13-VII-62)

(1) ● Theo ngu-ý của Diêu-Huyền, thì danh từ « *Thầy Thơ Nôm* » không được « danh chánh ngôn thuận », vì sợ rằng danh từ ấy sẽ bị bàng-quan cho là tự-phụ chăng ? Họ có thể hỏi *Thơ Nôm* của mình như thế nào mà mình dám tự xưng làm « *Thầy* » thiên hạ ?

Vậy, nếu muốn khiêm tốn thật sự, thì nên đổi lại là « *Thơ Thơ Nôm* », có lẽ thích-hợp hơn chăng ? Đây chỉ là ngu-ý của một tiện-nữ không biết làm thơ, nếu có điều chi sơ-sốt, xin các nhà Văn học rộng lòng tha thứ.

DIÊU-HUYỀN



TÂM - SỰ | CHỒNG

Anh Nguyễn thân,

★ MỸ-KHANH

Lẽ ra, tôi cũng chưa vội có bức thư này cho anh, nhưng chính vì lòng sốt sắng, sự giúp đỡ ân cần tận tụy của anh trong việc se duyên cho tôi và Lan, mà bắt buộc tôi phải có nầy giòng này.

Tôi biết từ lâu, anh mến tôi lắm. Tình anh đối với tôi tuy chỉ mới năm rưỡi trời quen nhau, có thể nói hơn tình ruột thịt. Cháu Ân nó cũng quần quít anh hơn ông bác chánh-thức của nó. Vì thương cháu sớm mất mẹ, vì thương tôi còn trẻ tuổi sớm cộ đơn trong cảnh góa bụa.

anh đã giới-thiệu Lan cho tôi. Sự chu đáo của anh làm cho tôi vô cùng cảm-động, nhưng anh ơi, hôm nay, giờ đây tôi phải mạnh dạn mà thú thật với anh rằng tôi không thể cưới Lan, bắt hoặc cưới một người nào khác trên đời. Sở dĩ vắn-đề anh đem bàn với tôi từ lâu, tôi chỉ ừ hừ qua loa mà chưa chịu có ý-kiến dứt khoát là bởi tôi không rỡ khước từ sự ân cần lo lắng của anh, của một người anh cả đối với góa em út lúc nào cũng sẵn sàng nghe lời anh chỉ bảo.

TÂM SỰ MỘT NGƯỜI CHỒNG

Một là anh sẽ cau-có khi đọc mấy giòng trên mà cho tôi là kẻ gàn thừ nhất trên đời. Hai là anh mỉm cười mỉa mai tôi là đạo đức-róm, việc gì vợ chết đã năm bảy năm mà còn thủ tiết.

Vâng, tôi thủ tiết anh à! Tôi vẫn biết Lan mà anh giới-thiệu cho tôi là một người con có đủ đức tính để đem lại hạnh-phúc cho gia đình tôi mai sau. Cháu Ân tôi sẽ hưởng lấy tình mẫu-tử mà bấy lâu nó thiếu thốn. Với Lan, tôi khỏi lo cảnh lục-đục gia-đình sau nầy giữa mẹ ghê con chồng, tôi khỏi lo con tôi bị hắt hủi đau khổ vì Lan yêu tôi, yêu cháu Ân bởi cảm thông cảnh ngộ tôi, anh chẳng đã từng nói với tôi điều ấy nhiều lần ư, anh Nguyễn?

Chúng ta mến nhau hơn ruột thịt, anh cũng xác nhận điều đó chứ, nhưng tại sao câu chuyện tâm sự riêng tôi, tôi chưa từng nói với anh? Lẽ thứ nhất, vì chưa có dịp dịp chạm đến. Lẽ thứ hai, vì mỗi lần nói ra, lòng tôi chưa xót vô ngần, bao nhiêu niềm hận tãi bấy lâu chôn chặt trong tim, lại có dịp nổi dậy, dậy vô

mạnh hồn tôi.

★

Thuở ấy, thấy tôi về hưu, cảnh nhà đã sa sút lắm. Anh nghĩ chức Thông-phán, lương bổng có là bao mà Thấy tôi tinh cương trực, nên suốt thời gian làm việc cho đến khi về hưu-trí vẫn nghèo xơ nghèo xác. Cả nhà chỉ sống nhờ vào non mẫu ruộng cho cây rẽ và sức tảo-tân thất lưng buộc bụng của mẹ tôi. Tuy vậy, thầy tôi học được, Thấy tôi cũng cố gắng cho tôi theo bậc Trung-học. Như vậy được một năm đầu nhưng rồi, đau đớn thay cho tôi, suốt ba năm sau miệt mài trên ghế nhà trường Quốc-Học, tôi có biết đâu rằng mình đã chịu ơn to của một người hằng tháng hằng năm vẫn cấp dưỡng chi phí sách vở, ăn uống quần áo cho mình. Nếu tôi biết, tôi đã lui về cắm cây vác cuốc, sống cuộc đời nông phu chôn thôn dã cho xong. Thì ra, mãi sau khi thi đỗ Trung-học về nhà, Thấy Mẹ tôi mới nói cho tôi rõ: Thấy tôi và ông Cửu Bính trong làng ước hẹn với nhau làm sui và tiến ăn học của tôi mấy năm nay là do ông Cửu—tức là ông

nhạc tôi sau này — dài thọ. Trời ơi! anh có biết lúc bấy giờ tôi xử sự làm sao không? Tôi chỉ biết có khóc mà thôi. Tôi khóc năm đêm khi nghe tin ấy. Không hiểu sao lúc ấy cái chí khí làm trai của tôi biến mất, mười chín tuổi đầu chứ ít gì, mà tôi chỉ khóc như người con gái bị ép duyên. Mà tôi bị ép duyên thật! Thấy Mẹ tôi đã đưa tôi vào vòng ân nghĩa để tôi không từ chối được mối duyên kia. Tôi chỉ tức sao các người không cho tôi chút ít tự-do trước khi ước hẹn nhau để đến nỗi bây giờ tôi có mồm mà hóa ra câm, không còn bầu vú vào một lý do gì mà cái lệnh trên được.

Thế rồi, một ngày mùa thu âm đạm như lòng tôi, có một đám cưới lớn, tưng bừng, cử hành để thiên hạ trầm trồ: Cậu Thanh con ông Thông-Tín đồ đính-lễ cưới cô Thuận con ông cửu Bình. Mọi người ăn uống no say, nói cười hỉ hả mà riêng tôi, chú rề, tôi đã khóc lúc đi theo họ đến rước dâu về. Ai lại ngược đời thế anh Nguyễn nhỉ! Đáng lẽ cô dâu khóc, nhưng đây

tôi cảm thấy cô dâu vui-vẻ, hài-lòng. Tôi nói cảm thấy vì tôi có nhìn mặt nhìn mũi nàng dâu. Bắt đầu từ giờ phút ấy, tôi trút hết cảm hờn lên người con gái. Nàng là cái gai trước mắt tôi. Tôi đâm ghét nàng ra mặt, ghét cả cha mẹ anh em nàng. Ngày nhĩ hỉ, tôi đến nhà nàng lấy lệ rồi trở về nhà tôi giam mình trong phòng kín, lấy cô bạn học thi sư-phạm. Tôi chỉ hội hiệp với gia đình trong những bữa ăn. Trong quãng thời-gian học tập để ra làm ông giáo, tôi mừng thầm vì được xa nàng, tránh được cái mặt đáng ghét một cách « hợp lệ ».

Kể ra, Thuận không đến nỗi xấu. Khuôn mặt trái xoan, trắng trẻo trông cũng thông-minh, duy đôi mắt lờ đờ lúc nào cũng trông xuống, khiến người chạm chạp, buồn rầu. Về chữ nghĩa, nàng học đến lớp nhì rồi ở nhà, trông coi ruộng đất cho cha. Nhưng không phải vì tất cả mọi khuyết điểm ấy mà tôi chê nàng. Đôi khi tự vẫn lương tâm, tôi không rõ vì sao tôi không thể yêu nàng, dù chỉ một mảy may.

Học xong một năm Sư-phạm, tôi trở về nhà, mong mỗi nghe một dư luận gì không hay về vợ tôi. Nhưng tôi thất vọng xiết bao khi được Thấy mẹ tôi cho biết rằng nàng hoàn toàn có đủ đức tính một người dâu chí hiếu, một người vợ đảm đang. Thấy Mẹ tôi đâu có hiểu nỗi khổ tâm của tôi, các người tưởng tôi vui lắm.

Đầu tiên, tôi được bỏ đến dạy một trường Tiểu-học xa quê nhà mười lăm cây số. Tôi viện lý do lương ít, không đủ sống để được đi một mình. Nhưng Thấy Mẹ tôi nhất quyết bắt tôi phải đem vợ đi theo. Các người có lý của các người, cái lý «chồng đâu vợ đó», còn tôi cũng có lý của tôi. Nhưng sau cùng, tôi cũng phải nhượng bộ, đem vợ đi theo trong bao nỗi khổ tâm khó chịu.

Tôi thuê được một cái nhà rộng rãi gồm có nhà trên và nhà dưới. Tôi dùng nhà trên làm phòng đọc sách, chấm bài và phòng ngủ. Suốt ngày, lúc ở trường và cả lúc ở nhà, tôi đóng cái cửa ngang lên xuống lại. Vợ tôi ở nhà dưới lo việc

bếp núc, chợ búa và giặt dũ. Chỉ những bữa ăn tôi mới gặp nàng. Cả ngày tôi giữ về mặt lli không hề nói với nàng một tiếng. Mỗi lần nàng nói: « Mời anh xuống ăn cơm », tôi rất khó chịu. Hôm sau, hề nghe nàng dọn chén so đĩa là tôi không cho nàng kịp mời, tự mở cửa xuống, sẵn sàng ngồi vào mâm, ăn một hơi đứng dậy. Tôi không ưa nàng đến nỗi nàng chầm chút giặt quần áo, vá mạng đồ rách cho tôi, tôi cũng không muốn. Sau cùng, tuy biết là hoài phí vô ích, tôi cũng mượn một đứa cháu trai để lo các việc riêng cho tôi. Nói cho đúng, nó là vị « cứu tinh » của tôi vì anh tính, vợ chồng cùng ở một nhà, tránh sao cho khỏi hỏi nói với nhau. Mà tôi kỵ nhất việc ấy. Đến bữa, thằng nhỏ mời tôi ăn cơm, giặt áo quần cho tôi, xem chỗ nào sờn rách thì bảo tôi đem đến thợ vá, mận. Cách tôi đối xử lạt lẽo với vợ tôi quá rõ rệt, khiến cho đồng bào quanh vùng đều biết do sự tò mò thốc mách của một số học sinh đến nạp bài ngày thứ năm, chủ nhật.

Ở trường, tôi cảm thấy vui với mấy em ngoan-ngoãn, về nhà tôi chỉ làm bạn với sách vở và thằng cháu nhỏ. Vợ tôi tuyệt nhiên không nói một lời. Trước mắt tôi, nàng chỉ là một người đứng không hơn không kém. Thề mà, lạ thay, nàng không hề than vãn, nàng không hề bỏ tôi để về nhà cha mẹ nàng. Nàng vẫn âm thầm chịu đựng với một sức dai dẳng bền bỉ đáng kính, mọi nỗi ghê lạnh, ruồng rẫy của tôi. Tôi còn nhớ một hôm nửa buổi dạy, tôi chợt nhớ ra để quên quyển Tính-đồ ở nhà, bèn đạp xe về lấy. Tôi bước vào thấy cửa mở tung mà nàng thì đương dọn quét bàn học tôi, và tự tay xếp đặt chồng sách cho ngay ngắn. Tôi lạnh lùng bảo nàng : « Ai bảo dọn ? Đừng lục soạn vào đây của tôi ! » Nàng lại cầm cúi quét, làm thinh không đáp. Sao cái vẻ mặt nàng lúc ấy đáng ghét thế ! Phải chỉ nàng trả lời cho tôi một câu ! Tôi hăm hăm đóng sập cửa đi ra, bỏ mặc nàng với gian phòng vắng lặng.

Tình trạng vợ chồng chúng

tôi kéo dài như thế suốt ba năm dằng-dẵng mà Thấy Mẹ tôi lần ông bà nhắc tôi nào có hay biết gì. Các người vẫn yên trí là đã đưa chúng tôi lên tuyệt đỉnh của Hạnh-phúc. Chỉ cái điểm mà các người còn chưa được toại nguyện là mong mỗi con mắt chưa có cháu bé. Trước mắt các người cũng như họ hàng quyền thuộc, chúng tôi là cặp vợ chồng đẹp đôi nhất vì tôi và vợ tôi, không ai bảo ai mà cùng có ý định che giấu tâm sự riêng khổ não của mình. Họ cho chúng tôi muộn con tại sô vợ chồng lao đao về đường tử tức.

Sau đó, vì một lỗi nhỏ trong nghề, tôi bị dời lên một miền nước độc thuộc huyện khác. Cờ nhiên là vợ tôi thu xếp cùng đi theo, cả đứa cháu « cứu tinh » của tôi nữa. Tôi vẫn giữ thái độ lạnh lùng với vợ tôi. Phần nàng, nàng vẫn luôn luôn âm thầm cố gắng chịu đựng một cách bền bỉ.

Cho đến một hôm kia, tôi còn nhớ mãi vào một hôm mùa đông mưa rơi và gió lạnh. Ở cái chôn khi ho cô gái đã

điều hiu, gặp tiết nầy, lại càng điều hiu thêm. Ngày không thấy mặt trời, đêm thì vô cùng âm-u, vắng lặng đến rợn người, thỉnh thoảng điểm tiếng chim lạ buồn áo não. Vào một hôm như thế, tôi bỗng lên cơn sốt mê man, hai ngày hai đêm nằm luôn trên giường bệnh. Lúc tỉnh dậy tôi thấy vợ tôi ngồi trên chiếc ghế con cạnh đây. Không rõ một cảm giác gì buộc tôi đã mở mắt được mà còn vờ nhắm lại, chỉ hé nhìn trộm vợ tôi rồi lại nằm yên như cũ. Vợ tôi hốc hác, da mặt xanh xao, vẻ bơ phờ thiếu ngủ. Đôi mắt nàng thâm lại, chứng tỏ nhiều đêm không ngủ và đôi mi uơn ướn nói với tôi rằng nàng đã khóc nhiều vì tôi. Lần đầu tiên — từ ba năm nay — tôi không cảm thấy khó chịu trước sự hiện diện của nàng, trái lại, tôi thương nàng vô hạn. Nhưng, tôi chưa vội biểu lộ sự thương yêu. Tôi từ từ mở mắt, một nhọc hỏi trông không :

« Thăng Bảo đâu ? Cho tôi miếng nước. »

Về mặt nàng sáng lên. Nàng

ngẩng lên nhìn tôi — cũng lần đầu tiên nàng dám nhìn tận mắt tôi — bắt gặp đôi mắt dịu hiền của tôi nhìn nàng.

— Nó đi mua thuốc dưới tiệm, để em rót cho.

Nàng bưng tách nước, hai tay, đứng trước giường đợi tôi ngồi dậy. Tôi mệt là người mấy lần chồng cùi đều không dậy nổi. Nàng nhanh nhẹn vòng tay qua phía sau lưng tôi, đỡ tôi từ từ ngồi lên và để tách nước kề miệng tôi. Xong, nàng lại dịu dàng đặt tôi nằm xuống, cẩn thận kéo mền đắp cho tôi rồi rón rén ra ngoài. Năm hôm sau, tôi khỏi bệnh mới hay là nàng đã chu đáo viết đơn xin phép cho tôi và thuốc men tôi uống, do một tay nàng chăm sóc.

Anh Nguyên ơi, anh có biết không, sau trận đau ấy, tâm hồn tôi đã hoàn toàn thay đổi. Tôi thấy ở vợ tôi một cái gì quý giá, cao thượng khó tìm thấy nơi người đàn bà khác mà tôi có dịp quen biết. Tôi bắt đầu yêu kính nàng từ đây, bằng tất cả tâm lòng thành. Càng sống bên nàng, tôi càng hiểu nàng

nhiều hơn, và đời chúng tôi chan hòa hạnh-phúc. Có điều tôi phục nàng nhất là không bao giờ nàng gạn hỏi tôi về lỗi cư xử tệ lạnh khi trước. Rồi nàng sinh cháu bé đầu tiên, con bé Ân mà bây giờ anh thầy đó. Tôi đặt tên cháu Ân để ghi lại nhiều kỷ-niệm...

Nếu cuộc đời không xáo trộn thì đầu ngày nay tôi có con-cà con-kê kể chuyện với anh. Đời không xáo trộn thì hẳn chúng tôi còn sống đến bạc đầu bên nhau.

Nhưng mà... Anh ơi, chiến tranh bùng nổ, vùng quê tôi lâm vào nạn tàn cư triệt để. Tôi vừa đưa gia đình tìm nơi trú ngụ xong là có lệnh trên buộc phải nhận công tác giáo dục ở một nơi xa, cách tỉnh nhà hai tỉnh. Cuộc chia ly, không nói anh cũng rõ là buồn chừng nào. Vợ tôi đã đào con đại, bỡ ngỡ trong cảnh tàn cư mà lại phải xa chồng, xa kẻ nương tựa ! Nàng tiễn tôi ra bến sông, mắt đầy ngấn lệ.

Ba năm qua, thỉnh thoảng tôi vẫn nhận được tin nàng và con bình yên. Tôi ấp ủ

niềm tin vui trong lòng cho đến một ngày kia, tôi được phép trở về làm việc tại tỉnh nhà.

Tôi bôn ba vượt suối băng rừng suốt tháng trời mới về đến làng xưa, nơi trú ngụ của chiếc tổ ấm. Thì, đau đớn chưa anh, vợ tôi, người đàn bà luôn luôn đau khổ vì tôi, đang hấp hối trên giường bệnh. Nàng đã lao tâm nhiều vì chồng con, lại lao lực vất vả với cuộc sống nên đã nhiễm chứng bệnh hiểm nghèo. Tôi điếng người, không kịp hỏi han con tôi, quăng ba-lô chạy một mạch đi tìm thuốc cứu nàng. Nhưng đã trễ rồi. Thần chết lảng vảng một bên, và năm hôm sau, nàng thở hơi cuối cùng trong tay tôi. Đêm trước nàng chưa mắt, nàng ra hiệu bảo tôi lại gần rồi nói nhỏ :

— « Em chết đi, anh sẽ buồn nhưng đã có bé Ân. Phải chi chúng mình hòa hiệp sớm, anh sẽ có đôi ba đứa con cho vui ! » Nói xong, nàng mỉm cười, nụ cười héo hắt !

Trời ơi, từ hồi nào đến bây giờ, nàng kín đáo để dành câu trách móc tôi đến phút này mới nói ra ! « Phải chi chúng mình hòa hiệp sớm... » có khác nào một câu lên án tôi : « Tại sao anh nỡ để vợ anh lạnh lòng trong bấy nhiêu năm... ? »

Chôn cất nàng xong, tôi ôm con khóc suốt tháng. Khóc vì tiếc rẻ, khóc vì thương nhớ, khóc vì ân hận.

Đến nay, vợ tôi đã bảy cái giò rồi, cháu Ân vừa đúng chín tuổi. Nhiều khi tôi cũng cảm thấy cô đơn và vất vả vì

thiếu người nội trợ, nhưng đầu dây còn vằng lờn trần trời của người bất hạnh, tôi lại xua bỏ ý nghĩ lập lại cuộc đời.

Anh Nguyên, chắc bây giờ anh đã cảm-thông tôi qua lá thư tràng giang đại hải hôm nay. Nhờ anh kể lại với Lan, và anh đừng quên chuyển lời nầy của tôi : Với nàng, tuy duyên nợ không thành, tôi luôn luôn giữ những cảm tình tốt đẹp và sâu đậm.

Siết chặt tay anh

Bạn Anh,
THANH



★ GIỜ PHỤ

Ông giám-đốc hỏi một người đến xin việc :

— Anh làm trong nghề này đã lâu chưa ?

— Thưa đã 45 năm.

— Anh mấy tuổi ?

— Thưa, 39 tuổi.

Ông giám-đốc ngạc nhiên :

— Anh 39 tuổi mà sao anh vừa nói là anh đã làm trong nghề này được 45 năm ?

— Thưa ông giám đốc tôi tính cả các giờ làm phụ nữa đấy ạ.

Xã Giao theo ĐỜI SỐNG MỚI

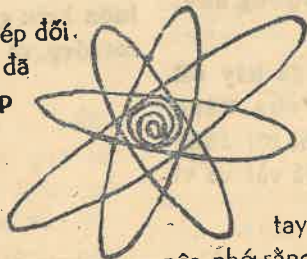
Chào các Bạn,

Hôm nay, giữ lễ-phép đối với đàn-bà, chúng ta đã nói trước tiên về phép xã-giao « đàn-ông chào đàn-bà »,

vì thường thường đàn ông phải chào đàn-bà trước tiên, nhiên hậu đàn-bà mới mỉm cười đáp lại đàn ông. Nhưng nếu người đàn-bà là chủ nhà tiếp khách đàn ông thì dĩ-nhiên bà chủ phải chào khách.

2. — ĐÀN-BÀ CHÀO ĐÀN-ÔNG, VÀ ĐÀN-ÔNG ĐÁP LẠI

Đàn-bà Tây-phương, và đàn-bà Việt-nam theo phép xã-giao Tây-phương, chào đàn ông bằng cách đưa tay ra để bắt



tay đàn-ông. Chúng ta nên nhớ rằng sự đưa bàn tay ra là một *hân-hạnh* mà người đàn-bà ban cho đàn-ông, cho nên người đàn-ông có lễ-độ không bao giờ tự mình đưa tay ra trước. Chúng ta nên lưu-ý đến chi-tiết này, vì chúng ta đã thường thấy nhiều người đàn-ông Việt-Nam, khi gặp đàn-bà, vội-vàng chìa tay ra trước. Một số đông bạn trai đến nhà bạn gái, hoặc trong đám-tiệc, cũng quen chào bạn gái bằng kiểu đó, (sinh viên, học sinh,

chào Nữ-sinh chẳng hạn). Như thế thật là kém lịch-sự. Xin nói tóm lại :

a) Phụ nữ chào bạn trai hoặc người đàn ông ngang hàng với mình, hoặc thấp kém hơn mình : Đưa tay ra bắt tay đàn ông.

b) Phụ nữ chào người đàn ông có địa vị cao hơn mình, hoặc lớn tuổi hơn mình nhiều :

— (thân mật) : cũng đưa tay ra bắt tay đàn ông.

— (trịnh trọng) : khẽ cúi đầu với một nụ cười lễ-độ.

● Xin nhớ. — Dù là đôi bạn rất thân, người bạn trai cũng nên luôn luôn tỏ mình là một con người có giáo - dục (bien-élevé), một người rất tao-nhã (un parfait gentleman) và không bao giờ chào bạn gái bằng cách sờ-sàng chìa bàn tay ra trước.

3. — NHỮNG TRƯỜNG-HỢP THÔNG THƯỜNG

a) Chào cô : đàn ông, con trai, nếu đang đội mũ hoặc quần

phải lấy mũ lấy nón xuống, và đứng thẳng người.

— Phụ-nữ không cần lấy nón xuống, nhưng cũng phải đứng thẳng.

● Luật pháp và xã-giao của các nước văn-minh, kể cả các nghi-lễ long-trọng tổ chức ở ngoài trời không bắt buộc phụ-nữ, (đàn bà, con gái) phải cúi đầu trần lúc chào cờ, chào Quốc-thiệu, hoặc chào một vị Quốc-trưởng, hay một nhân-vật cao-cấp, của xứ mình, hay ngoại quốc.

● Trong các cuộc biểu-diễn quốc tế, phải chào cả cờ và quốc-thiệu của ngoại-quốc.

b) Chào các tượng Chúa, tượng Phật :

Một đám rước kiệu đi qua, của Gia-tô-giáo, có tượng Chúa Jésus hay đức bà Maria, người có đạo Phật hoặc đạo khác cũng phải lễ-phép cất mũ chào, để tỏ rằng mình là người lịch-sự.

Một đám rước Phật-giáo, có tượng Phật, hoặc tượng Đức Quán-thế-Âm, người có đạo Gia-tô-giáo hoặc các đạo khác cũng phải cất mũ chào một cách cung-kính.

c) Chào người chết :

d) Một đám ma đi qua, ta phải chào cổ quan-tài. Ta đang ngồi trên xe, cũng phải cất mũ, khễ nghiêng mình chào, bất cứ đám ma nghèo hay giàu. Chào người chết, có ý nghĩa là tiễn họ một lần cuối cùng khi họ vĩnh-biệt trần-gian.

e) *Trời lạnh, tay đeo găng* : Nếu là đàn-ông, nên cởi găng ra khi bắt tay chào. Các bạn gái không cần cởi găng, hoặc đang đeo găng đi xe máy, hay xe vélosolex, xe hơi, v.v... lúc xuống xe, bắt tay chào ai, *không cần cởi găng*.

Đàn ông, nhất là khi đeo găng da bị ướt, hoặc bị dính dầu mỡ xe, tuyệt nhiên không nên đề găng mà nắm tay chào bạn, dù là bạn thân.

f) *Chào các ông lớn*. Khi một người có địa-vị cao-lớn đưa tay ra bắt tay mình, ta thường thấy nhiều người vội vàng cúi mình xuống và đưa cả hai bàn tay ra dụi-dè nắm tay người kia. Không nên có cử-chỉ ấy, tỏ ra sự hèn hạ. Tôi đã chứng kiến một vị công-chức Việt-nam cúi khòm lưng, đưa cả hai bàn tay ra ôm lấy bàn tay của một vị thượng-khách Ngoại-

quốc: cử-chỉ ấy quá tự hạ mình, tỏ cách nịnh bợ hơn là lễ phép.

Đây là cả sự biểu-hiệu tư-cách và trình-độ của một dân-tộc. Không 'có gì đề-hèn, lỗ-bịch, khi một vị Tổng - Thống, hay một vị Đại-sứ đưa tay ra bắt tay một ủy-viên Xã chẳng hạn, mà anh nầy cúi khòm xuống nửa người và đưa cả hai bàn tay ra bợ-dỡ bàn tay của vị Thượng-khách kia !

Trong lúc chào các ông lớn như thế, chỉ phải đứng thẳng người và khễ cúi mình một tý (một tý thôi). Chỉ đưa một tay ra để đón nhận cái bắt tay của người mình kính trọng là đủ lễ phép rồi. Trong lúc bắt tay, không nên nắm mạnh bàn tay người ta.



g) *Chào người thấp kém hơn mình*.

Trái lại, mình có địa-vị cao lớn, khi đưa tay ra bắt tay một người địa-vị thấp kém hơn, mình cũng phải bắt tay một cách niềm nở, thân mật. Nếu mình chỉ rờ các đầu ngón tay họ cho « lấy lệ » thì mình là kẻ kém xã-giao, có khi là vô-lễ, mặc dầu mình là một « ông lớn ».

h) *Học-trò chào Thầy*, hoặc người trẻ tuổi chào người lớn tuổi hơn.

Tôi thường thấy nhiều bạn thanh-niên khi gặp người lớn hơn mình, (lớn hơn vì địa-vị, tuổi tác) hăng hái chìa tay ra trước, tưởng thế là niềm nở,

sốt sắng, tỏ lòng kính mến người ta, nhưng trái lại, chính cử chỉ đó là vô-lễ, rất là vô-lễ.

Nên đợi người lớn đưa tay ra chứ mình không được chìa tay ra trước. (Trường-hợp nầy chỉ riêng với nam-giới).

i) *Chào nơi công cộng* :

— Vào tiệm ăn, đi ngang qua các bàn đã có khách, mình nên khễ nghiêng mình chào chung tất cả mọi người (vừa đi vừa chào và chỉ một lần thôi).

Trong các trường hợp nầy, phụ-nữ không cần chào.

— Lúc ra về, đàn ông cũng chào như thế. Dĩ-nhiên, mình không chào cũng không ai nói gì được. Nhưng nếu trong một tiệm ăn sang trọng, mình chào như thế tỏ rằng mình là người biết phép lịch sự, theo lối xã-giao văn-minh.

— Vào rạp hát, phòng diễn-thuyết, nơi hội trường, v.v... lúc mình bước vào cũng phải cất nón, hoặc khễ nghiêng mình chào chung tất cả những người ngồi cùng dãy ghế của mình.

Kỳ sau : **Giới-thiệu**.

Nhân ngày 6-7-1962, nhà văn- hào Hoa Kỳ William Faulkner, được giải Nobel Văn chương năm 1949, vừa tạ thế. Chúng tôi cho đăng tiểu sử và cuộc đời văn nghiệp của ông dưới đây để cống hiến quý bạn đọc Phổ Thông tạp chí.

P. T.



WILLIAM

FAULKNER

★ PHONG-GIAO

N NGÀY 6 tháng 7 năm 1962, WILLIAM FAULKNER, tiểu-thuyết-gia người Hoa-Kỳ, giải thưởng văn-chương Nobel năm 1949, qua đời vì bệnh đau tim. Ngoại trừ thân-quyến người quá cố, không ai được biết nhà văn này đã trút hơi thở cuối cùng ở đâu. Người ta đoán là ông đã

qua đời trong một phòng ở Byhalia, cách thị trấn Oxford chừng 40 dặm đường, là nơi mà trước đây thỉnh-thoảng ông đã lui tới để điều-trị một chứng bệnh do men rượu gây nên.

Khi tin cáo-tử được loan truyền, giới văn-học tại khắp mọi nơi trên thế-giới đều góp

WILLIAM FAULKNER

lời ai điều. Ông được xưng tụng như « sử-gia của miền đất tối tăm », « hiện-tượng của thế-hệ lạc lõng », « Biểu hiệu được lòng tin chiến thắng của con người »... Nhưng biểu hiệu của tấm lòng ngưỡng mộ chân-thành và sâu xa nhất, có lẽ là lời xưng tụng của tổng-thống Hoa-kỳ, John Kennedy : « Kể từ Henry James tới nay, chưa có một nhà văn Hoa-kỳ nào đã để lại cho kho tàng văn-học đất nước một sự-nghiệp vĩ đại và trường cửu như ông. »



WILLIAM FAULKNER sinh ngày 25 tháng 9 năm 1897, tại New-Albany, tiểu-bang Mississippi, dòng dõi một gia-đình quý phái cổ-truyền nhưng đã bị phá-sản vì cuộc Nội-chiến. Thuở nhỏ, ông đến trường học rất thất thường nhưng lại tiếp nhận một nền giáo-dục rất có căn-bản do cha và chú ông truyền giầy trong những chuyến đi săn ở vùng đồng lầy gần Oxford. Cảnh sinh hoạt trong gia-đình cũng như ngoài đời đã gây nên trong lòng ông, ngay từ thời thơ ấu, sự tiếc nuối cái quá khứ vàng

son của tổ-tiên ông, những nhà tiên phong khản hoang nhờ gặp vận may nên trở thành những đại-diên-chủ có truyền thống quý phái và bảo-thủ.

Lớn lên, ông theo ban đại-học cũng rất thất thường và không đậu được Văn-bằng nào cả. Nhưng ông lại chuyên tâm tự-học, chịu khó đọc rất nhiều các tác-phẩm cổ-diễn cũng như hiện đại.

Trận Đệ-Nhất Thế-chiến đã phá tan độ sống trầm lặng của ông nơi quê nhà. Ông nhập ngũ nhưng không được binh chủng không-quân Hoa-kỳ thu nhận vì người ông không đủ chiều cao (5 feet 5, vào khoảng 1m65). Sau, ông tìm cách tình nguyện gia nhập Không lực Hoàng-gia Anh (R.A.F.) nhưng chiến tranh lại kết-liệu trước khi ông kịp tham-chiến. Tuy vậy, những cuộc xê dịch trong thời chiến cũng gây nhiều cảm hứng trong văn-phẩm của ông.

Trở lại Oxford, Faulkner trải qua một thời kỳ thai nghén văn-nghe khá lâu. Ông bận tâm suy nghĩ rất nhiều về tương-lai của đất nước và dân tộc ông.

Và trong lúc âm thầm cấu-tạo nên cái vùng đất tối tăm Yoknapatawpsa County để làm bối-cảnh cho các tác-phẩm tương-lai, ông đã phải làm nhiều nghề vật vãnh để kiếm sống như thợ sơn nhà cửa, gác của ban đêm. Luân lạc tới New York, ông làm việc tại một nhà sách trong thời gian ngắn; đoạn ông trở về Oxford làm thư-tín-viên tại Đại-học-đường Mississippi. Ông làm việc đó không được bao lâu vì ngán nỗi «bất cứ tên nhà quê dốt nát nào cũng dơ tay ngoắc mình hỏi mua một con cò hai xu». Tiếp sau đó là một thời kỳ phóng dăng (Bohemian period) tại New Orleans là nơi ông làm quen với Sherwood Anderson tiểu-thuyết-gia mà sau này ông thường tôn sùng như bậc thầy của chính ông, cũng như của các kiện-tướng khác trong Thế-hệ Lạc-lãng (Lost generation).

Tối năm 1931, ông rời Hoa kỳ, cuộc bộ và đạp xe đi du lịch khắp châu Âu. Tới kinh-đô ánh sáng Paris, ông không tới xóm tá-ngạn sông Seine để nhập vào nhóm văn-sĩ Huê-kỳ lưu-vong thời đó (như Gertrude Stein,

Dos Panos, Ernest Hemingway...) Ông không thể tự coi như một kẻ «bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh» như những bạn văn vừa kể. Nhận chân một cách sâu xa rằng cuộc đời ông chỉ có đây đủ ý nghĩa ở chốn quê nhà nên sau đó ông trở về Oxford. Tại đây ông sống trong một lâm-ấp ở gần thành phố. Ông viết văn buổi sáng, chăm lo việc canh tác buổi chiều, và tối đến ông đi nhậu vài ly với bạn bè thân thiết. Những ngày cuối tuần, ông ham đi săn như ngày còn nhỏ. Lúc nào ông cũng giữ bản-chất bình dị và ưa thích sự cô đơn. Ông không ưa những cuộc thảo-luận văn-nghe, những tập-san văn-nghe tiên-phong, những vụ tranh-luận về các ý-niệm trừu-tượng.

Ông uống rượu rất nhiều, như một người tuyệt-vọng. Nhưng trong các bài giảng cho sinh-viên viện Đại-học Oxford, nơi mà ông đảm nhiệm chức vụ giảng sư trong nhiều năm trước khi nhắm mắt lìa đời, ông lại thường làm rạng tỏ một niềm tin (credo) sáng lạng rằng con người sẽ chiến thắng được

định mệnh khắt khe của tạo vật nhờ ở tài chịu đựng và ý chí phần dẫu bền vững của mình. Niềm tin đó đã được trang trọng đề cao trong bài diễn văn báo học đọc tại Stockholm; khi ông tiếp nhận giải thưởng văn chương quốc tế Nobel. Và sau đó, trong suốt 12 năm trời, đã được nhắc lại biết bao nhiêu lần bằng tiếng nói chất phác, không phải của một giảng-sư đại học mà là của một nông dân bình dị (country yokel) — thứ ngôn ngữ không văn-hoa chút nào, gồm nhiều chữ ain'ts và những phủ nhận kép (double negatives). Người thường tự nhận là một nông dân an phận (a retired farmer) đó lại đã đề lại cho kho tàng văn học Hoa-Kỳ cả một sự-nghiệp lẫy lừng (mà hiền hách nhất là phần đóng góp trong việc nâng cao nền tiểu thuyết không có truyền thống của Mỹ lên địa-vị bá chủ quốc-tế hiện nay).



Toàn bộ tác-phẩm của Faulkner gồm chừng 30 đoản-thiên và 15 tập truyện dài. Các nhà phê-bình văn-học đều cho việc

nghiên-cứu văn-phẩm của Faulkner là một công việc nhiều thử thách nhất, và đồng ý không nên phân-loại các tác-phẩm của ông mà chỉ nên làm những bản mục-lục về các nhân-vật, các đề-tài. Những mục-lục này không phải chỉ là những danh sách xếp theo thuận-tự hay niên-kỷ mà là những bản phân-tách rõ-ràng, tỉ-mỉ, nhằm giúp cho người đọc hiểu được văn-chương, cá tính nhân vật, cũng là chứa đựng tư-tưởng thâm trầm trong tác-phẩm của ông. Bất cứ ai đã đọc qua truyện của Faulkner cũng phải nhận ý-kiến kể trên là đúng. Bởi vì, không kể chúng ta là độc-giả ngoại-quốc, ngay cả những người đồng-hương với tác-giả, những Mississipians, cũng phải tốn công khó khăn chặt vật lắm mới hiểu nổi câu văn của ông. Faulkner đã đem vào văn-chương Hoa-kỳ một tu-từ-pháp thật là kỳ lạ: rắc rối nhất, điên đầu nhất, tấp nham nhất, và cũng đáng ngờ nhất trong môn văn-phạm Anh-ngữ vốn cổ kính đa hàng bao thế kỷ.

Tuy nhiên, để tiện việc tìm

hiếu, chúng tôi cũng tạm chia công-trình sáng-tác của Faulkner ra làm 4 thời:

Thời kỳ thứ nhất được ghi dấu trong văn-phẩm của Faulkner mang niên-hiệu trước 1820 và là thời-kỳ mà chủ-nhân miền đất Nam-Mỹ bao la phì nhiêu vẫn còn là những dân Da Đỏ. Nhưng rồi trên nền đất đỏ có in dấu chân của những người Da Trắng khai-hoang. Trong tác-phẩm, đó là những khách giang hồ nghĩa hiệp (như Sutpen trong *Absalom ! Absalom !*) hay những nhà điền-chủ quý-phái như Satoris và Compson.

Cuộc nội-chiến mở đầu cho thời-kỳ thứ hai và mang tới biết bao nhiêu biến-cổ trọng-đại, làm sụp đổ tận nền móng cái giai-cấp địa chủ phong-kiến mà biểu tượng là dòng họ suy tàn Satons (trong *Satoris*) hay sắp sửa tuyệt-chủng như họ Compson (trong *The Sound and The Fury*).

Thời-kỳ thứ ba tiếp theo sự sụp đổ của nền văn-minh Nam-Mỹ cổ kính (mà những nét điển hình là lòng cao thượng, nhân

nghĩa, hào- hiệp, là độ sống êm ả trong những lâu-đài có những hàng cột trắng quen thuộc), là sự bành trướng của xã-hội cơ-khí. Biểu-tượng của nền văn-minh cơ-khí này là tên gangster dâm dăng Popeye, nhà trí thức nát rượu Gowan Stevens, cô nữ sinh-viên sẵn sàng chịu đầu hàng số-phận Temple Drake, cô gái da đen rước khách via hè Nancy Nanigoo... (trong *Sanctuary* và tác-phẩm nổi tiếp là *Requiem For A Nun*).

Sau cùng, thời hiện-tại, thời toàn thắng của giai-cấp tư-bản mới mà tượng-trưng là dòng họ Snopes, gồm những nhà kinh doanh xảo-quyệt, tàn nhẫn, vô lương tâm (trong bộ tam-thiên-thư: *The Hamlet — The Town* và *The Mansion*).

Trong thời kỳ đầu, Faulkner gợi lại kỷ-niệm của thời thơ ấu, cái quá vãng vàng son của giai-cấp xuất-thân. Những nhân-vật trong tác-phẩm đều là vang bóng của tổ-tiên, thân-nhân ông, và các bối cảnh đều là hình ảnh của vùng đất quen thuộc, nơi chôn nhau cắt rốn của ông.

Đánh mất quá khứ, Faulkner

thấy hiện-tại thật đáng nguyên rủa và tương-lai thật mịt mờ quá đối. Tâm-trạng dễ hiểu của người chiến-bại ấy được phản ảnh trung thành trên những hàng chữ viết. Tuy nhiên, cũng trong thời kỳ này ta thấy ông còn lưu tâm tới những người cùng một màu da nhưng sống vô-tư trong cảnh nghèo hèn (gia-đình Brunden trong *As I Lay Dying*), đề nhận chân được những đức tính đã giúp cho con người trường tồn: khiêm tốn và chịu đựng. Qua một viên y sĩ và một tên tù khổ sai vượt ngục; qua một lần phá thai và một lần đỡ đẻ, (trong *The Wild Palms* và *Old Man*) ông đã trình bày một quan niệm đạo đức: «Giữa sự đau khổ và hư vô, chỉ có những kẻ hèn mới chọn cái chết». Quan niệm này còn được nhắc lại và minh chứng như một triết niệm trong *A Faile*, tác-phẩm được coi như bản di chúc của ông.

Bắt lại được cái bản năng tất yếu để có thể sống vô tư, Faulkner tạm rời bỏ được một đề tài khai thác đã nhiều: quyền tối thượng của quá khứ. Ông mở mắt nhìn thẳng vào thực tại và dang tay bóp nát những kẻ sống chống

đối với thiên nhiên. Ông đã phá kịch liệt nền văn minh cơ khí, trong đó con người càng ngày càng sống xa rời với bản năng thiên nhiên để trẫm mình vào trong những hố sâu đồi trụy và sa-đọa. Đi vào thực tại nhưng ông không ngót nguyên rủa thực tại. Và có lẽ vì chưa quên hẳn được cái quyền tối thượng của thiên mệnh, của quá khứ nên các nhân vật của ông vẫn là những người thiếu hẳn ý chí đấu tranh. Từ tên giết người thô lỗ, cho tới cô gái con nhà trí thức... ai nấy đều chấp nhận những hoàn cảnh cuộc đời đưa đẩy tới với một thái độ thần nhiên, không kháng cự, sẵn sàng buông thả và mặc nhiên coi như mọi sự đều đã do tạo hóa an bài.

Riêng ông, với quyền uy tối thượng của một người sáng tạo, ông cũng dựng nên một thế-giới giả-trưởng mang tên là Yoknapatawpha County. Gọi là giả-trưởng, vì tên đó không có trên bản đồ Hiệp chủng Quốc, song xuyên qua tác-phẩm, ta có thể quy định vị trí địa-dư của nó ở trong vùng Tây-Bắc tiểu-bang Mississippi, nghĩa là không xa

Oxford, nơi cư ngụ của tác giả là bao nhiêu. Yoknapatawpha là một quận-lỵ gồm chừng một ngàn rưỡi dân-cư gồm những nô-lệ Da Đen cần cù trung nghĩa, những người Da Trắng bần hàn, những đại điền chủ bị phá sản, thường là kiêu ngạo, hung tợn và lười biếng, luôn luôn bị ám ảnh bởi sự loạn luân đời trụ. Thế giới đã được dùng làm bối cảnh cho hầu hết các tác phẩm của ông, và đám dân cư vừa kể cũng là những nhân vật quen thuộc của ông — Thế giới mà các nhà phê bình Văn-học quen gọi là « miền đất tối tăm hơn » (darker soil).

Trong tác phẩm cuối cùng, bộ tam-thiên-thư dày hàng ngàn trang, ông đã đề cập tới rất nhiều vấn đề của thời hiện-đại ngoài chủ đề chính nhằm thuật lại sự thành hình của giai cấp trưởng giả mới (mà tượng-trung là dòng họ Snopes, trong quyền đầu : *The Hamlet*), sự bành trướng cùng những rạn nứt của giai-cấp đó (trong hai quyền kế tiếp : *The Town* và *The Mansion*). Bộ sách này là một chứng từ tốt, giúp ít nhiều cho những ai muốn tìm hiểu hay

ngiên-cứu về đời sống hiện tại của miền nam nước Mỹ ; rộng lớn hơn nữa, về những vấn đề trọng đại đang đè chiu trên đời sống tinh thần của nhân loại hôm nay. Ba quyền được xuất bản rời rạc trong hai chục năm trời, đã ghi dấu một cách biệt rõ rệt trong tư-tưởng tác giả : lòng hồn oán cố hữu đã chuyển sang lòng yêu mến có chen nhiều thương xót ; lòng chán nản và hoài nghi đã chuyển thành niềm tin bền vững và sáng láng.

Tin rằng con người sẽ cả thắng và sẽ bất tử, vì khác với tất cả các sinh vật khác, con người còn có một linh hồn, một tinh thần quả cảm để mà thương xót, hy-sinh và chịu đựng.



Niên lịch ghi ngày thứ sáu, mồng 6 tháng 7 năm 1962. Và tính ra William Faulkner hưởng thọ 64 tuổi trời.

Hôm sau, vào một buổi sáng cuối tuần êm ả, xác ông được đem chôn tại một góc hẻo lánh trong nghĩa trang thành phố Oxford dưới hai gốc sồi già.

Thuở sinh thời, trước khi được trao tặng giải thưởng Văn chương Nobel, William Faulkner đã sống trong cảnh cô-đơn, trong sự cô nhút của quần chúng độc giả.

Giờ đây, ông trở về lòng đất với tất cả thái độ khiêm tốn của một người đã tìm hiểu được chân-lý của cuộc đời : chiến đấu, chịu đựng và cả thắng !

Khi nào nhân loại còn tồn tại trên mặt đất này, năm mỗ ông còn nằm đó để làm chứng cho lịch sử — lịch sử của một vùng đất, tới tận miền Nam Mỹ, mà biên cương lại vượt

ra ngoài biên giới của tiểu bang Mississippi, của cả Hiệp-chủng-quốc, để đến bao quanh tất cả những vùng đất nào đang bị đe dọa trước đoạt mất quyền sống tự-do.

Và mưa. Và gió. Và hai gốc sồi già làm mái chỡ che. Năm mỗ còn đó. Tinh thần William Faulkner còn đó, mãi mãi về sau — khi cuộc sống con người còn bị thường xuyên đe dọa, và khi con người còn đủ tự-do để bảo-dưỡng niềm tin đặt vào tương-lai của chính con người...

PHONG-GIAO



MÈO NON. — Em muốn tự tay mình kết cho em bó hoa toàn bằng thứ giấy này cơ !



LỜI CON TRẺ
— Mau lên ba ! đuổi bắt trái bong-bóng cho con !

Mình
đi!

Thế nào
là
Sắc Đẹp

Tượng Venus, Nữ-thần Sắc-Đẹp,
của Allegrain, Thế-kỷ XVIII

★ DIỆU-HUYỀN



— MÌNH ơi, hôm nay Tòa vẫn chưa xử vụ ông Bác-sĩ gì làm xẹp cái mũi của cô gì đây, Mình ơi!

— Ông Bác-sĩ gì? Cái cô gì? Cái mũi gì? Em hỏi gì mà anh chẳng hiểu gì cả?

— Chớ Mình không nhớ hồi năm ngoái hay năm kia gì đây có cô gì đây...

— Có gì?

— Em quên tên rồi. Cô ấy không thích có cái mũi xẹp, nghe có ông Bác-sĩ (em cũng quên mất tên), đi Nhật học khoa chữa mũi cho đẹp, mũi xẹp ông làm thành ra mũi cao, rồi lấy của cô ta mười ngàn đồng. Không dè ông làm thế nào mà cái mũi của cô ấy xẹp lại xẹp thêm, và còn chấy mù tùm-lum ra nữa. Má cô ta tức giận làm đơn lên Tòa kiện ông Bác-sĩ, đòi bồi thường cho cái mũi của con bà 150 ngàn đồng. Chuyện ấy tức cười lắm, các báo có đăng, Mình không biết sao?

— Tưởng cái mũi cao mà dè cho nó bẹp xuống thì mới tức cười, chứ cái mũi xẹp đắp

cho nó cao lên, thì chuyện cũ xì cũ-xịt, có gì là lạ? Trong quyển truyện «Le Nez d'un notaire» (cái Mũi của một ông Chường-khê) của nhà văn Edmond About (1828-1885) đã kể chuyện một nhà quý-tộc nước Italie, làm Chường-khê ở Venise, mắc cỡ vì có cái mũi xẹp, thuê một người thợ sửa sắc đẹp, tên là Tagliacozzi, làm cho cái mũi ông cao lên. Nhân có quen một người cu-li nghèo làm nghề khuân vác ở bến tàu, ông ta mua một miếng da của người ấy, cắt đem về đắp lên mũi ông Chường-Khê. Không biết ông ta đắp bằng thứ hồ hay thứ keo gì mà được ít lâu, miếng da ấy teo lại, rồi bong ra, rớt xuống như một miếng vỏ cây khô. Ông Chường-Khê bắt đền, anh kia không chịu đền, tức mình ông đi kiện ra tòa cũng y như có thiếu nữ nhà giàu ở Sài-gòn đi kiện ông Bác-sĩ nọ.

— Rồi Tòa xử sao hả mình?

— Tòa xử... bắt anh thợ sửa sắc đẹp kia phải đem miếng da mua trái phép, trả lại cho

người chủ khuôn-vác của nó !

— Còn cái mũi của ông Chương-Khê ?

— Cái mũi ông ấy xẹp, thì tòa xử cứ để cho nó xẹp, khỏi có bồi-thường gì cả.

— Ủ, Tòa án Venice xử thế em chịu. Cái mũi xẹp cứ để nó xẹp, chứ muốn đắp cho nó cao lên làm chi ! Cái mũi của em cũng xẹp đấy nè, bộ em xấu lắm sao ! Tại sao họ lại thích mũi cao chi vậy hả Minh ?

— Họ muốn bắt chước Hoàng hậu Cléopâtre.

— Cléopâtre nào ?

— Cléopâtre, Hoàng-hậu xứ Egypte (Ai-cập) ở thời Thượng-Cổ, 69-30 năm trước J.C. Bà ấy mũi cao một cây, và có tiếng là đẹp nhất Thế-giới thời bấy giờ. Hoàng đế César của La-Mã, và Đại-tướng Antoine chết mê chết mệt vì cái mũi của Bà, và hai bên chiến-tranh với nhau cũng tại cái mũi ấy. Cho nên nhà Triết học Pascal của Pháp (Thế-kỷ XVII) có nói một câu rất thú-vị : *« Le nez de Cléopâtre, s'il eût été plus court, la face de la Terre aurait*

été changée » (cái mũi của Cléopâtre, nếu ngắn hơn một tý nữa, thì cả bộ mặt của Trái Đất sẽ thay đổi hẳn). Nghĩa là nếu cái mũi của Hoàng-hậu Cléopâtre thấp một tý nữa thì đẹp biết bao nhiêu, thì tất cả Vua Chúa trên Trái Đất sẽ tranh nhau mà mê bà, và thế nào cũng sẽ có sự ghen-tương và đánh nhau, thành cuộc chiến-tranh toàn-diện trên Thế-giới !

— Minh ơi, theo quan-niệm của Minh, thì thế nào là Sắc-Đẹp ? Người đàn-bà như thế nào mới gọi là đẹp ?

— Nói quan-niệm chung thì đúng hơn, quan-niệm tùy theo sự tiến-triển của Lịch-sử, tùy theo mỗi Thời-đại. Dĩ-nhiên, người đàn-bà thời xưa có những phương-pháp trau dồi sắc đẹp khác hơn người đàn-bà đời nay. Nhưng, xét qua Lịch-Sử thì cái khiêu-thâm mỹ của phụ-nữ thời Cléopâtre, hay xưa hơn nữa, 4, 5 nghìn năm trước Jésus Christ, vẫn không khác gì cái thâm-mỹ của thế-hệ Brigitte Bardot, của Liz Taylor.

Người phụ-nữ đẹp nhất trên

Trái Đất phải là cô Eva, người đàn-bà đầu-tiên, đẹp hoàn-toàn và tự-nhiên như lúc Chúa mới tạo ra, (theo Thánh-Kinh của Gia-tô-Giáo). Tóc buông xòa xuống dưới lưng, phất phơ với gió, thân-hình này-nở đều-đặn, với tất cả những đường cong tuyệt-mỹ, chỉ một lá nho che đậy một tý thôi. Đôi môi tươi thắm, đôi má hồng-hào, điệu-bộ eo-lả, nụ cười duyên-dáng, đôi mắt huyền-mơ, đây là tượng trưng Sắc-Đẹp diễm-tuyệt của người Đàn-bà Vĩnh-viễn.

Nhà Thơ Alfred de Musset ca-ngợi :

La Beauté sur la terre est la chose suprême.



Nữ-Thần Venus từ dưới bể hiện lên, đứng trên vỏ hến.

(Tranh của Họa-sĩ Ý, Botticelli, 1444-1510).

(Trên Trái-đất chỉ sắc-đẹp là tuyệt-vời hơn cả). Cho nên các nhà Điêu-khắc, Họa-sĩ, Thi-sĩ thời xưa đã tưởng-tượng ra một nàng Venus theo ảnh-tượng của Eva, làm vị Nữ-thần Sắc Đẹp và

Tinh-yêu, tượng-trưng cho sắc đẹp thiên-nhiên, cho Người-đẹp, muôn đời, muôn thuở.

Muôn nghìn năm sau, dù người Đàn-bà có thay hình đổi dạng, kín-đáo một phần nào, hoặc che đậy tất cả, sắc-đẹp vẫn nguyên-vẹn, vẫn mát-mẻ thơm-tho, như Eva lúc nguyên-thủy một mình với Chàng Adam còn bên-lên trong Thiên đường của Chúa.

— Mình ơi, đàn-bà đời xưa với đàn-bà đời nay thay hình đổi dạng như thế nào ? Mình nói cho em nghe cuộc tiến-triển của Sắc-Đẹp phụ-nữ trải qua Lịch-sử, Mình nhé !

— Sự thay-đổi không khác gì bao nhiêu. 3.500 năm trước J.C. người đàn bà sang trọng ở Hy-Lạp đã mặc áo bông vai, đã may áo có eo nơi hông, và bới tóc cao. So với phụ-nữ ngày nay, sự phô bày sắc đẹp không khác mấy. Có chăng là thời xưa cho rằng không cần che đậy bộ ngực. Cho nên Người đẹp ở Hy-Lạp và Ai-Cập thích đeo vú thiếp chứ không đeo «vú giả» như bây giờ. (Xem hình dưới đây : một

pho tượng xưa đã tìm được ở đảo Crète). 200 năm trước



J.C., phụ-nữ Roma (La-Mã) đã uốn tóc, uốn cao lên rồi phân. So với đầu tóc uốn của



phụ-nữ Việt-nam sau J.C. đến 1962 năm nào có khác gì ?

Thế-Kỷ XVIII phụ-nữ Âu-châu để tóc vun nhọn lên đến đôi thợ uốn tóc phải bắc thang đứng trên cao để sửa tóc mới được, thì ngày nay khỏi cần bắc thang mấy cô B.B. Việt-Nam cũng bới tóc vun lên cao ngồng, có «chạm tiền» tý nào đâu !



Bà Tú làm bộ chu hai cái môi ra bắt chước Brigitte Bardot :

— Mình nói vậy sao đúng ? Em đâu có bới tóc đồng rơm như Brigitte Bardot ?



— Nhưng tóc quăng của em đâu có khác gì của Cléopâtre ? Tất cả các lỗi trang-diêm của phụ-nữ ngày nay đều bắt chước phụ-nữ thời xưa không hơn không kém. Cái một sơn một màu xanh hay màu đen chung quanh cặp mắt, của mấy cô ca-si Sài-gòn, tưởng đâu là bắt chước El'sabeth Taylor ? Không ! Đàn-bà ở Egypte và ở Byzance đã làm cái việc đó từ xưa từ xưa kia lặn !

— Em xem hình của Farah Diba, cũng thấy bà Hoàng-hậu ấy đánh một quầng đen chung quanh đôi mắt, cho nên mắt



của bà ấy trông sáng hẳn lên, đẹp lắm chứ, Minh!

— Vâng, các bà cho thê là đẹp, nhưng bọn đàn - ông chúng tôi thì... xin lỗi, thầy mà... ghê hớn! Mỗi lần anh nhìn một cô ca-si hay « ca-ve », đánh thăm quáng đôi mắt, ban ngày cũng như ban đêm, anh lại nhớ hai câu thơ của Verlaine :

*Son âme d'enfant rayonnait à travers
La sensuelle ampleur de ses
yeux gris ou verts...*

★

Đôi mắt nàng lúc xanh lúc
xám,

*To rộng, đang thêm-thường...
Phận-chiêu một tâm-hồn rung
sấm*

Còn ngây-thơ như đứa trẻ con.

— Sao lại ngây - thơ, hả Minh?

— Thì đàn - bà cũng như con-nít, tất cả các mặt trang-diêm, làm dáng, làm đẹp, đều là trò chơi... Hơn nữa, toàn là những trò chơi trái với thiên-nhiên. Dồn thêm tóc để chắt lên đầu cho cao nghều, phết son lên môi cho đỏ loét, độn ngực cao-su cho bự-sự, (và, xin lỗi, độn cả phía sau nữa!) lầy than vẽ lông mi cho thật đậm, may áo cho thật eo để nổi hai bên hông ra, đây không phải là những trò chơi con-nít thì là gì? Và trái với thiên-nhiên nữa, vì Chúa sinh ra nàng Eva đầu có dạy cho những môn đó?

— Thê thì, theo Minh, thê nào mới là Sắc Đẹp?

— Phải nói thành-thật rằng tất cả những vẻ đẹp giả-tạo nếu quyền rũ được đàn ông, cũng chỉ quyền rũ được trong một thời-gian nào thôi. Rồi họ chán ngay. Cái gì giả-tạo cũng

làm cho chóng chán. Nếu họ không muốn tỏ sự chán ngấy ra, thì họ cũng ráng âm-thấm chịu-đựng, chứ họ không say-mê nữa. Sắc - đẹp chân-chính, vĩnh - viễn, Sắc - đẹp cảm-thông với tình-yêu bất-tận, là sắc đẹp tự nhiên và khỏe mạnh. Sắc đẹp không phải sửa đổi, không cần màu

có luôn luôn một thân hình tráng kiện, và tinh thần vui tươi hiền-hòa. Đây là quan-niệm Sắc Đẹp của em. Em ghét sắc đẹp giả tạo chỉ có loè-loẹt bề ngoài..

Bà Tú vừa nói vừa ngồi xuống trước bàn trang-diêm



mê, Sắc - đẹp thiên nhiên đầy nhựa sống thơm-tho lành mạnh cả thể-xác lẫn tinh-thần, sắc đẹp diệu-hiền và chân-thật, đây mới là Sắc - đẹp muôn đời muôn thuở. Em có đồng ý với anh không nào?

— Em cũng quan-niệm đúng y như Minh vậy. Cho nên em cũng tập thể-thao, em thích bơi lội, em thích

đánh một tý phần hồng lên trên má. Ông Tú bỗng cười rồ lên, cười ngã - nghiêng, làm chiếc võng lắc qua, lắc lại. Bà Tú cũng cười hỏi :

— Minh cười gì em đây?

— Anh thầy em đánh phần, anh cười!

— Minh chê - nhạo em hả?

— Không có, anh sức nhớ
bên câu thơ thâm-thúy :

*Je fais souvent ce rêve étrange
et pénétrant*

*D'une femme inconnue et que
j'aime et qui m'aime,*

*Et qui n'est chaque fois ni tout
à fait la même,*

*Ni tout à fait une autre et
m'aime et me comprend...*

Diễn cho hết ý, thì như sau
đây :

*Tôi thường năm thấy chiêm-
bao*

Giấc mơ kỳ-dị in sâu tâm hồn.

*Một người đẹp lạ đẹp lòng
Mà không quen biết, mà cùng
yêu say !*

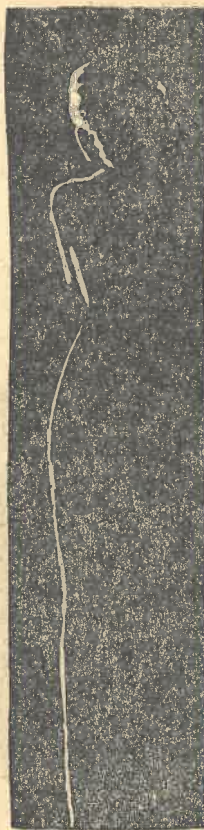
*Mỗi lần nàng đến, lạ thay,
Ngần-ngor tôi hỏi là ai, hay
nàng ?*

*Ngó nàng, chẳng phải thật
nàng,*

*Mà ai, cũng khó ngỡ-ngàng
là ai !*

*Yêu tôi, nàng vẫn yêu say
Trần-ai tri-kỷ, còn ai hơn nàng !*

— Nghĩa là thế nào hả
Mình ?



— Nghĩa là
người đàn-bà
thật là khó
hiểu.

Mỗi lúc họ
mỗi thay đổi
không phải
hoàn toàn là
họ nữa, mà
cũng không
phải hoàn
toàn là kẻ
khác. Nhưng
vẫn là họ, và
họ vẫn yêu
tôi, hiểu tôi
hơn ai hết...
Chỉ có tôi
không hiểu
được họ mà
thôi !...

« Tôi » đây
là nói tất cả
đàn-ông, « họ »
là tất cả đàn-
bà...

Bà Tú điểm - nhiên đánh
phần, bảo :

— Đàn-ông hiểu thế nào
được tụi em !

Diệu-Huyền

★ NGUYỄN-KHUÊ (Quảng-Nam)
(17-5-62)

*Hỡi chiếc Cầu kiều, mi có hay ?
Anh ta bị giết tại nơi này !
Vô tri sắt đá nhưng còn vết
Thảm hận nghìn thu khó nhạt-phai !*

*Mỗi chuyến tàu rung mấy nhịp cầu
Gọi hồn chiến sĩ ở nơi nao ?
Sông sâu sóng gợn, xuôi dòng chảy,
Cuồn cuộn mây trời, lớp lớp sầu !*

*Hồn Anh phản phất ở đâu đây...
Có thấu tình em uất-hận đây !
Ngấn lệ khăn cầm, thù quyết trả,
Nước non còn hẹn cuộc vãn-xoay !*

đêm trăng sầu

★ TRÚC-BẠCH (Bồng-Sơn)

*Em có nghe trăng rơi trên sông nước,
Rớt vào lòng đất lạnh của quê ta.
Trăng đêm nay có sao buồn sụt sướt !
Nhớ thương gì giòng lệ mãi tuông sa ?*

*Nhịp cầu đồ chênh-vênh năm lạnh lẽo
Nhuỵ ngậm ngùi tiếc-rẻ những ngày qua.
Buồn tro-trọt người đi về khác nẻo.
Biết bao giờ vang lại bóng thời xưa !*

*Giòng sông lại hững-hờ trôi xao-xác.
Giấy núi Bình lừng-thừng đứng trông theo.
Trong sương mờ con thuyền ai phiêu bạc
Đêm lạnh-lùng trăng nhả ánh hắt-heo.*

*Bên xóm Đông nhà ai đèn leo-lét
Cháy bập bùng trên ánh nước lao-xao
Nhuỵ oan hồn hiện về bay vất-vưởng
Đêm trăng sầu tê-tát mảnh hồn đau !*

Đời tôi rồi sẽ ra sao ?
Đò đưa không khách ai rào đường đi...
Tình tôi ? Nói đến làm gì,
Đi hoạt (mà) không lại, (thì) thôi thì từ đây...
Tôi xin giữ chặt kẻo bay
Hương lòng sót để chờ vay kiếm lại.
Nhưng bao giờ mới gặp người
Mượn tuy có một mà hồi hơn trăm ?

★

Ngoài kia, vực rỗ trắng rằm...



Xin từ-giã những văn thơ ủy-mị
Gieo đau thương vào kiếp sống gian-nan,
Làm hao mòn bao khí-phách hiên-ngang
Làm bại-hoại tinh-thần say chiến-đấu.
Không luyện-tiểu thú ngon cơm đẹp áo,
Cảnh hoan mê nơi tửu-điểm trà-dinh,
Khi non sông giặc đến xóa thanh-bình,
Đang cần những chàng trai cầm đao mác.
Xin từ-giã những tình duyên truy-lạc,
Bên những nàng diêm-dúa nét xa-hoa.
Môi kẻ môi ngây ngất ý đậm-dà;
Rồi quên bằng tình yêu thương Dân-tộc,
Tiếc làm chi nhạc mơn sầu nhiễm-độc,
Giọng điểm-tình mê đắm tuổi niên-hoa !
Thôi, hôm nay, ta xin nguyện cùng ta,
Từ-giã hết những mê-làm nghiệp chướng.
Từ-giã hết những mơ-hồ ảo-tưởng,
Chôn đời ta trong sóng loạn cuồng-mê !
Xin trả ai mộng-mảnh mấy lời thề,
Quyết chuyển hướng trở về cùng nhiệm-vụ.



★ ĐIỀN-SƠN

● VÒNG DÂY ĐỊNH-MỆNH...

Các bậc tiền nhân đã ví cuộc đời như bãi bể nương dâu, thật đúng vô cùng. Vì cái gì cao quý hôm nay có thể trở thành vô nghĩa ở ngày mai, và trái lại, kẻ tầm thường hiện giờ cũng có thể trở nên những bậc vĩ nhân đáng tôn kính ở mai kia...

Để chứng minh cho sự kiện trên, tôi hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc câu chuyện thật hứng thú và kỳ lạ đã xảy ra trong cuộc đời cô ANNE JEFFRIES, vợ trẻ đẹp của tên bồi bàn trong tửu quán PELICAN tại NEWBURY, ANH-QUỐC, cuộc đời giai nhân này đã biến đổi từ một người bị bán đấu giá thành một bà lớn, cai-trị một địa hạt rộng lớn và biến thành một nhân vật trọng đại trong lịch-sử.

Thuở ấy, sau một cuộc cãi lộn rầy-rà trong gia-đình, tên

bồi bàn, chồng nàng, đã giận dữ dùng giây gai cột cổ nàng và dẫn nàng ra chợ buôn bán người nô lệ vào buổi trưa, năm 1744.

Đứng trên bậc gỗ cao, nàng ANNE đã khóc tức tưởi vì hổ thẹn phải đeo trước ngực tấm bảng gỗ có viết chữ «BÁN». Trong khi ấy, chồng nàng đứng bên hồ to, mời mọc khách hàng



đến đấu giá «món hàng» này.

Trường hợp này xảy ra như cơm bữa tại Anh-quốc, vào thế kỷ thứ 18, người nô-lệ chẳng khác gì súc vật, hễ thích thì mua đến khi ghét thì bán hay giết chết. Buổi bán đấu giá trên, lời cuốn được rất nhiều khách hàng đến độ giá.

Một trong những người đứng quanh đấy, có ông HENRI BRUDGES 36 tuổi, là quận-trưởng các quận CHANDOS, SUDELEY, VISCOUNT WILTOR v.v... và cũng là chủ ông một gia tài kếch sù. Trưa hôm ấy, nhân lúc đi đến tiệm giải khát, thấy người ta chen chúc vây quanh một giai nhân, «nàng nô lệ», ông bèn dừng chân lại để xem.

Đợi mãi không thấy ai trả giá, ông quận trưởng BRUDGES bèn lên tiếng:

— Nè! 5 đồng mỹ-kim đó, bán không? (chừng 400\$ Việt Nam). Tên bồi bàn nghe hỏi liền nhìn chòng chọc vào ông quận và quát tháo ầm ĩ:

— Ô, cút đi, của đâu mà rẻ thế?

Nhưng sau cùng vì quá cảm mến sắc đẹp của ANNE, nên ông

quận đã phải mua với giá 8 đồng mỹ-kim.

Một hậu quả hết sức ngạc nhiên là sau khi đưa về nhà, ông đã ngỏ lời lấy nàng làm vợ vì ông đã góa vợ hơn 5 năm rồi. Thế rồi, vài hôm sau một lễ cưới được cử hành trọng thể giữa ông và nàng. ANNE trong ngày lễ giáng sinh năm 1744.

Sau đó, ông quận liền tậu một dinh thự đồ sộ nguy-nga để cùng nhau chung hưởng hạnh phúc với người đẹp.

Tiệc cưới được tiếp diễn trong 5 ngày, đông đủ các bậc vương tôn công-tử, bá tước, công hầu v.v... tên bồi bàn kia được gọi vào dinh thự để lo thiết tiệc, hẳn đã phải khóc thét lên trước nghịch cảnh này.

Người vợ của tên bồi bàn trước kia đã trở thành một giai nhân quyền thế và uy-tín nhất trong các bậc quý phái tại Anh quốc lúc bấy giờ.

Ông quận BRUDGES đã giao cho nàng ANNE cai quản quận CHANDOS trong 15 năm, nhờ tài đức, biết xử thế an-dân của nàng, nên quận này hoàn toàn được bình yên và ngày thêm

thịnh vượng, khiến cho dân chúng khó quên được nàng, bằng chứng là ngày nay tên tuổi nàng vẫn còn được lịch-sử ghi chép rành rẽ với những lời ca tụng quý giá.

● NGƯỜI HÀNH-KHÁT NGỒI MỘT CHỖ SUỐT ĐỜI.

Ông OKHMAN (1846) một người hành khất cơ cực, nhất tại LAHORE, THỒ-NHÌ-KỶ.

Chàng OKHMAN sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu, khi hãy còn măng sữa đã chịu cảnh bán thân bất toại, tuy nhiên cha mẹ chàng vẫn lo tần tảo cố nuôi con cho đến ngày khôn lớn, dầu biết rằng tương lai con mình rất đen tối, chỉ là phường túi áo giá cơm, sống thừa trong xã-hội, nhưng hoàn cảnh đã đảo hấn ý nghĩa của ông bà vì khi ông lên 5 tuổi, thì chẳng may gia đình song thân chàng sa sút ngặt ng.èo, bữa cháo bữa rau, và cũng vì cảnh sống gạo chậu cối quế cho nên song thân

chàng buộc lòng phải ngăn giòng tử lệ, đem bỏ chàng ở tầng cấp nơi đền Vua VAZIA. KHAN để ngày hai bữa sống cầu thực vào khách bộ-hành ngang đấy hay những khách viễn du đến ngoạn cảnh viếng đền.

Một hôm, nhân ngày quốc lễ, có đôi vợ chồng già quý phái người Anh đến viếng đền, thấy cậu bé OKHMAN mặt mũi khôi ngô, khẩu khinh, bèn có nhà ý đem cậu bé về làm con nuôi vì họ đã già mà không có con. Họ hứa sẽ chữa lành bệnh cậu bé và cho ăn học thành tài, nhưng



tuy tuổi còn non nớt mà cậu bé OKHMAN đã mạnh dạn trả lời rằng: « Thưa ông bà, cháu không muốn rời bỏ nơi này vì đây là nơi quê hương của cháu, hơn nữa cha mẹ cháu đang nghèo đói, lẽ nào cháu vui hưởng cảnh sung sướng cho đành!»

Thế rồi, dần muốn dần không cậu bé OKHMAN cũng phải làm quen với cuộc đời sương gió nào nề, theo thời gian trôi chảy, chàng OKHMAN vẫn kéo dài kiếp sống hành khất nơi bậc thềm đền, tuy bị người đời mai mỉa, đuổi xua, chàng vẫn thường cất tiếng hát nghêu-ngao nhìn đời bằng cặp mắt vô tư phó mặc thân mình cho cuộc đời đen bạc, cho số phận hẩm hiu, mặc cho sương gió phủ phàng, chàng vẫn xem nơi thềm ấy như một căn nhà riêng biệt của chàng vậy.

5 năm sau đó, (lúc chàng 10 tuổi) đôi vợ chồng già quý kia lại đến và cũng ngỡ lời đem cậu về nuôi như kỳ trước, nhưng cậu bé OKHMAN cũng vẫn từ chối cảnh giàu sang vương giả,

muốn sống cuộc đời cực khổ để thông cảm, chia xẻ cảnh sống nghèo hèn vất vả cùng cha mẹ.

Rồi theo luật đào thải thiên nhiên của tạo-hóa, song thân chàng OKHMAN lần lượt qua đời, ngay cả ngày tang lễ của song thân, chàng OKHMAN cũng không nhích được nửa bước thì làm sao có thể đi đưa quan tài người thân yêu vào lòng đất, an nghỉ giấc nghìn thu?

Chàng chỉ đưa mắt nhìn theo quan tài với cõi lòng tan nát đau thương, với đôi mắt đầy lệ chan hòa.

Ông OKHMAN kéo dài cuộc đời tang thương khổ sở ấy, khóc chẳng thành tiếng trong 62 năm; ông qua đời vào năm 67 tuổi (1913) tuy nhiên, câu chuyện cuộc đời ông đã được các nhà sưu tầm chép lại theo lời truyền khẩu của dân chúng ở LAHORE, vì sau khi ông OKHMAN qua đời, họ mới nhận thấy rằng chính ông là một người con có hiểu, một người dân hết lòng ái mộ chốn quê hương đất tổ.

● NGUỒN GỐC CHIẾC NĨA.

Tôi đã có dịp giới thiệu cùng bạn đọc Phồ-Thông Hoàng-Đế RICHARD đệ II ở Anh-Quốc, là người đã có sáng kiến bày ra khăn tay, nay tôi lại kể đến câu chuyện về nguồn gốc chiếc nĩa, tuy là những vật dụng tầm thường, ta dùng hằng ngày nhưng đã mấy ai chịu tìm hiểu tường tận nguồn gốc để biết rõ ai là cha đẻ? Cũng may là những nhà sưu tầm xưa còn chép lại nên ngày nay ta có thể biết được những mẩu chuyện lạ lùng trên.



Ngày xưa, sau những buổi ăn, hoàng đế HENRI đệ III của Pháp Quốc (1551-1589) rất bức mình gãi gông vì thức ăn tung tóe dính đầy trên cổ áo (cổ áo thời bấy giờ, xem hình) vì nhà vua cũng như mọi người đều dùng tay để xé thịt hay bốc thức ăn.

Cũng vì sự kiện trên, khiến nhà vua không ngớt suy nghĩ tìm biện pháp thích ứng để ngăn ngừa sự khổ tâm xảy ra hằng ngày. Sau một thời gian suy tính, nhà vua cho đòi người đầu bếp vào và phát họa sơ hình dáng chiếc nĩa, buộc hẳn truyền lại cho thợ thiếc phải tức tốc thực hiện ngay.

Thế rồi, vài ngày sau, một số nĩa được ra đời, tuy lúc ấy còn thô sơ cộc-kệch nhưng cũng làm cho vua HENRI vừa lòng lắm. Ngài liền thiết đãi một bữa tiệc, cho vời tất cả các quan văn võ đến dự đông đảo, trong bữa tiệc nhà vua có nêu lên sự ích lợi của nĩa, và sau khi ăn xong nhà vua đích thân biểu cho mỗi vị quan một chiếc để tiện dùng trong các bữa ăn.

Không riêng gì vua hớn hở mà tất cả các quan đều hân hoan,

thỏa mãn vì áo quần họ từ nay sẽ không bị thức ăn tung tóe làm lem luốc như trước nữa.

Sau đó, khắp nước Pháp đều bắt chước làm và sử dụng nữa. Tuy đơn sơ nhưng nĩa đã giúp ích rất nhiều cho người đời.

Cho nên ta có thể nói rằng Hoàng đế HENRI đệ III là người phát minh ra chiếc nĩa vậy.

● NGÂN HÀNG... DA

Chúng ta đều biết rằng hiện nay trên thế-giới, ngoài ngân hàng tiền tệ ra còn có ngân hàng máu, ngân hàng mắt, răng, để cứu chữa những kẻ chột mắt, gãy răng, để tiếp máu cho các bệnh nhân sau khi giải-phẫu.

Nhưng vừa rồi, các nhà Bác-học, bác-sĩ Tây-phương nêu ra dự án thành lập ngân hàng da nữa. Dự án này có rất nhiều

người tán thành nên hy-vọng được sớm thực hiện.

Một bác-sĩ người Anh tiết-lộ cho biết ông ta đã tích trữ trong phòng thí-nghiệm nhiều mảnh da người đủ loại, mặc dầu đã hơn bốn năm qua mà các mảnh da này vẫn hoàn toàn tươi tốt nhờ được ngâm trong một cái bể chứa dung-dịch hóa-học, và ở nhiệt-độ rất thấp.

Những mảnh da này có thể tươi tốt trong thời gian là năm năm hay là hơn 1500 ngày.

Ngân hàng da tương-lai này sẽ đem điếm phúc đến cho những nạn-nhân bị phỏng nặng. Người ta sẽ áp-dụng phương-pháp ghép da để các nạn nhân kia được nhìn đời bằng cặp mắt vui tươi khỏi đau khổ khi biết dung nhan mình chẳng khác gì con quỷ... Dạ-xoa.



POLYVIT C_α
TÉVÉTÉ

DÀN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YÊU. Ề-O-T, CHẴM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU. XƯƠNG. PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ ẦU-DƯỢC

Chuyện Quê

Mại đô !... Gái điếm

Có một ông Mỹ
Đi kiếm gái đi
Ở vùng ngoại-ô.

Đem đủ khuya-lắc,
Đường phố vắng-ngắt,
Gặp đũa ma-cô.

Hắn biết người đẹp
Trong căn nhà hẹp
Mại-dô ! Mại-dô !

Ông Mỹ khoái chí,
Vô buồng hú-hí
You lov'... I lov'.. ! (1)

Nhưng đang âu-yếm
Bỗng cô gái điếm
La hét bỏ-bỏ !

Tức thì một bọn,
Cầm một vật nhọn,
Tông cửa ập vô !

Chúng dăm ông Mỹ
Ông kêu ầm ĩ :
« Hello ! Hello ! »

Mấy thầy cảnh-sát
Chạy đến quan-sát,
Bắt hết cả tốp !

Bắt luôn cô ả,
Bắt bọn đồng-lôa,
Bắt đũa ma-cô !

Còn ông khách quý,
Mất tiền, mất ví,
Chờ về Thủ-đô !..

(1) You love : anh yêu
I love : em yêu

★ Diêu-Huyền

Ánh Bao' mới

★ **Con ngỗng vàng.** Truyện ngắn, loại Năng-mới, cuốn 1, của Sammy Đệ — 16 trang. Không đề giá bán.

★ **Thơ Trắng** của TÙNG-LINH

Những vần thơ trong-trắng và nhẹ nhàng của tuổi trẻ :

Nao nao, đêm trắng ngốt chong bút

Rừng rức sâu lên cao vút trôi,

Thấy những xôn-xao và tức-tức!

Bến lòng vun măt sóng lên thoi

Đôi lời tâm-sự ngâm thơ, khả ái :

Dù cho trăm cách nghìn xa nữa,

Ta vẫn yêu nhau đến trọn đời,

24 bài. 50 trang. Giá 30\$. Tác-giả xuất bản.

★ **Buổi chiều Lá Rụng.** Tiểu thuyết của NGỌC-LINH tác-giả « *Đôi mắt người xưa* ». Truyện hấp-dẫn, văn giản-dị. Chúng tôi sẽ có bài phê-bình sau.

Nhà xuất bản Phù-sa. Dày 330 trang. Giá 54\$

★ **Di-tượng 30 vị Anh-hùng Lịch-sử Việt-nam Cận-đại** của Họa-sĩ NGÂN-HÀ.

Một bức tranh lớn bằng khuôn-khổ hai trang báo hằng ngày, in hình 30 vị anh-hùng nước ta, dưới thời đô-hộ Pháp.

Tranh in 6 màu, rất đẹp — giá 28\$.

● **Tinh Hoa,** Tạp-chí Thiếu-nhi, Đặc-biệt, số 8.

Quản-nhiệm : Nguyễn-thạch-Kiên. Giám-đốc Kỹ-thuật : Lê-Bá-Kông. Thư ký tòa soạn : Văn-Ngoạn. Tòa báo 80/8 Đường Bà Huyện Thanh-Quan, Saigon. Một tập văn bổ-ích cho sự học-hỏi các em Thiếu-nhi. 50 trang, giá 5\$.



Truyện dài tình-cảm thời-đại ★ **NGUYỄN-VY**

(Tiếp theo P.T. số 85)

Ánh ngạc-nhiên hỏi :

— Anh Hoàng cũng biết ông Giáo Ngọc-Minh sao ?

— Trước kia tôi chỉ nghe tiếng ông, như nhiều người khác. Trong thời-kỳ tôi ở Bệnh-viện Mỹ-tho, Toàn cũng đã nói nhiều về ông cho tôi nghe vì ông Giáo Ngọc Minh chính là ân-nhân của Toàn. Nhưng tôi chưa được vinh-hạnh gặp ông lần nào. Nhân dịp hôn-lễ của chúng tôi, mà chúng tôi được vinh-dự ông nhận làm chủ-tọa, tôi mới được Toàn giới-thiệu và được ông niềm-nở tiếp-chuyện, dạy-bảo, khuyến-khích, hứa-hẹn giúp đỡ về mọi phương-diện trong các công-

tác cứu-trợ Bệnh-tật Nghèo-hèn mà chúng tôi định cố-gắng thực-hành. Tôi vui mừng thấy Toàn rất sốt-sắng noi theo gương ông Ngọc Minh mà phụng-sự Lý-tưởng nhân đạo... Anh có biết Toàn không nhỉ ?

— Không. Em chưa được hân hạnh biết Toàn. Em cũng không nghe ông Ngọc-Minh nói đến Toàn bao giờ cả.

— Anh có muốn tôi giới-thiệu Toàn cho Anh không ?

— Muốn lắm chứ. Em sẽ vui sướng được làm bạn với Toàn.

— Toàn sẽ nói về ông Giáo-sư Ngọc-Minh cho Anh nghe...*...*

mà... có lẽ Ánh đã biết ông Ngọc Minh rồi chứ?... Nếu không thì tại sao ông Ngọc-Minh lại vào Chợ lớn đón tôi ra đây để gặp Ánh? Tôi vẫn chưa hiểu những trường-hợp khiến tôi gặp được Ánh tại đây hôm nay...

— Câu chuyện của em dài lắm, anh Hoàng ạ. Em được biết ông Ngọc-Minh trong những trường-hợp đặc-biệt lạ-lùng... Để rồi hôm nào rảnh em sẽ kể lại cho anh và Toàn nghe.

— Hện nay Ánh làm gì?

Ánh nói đùa:

— Hiện nay?... Như Hoàng đã biết, hiện nay Ánh đang làm... một bệnh-nhân nằm tại đường một Bác-sĩ!

— Hoàng muốn hỏi bây giờ Ánh làm việc gì, ở đâu?

— Ánh làm thư-ký nhà-in từ bốn năm nay.

— Tôi hỏi có hơi tò-mò..., xin Ánh tha lỗi... Vì xa-cách lâu ngày, nay gặp lại vui mừng, nên muốn hỏi cho biết... Đời sống của Ánh hiện nay có khá không?

— Khá hơn trước.

Hoàng trầm-ngâm một lúc, hỏi tiếp:

— Xin lỗi Ánh... Ánh đã lập gia-thất chưa?

Ánh mỉm cười, chỉ đáp:

— Chưa.

— Tại sao Ánh vào bệnh-viện?

— Tại Hoàng đấy!

— Sao lại tại Hoàng?

— Hoàng đoán hiểu chứ! Nếu đêm qua Ánh không trông thấy trên sân-khẩu Hoàng mù-lòa và hát bài « *Nhớ bóng người xưa* » thì đâu đến nỗi Ánh bị...

— Xin Ánh tha lỗi, đêm qua thật Hoàng không ngờ có Ánh trong phòng thánh-giả.

— Vâng, Ánh cũng đâu có ngờ trên sân-khẩu có Hoàng!

Hai người im-lặng. Một lúc, Hoàng bảo:

— Nếu Hoàng biết có Ánh trong đêm dạ-hội, Hoàng sẽ không có can-đảm hát bài « *Nhớ bóng người xưa* »...

— Người thiếu-nữ dúi-dắt Hoàng ra sân-khẩu, là ai đấy? có phải...

— Toàn đấy.

Ánh suy-ngĩ gì một lúc rồi tự nhiên gục đầu xuống gối khóc nức nở. Ánh khóc thật lâu, và chỉ khóc thôi, không nói gì cả. Hoàng

cũng ngồi im-lặng.

Có tiếng gõ cửa. Ánh vẫn khóc... Tiếng gõ cửa lần thứ hai...

Hoàng khẽ bảo:

— Ánh ạ, chúng ta nói chuyện đã lâu... Có lẽ bây giờ đã 2 hay 3 giờ rồi..., Ông giáo-sư Ngọc-Minh trở lại đây chẳng? Hoàng ra mở cửa nhé?

— Vâng.

Ánh trả lời nhưng vẫn nằm khóc thút-thít không ngừng đầu dậy.

Hoàng đứng dậy mò-mẫm từng bước ra đến cửa... sờ-soạn cánh cửa... tìm chỗ ổ khóa... Cửa không khóa chỉ khép kín. Hoàng mở cửa nhưng không nghe tiếng ai.

Hoàng lên tiếng hỏi:

— Thưa có phải Giáo-sư không ạ?

Không có tiếng trả lời. Người gõ cửa đã đi. Hoàng lại ngồi ghế. 15 phút sau, ông Ngọc-Minh trở lại, cánh cửa đã mở sẵn, ông vẫn gõ 3 tiếng.

Hoàng đứng dậy, hỏi:

— Thưa, có phải Giáo-sư không ạ?

— Vâng, tôi đây... Tôi vào được chứ?

— Dạ, xin mời Giáo-sư vào. Ngọc-Minh bắt tay Hoàng. Hoàng bảo:

— Thưa Giáo-sư, em ở đây đã lâu rồi, em xin phép Giáo-sư, em về Chợ-lớn.

— Vâng, để tôi đưa anh về.

Ông tiến đến gần giường, nói dịu-dàng:

— Ánh đau ốm, cứ khóc thế biết chừng nào lành bệnh?... Thôi, Ánh đừng khóc nữa... Năm-mới phải vui-vẻ lên chứ!... Tôi đưa anh Hoàng về Chợ-lớn nhé?

Ánh ngồi dậy, lau nước mắt:

— Dạ... Tội em làm phiền ông quá...

Ngọc-Minh luôn luôn vui tươi, nhã-nhận:

— Ồ, có gì phiền đâu.

Hoàng quay lại Ánh:

— Chào Ánh.

Ánh đáp:

— Chào anh, và cảm ơn anh đã đến.

Ánh ngồi trên giường bệnh, nhìn theo ông Ngọc-Minh, một bàn tay thân-thiện đặt trên vai Hoàng, thông-thả cùng Hoàng bước ra khỏi phòng.

MỒ HÔI NƯỚC MẮT

Không có phút nào Ánh cảm-động hơn phút này. Cảm-động vì cử-chỉ rất tự-nhiên và rất thân-ái của ông Ngọc-Minh. Một cử-chỉ lịch-sự, tốt đẹp quá, tao-nhã quá.

Ngọc-Minh và Hoàng đã ra đến sân, mà Ánh còn nhìn theo, đôi mắt chìm trong suy-tư, hai giong lệ âm thầm tuôn ra trên má...

✱

Ngọc-Minh không hỏi Hoàng một câu nào về cuộc gặp-gỡ giữa Hoàng và Ánh. Ông chỉ khen Hoàng về những hoạt-động của trường Mù, và ông bàn tính với Hoàng một chương-trình phát-triển mạnh-mẽ để quy tụ tất cả những người mù có khả-năng trí-thức và thủ-công-nghệ để xây-dựng một tương-lai sáng-lạng cho đồng-bào Mù Việt-Nam. Ông hứa Tết xong sẽ đến thăm ông Hiệu-trưởng...

Lúc xuống xe, Hoàng còn bịn-rịn, nắm lấy bàn tay ông Ngọc-Minh, không muốn rời-ra. Hoàng aghen-ngào, chỉ làm-bầm mấy câu:

— Ông tốt quá... Em cầu-

nguyện Phật trời phù hộ cho ông được luôn luôn khỏe-mạnh, để ông làm những việc phước đức cho Quốc-gia, xã-hội.

Trở về bệnh-viện của Bác-sĩ Toại, ông Ngọc-Minh đi ngay vào phòng Ánh.

Ông mỉm cười hỏi:

— Ánh hết khóc rồi chứ?... À, Ánh ngoan lắm! I ôi có quà tặng thưởng Ánh đây...

Ông mở chiếc giỏ ny-lông mà lúc trở lại ông có đem đến để trên chiếc bàn nơi cửa sổ. Ông ngồi ghế fauteuille lấy ra 3 trái pôm và một kí nho. Ông lấy dao gọt hai trái pôm để trên vào đĩa, vừa làm những việc lật vật ấy vừa kể lại cho Ánh nghe những chuyện lý-thú của ngày Xuân mà ông vừa chứng-kiến ngoài các đường phố Sài-gòn. Ông mời Ánh ăn pôm, ăn nho...

6 giờ chiều, Ánh thấy trong người đã khỏe, xin về nhà. Hai vợ chồng Bác-sĩ Toại vui đùa tiễn Ánh ra xe ông Ngọc-Minh.

(còn nữa)



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KEO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THẺ XÁC và TRÍ-OC,
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯỞU AU-ĐỨC.

LỖI-NGƯỢC

hay là :

LỖI-NGƯỢC

Kỳ tới P. T. số 87, sẽ chấm-dứt

MỒ-HÔI NƯỚC-MẮT

Khởi từ số 88, Phê-Thông **ĐẶC-BIỆT TRUNG-THU,**

SẼ ĐĂNG :

LỖI-NGƯỢC

hay là :

LỖI-NGƯỢC

MỘT BỘ TRUYỆN TRÀO-PHÚNG XÃ-HỘI

diễn-tả tất cả **MẶT TRÁI** của Xã-hội Phong-kiến, những **ĐIÊN-ĐẢO** của lòng người, những **NGỊCH-CẢNH** của một thời-đại. Viết với lối văn hài-hước, đọc thật tức cười, khác hẳn lối văn của **Mồ-Hôi Nước Mắt**

✱ *Nguyễn - Vỹ*

LỖI-NGƯỢC

hay là :

LỖI-NGƯỢC



PHỔ THÔNG VÒNG QUANH THẾ-GIỚI

★ XUÂN - ANH

ANH QUỐC.— QUỶ CÁI

Con quỷ cái này là một bà Giáo-viên gương mẫu tên là Sonia Wilson 37 tuổi, dạy tại một trường ở quận Ikeston trong hạt Derbyshire, ở phía Bắc Luân-đôn.

Trong lúc bà ta đang ngồi chơi ở nhà một bà bạn cũng là một danh-gia trong hạt thì nhà chức-trách đến bắt và đem giam. Cả hạt đều sững sốt, nhưng sự thật đã làm cho mọi người ghê tởm.

Bà giáo gương mẫu này đã giết 7 đứa trẻ sơ sinh và dấu xác chúng trong một cái rương gỗ ở một phòng kín trong nhà. Đứa thứ 8 bị giết đã được đem chôn dưới một bụi cây trong vườn.

Sau khi hỏi cung, bà ta đã nhận tất cả tội lỗi. Tám đứa trẻ sơ sinh ấy là kết quả của mối tình vụng trộm giữa bà với một chàng kỹ-sư trong hạt.

Suốt 17 năm, bà ta không bao giờ dám thú nhận mối tình chùng lén ấy với mẹ hay di cùng ở chung một nhà. Không bao giờ mấy bà biết bà này có thai và cũng không bao giờ có một ai vào cái phòng kín bao giờ.

Trong xã-hội, bà ta là một nhà mô phạm gương

PHỔ THÔNG VÒNG QUANH THẾ-GIỚI

mẫu, đời sống rất bình thản và mực thước, bà ta giao du trong giới thượng lưu, được mọi người kính nể, nhưng ai có ngờ đâu chính thị là... « một con quỷ cái » vô cùng ác độc.

Sách có chữ : « Tôi độc phụ nhân tâm », thật cũng có như trường hợp này, nhưng cũng oan cho một số rất đông những bà tiết hạnh, luôn luôn hy sinh cho gia đình, thất lưng buộc bụng nuôi chồng nuôi con.

● XE HƠI BAY

Loại xe hơi này đi trên một « nệm không khí » do một cánh quạt tròn quạt xuống đất, nhắc cái xe lên khỏi mặt đất 3 tấc, và có thể đi lướt trên mặt nước. Người ngồi trên xe có cảm tưởng là vừa đi máy bay và cũng vừa đi thuyền.

Người Anh sắp sản xuất ra loại xe này rất nhiều để chở hành khách như xe « ô-tô-buýt » vì nó có thể đi trên đường và băng qua sông không cần cầu nữa.

Như vậy là những nhịp cầu thơ mộng không còn nghĩa lý gì nữa để cho các cô lãng-mạn than thở :

« Qua cầu than thở với cầu Cầu bao nhiêu nhịp dạ em sầu bấy nhiêu ».

Ý.— HỒN MÊ... TẬP-THỂ

Bà mẹ con một gia đình nọ, trông thấy ở trên trời vào khoảng 1 giờ sáng, một vật lạ bay trên trời mà họ cho là 1 đĩa bay. Đĩa bay lại tiết ra một ánh sáng xanh lè làm cho cả vùng này khí hậu trở nên lạnh buốt.

Vào khoảng 3 giờ sáng, 3 mẹ con đi ngủ thì cô con gái bỗng vùng dậy la bãi hãi nói rằng : cô thấy 1 vật rất lớn xanh lè tiến tới giường cô và đưa tay ra phía cô. Một làn khí lạnh xăm nhập thân hình cô. Bà mẹ bất tỉnh vì quá sợ và khi người con trai lớn chạy tới thì vật ấy rời khỏi gian phòng, đi mất.

Sáng lại, bà đã thuật câu chuyện quái dị ấy cho dân làng thì ai này cũng nói rằng hôm qua từ lúc 1 giờ sáng, khí trời đã trở nên lạnh buốt thật.

Những nhà khoa-học Ý cho rằng đây chẳng qua là một sự « Hồn mê tập thể » mà thôi.

Thật vậy, dân quê Ý

cũng dị đoan không kém gì dân quê của các nước khác, trong đó có đồng bào thôn quê của chúng ta. Và cái kiểu « Hôn mê tập thể » ấy chẳng khác gì trường hợp của những người đi đêm, qua một vùng hẻo lánh hay một bãi tha ma, nếu có một người trong bọn thấy nửa tỏ nửa mờ một vật gì trắng-trắng ở đâu đó và la lên : Ma ! Ma ! thì mọi người cũng đều rợn tóc gáy, cũng la lên Ma ! ma ! rồi ù té chạy như tuồng con Ma đuổi theo mình thật.

Đây cũng chỉ là một trạng thái « ảo tưởng tập thể » (hallucination collective) như trường hợp bên Ý đó thôi.

PHÁP.— TÀU LẶN NGUYÊN TỬ

Hải quân Pháp đang đóng một chiếc tàu lặn chạy bằng nguyên-tử-năng và sẽ hạ thủy vào năm 1969.

Đây là chiếc tàu lặn đầu tiên của Pháp.

Ôi ! biết bao giờ mới hết cuộc thi đua sản xuất vũ-khí giết người nhĩ ? Ai cũng tưởng rằng phải cần thật mạnh, phải có thật nhiều vũ khí tôi tân thì sẽ thắng, nhưng

sự thật, không có gì mạnh cho bằng khí giới « nhân tâm », một thứ khí giới vô hình nhưng sức vạn năng không đánh mà cũng thắng.

● MỘT BỘ ÓC TÍNH BẰNG ĐIỆN TỬ

Quý Tiết-kiệm Pháp mới đặt một bộ óc tính tôi tân chạy bằng điện tử năng có thể điều hành, từ trung tâm thủ đô nước Pháp, tất cả công việc tính toán sổ sách cho các cơ quan của Quý Tiết kiệm, số tiền lên đến 12 triệu quan mỗi ngày với tốc độ 5000 cái toán cộng, mỗi toán 5 số trong một giây.

Thật khoa học điện tử ngày nay đã vượt quá mức tưởng tượng.

Rồi, đây nhân công sẽ thất nghiệp hàng triệu cũng vì những « bộ óc điện tử » !

MỸ.— * MÁY THU THANH NHỎ BẰNG MIẾNG ĐƯỜNG

Ai cũng biết loại đường tây bỏ vào hộp, không phải đường rời, mà đóng thành

từng miếng nhỏ nhỏ bề dài chừng 2 phân, bề dày 1 phân. Với cỡ đó, hãng R. C. A (Radio Corporation of America) một hãng danh tiếng của Mỹ về các loại máy điện tử đã chế tạo ra một cái máy thu thanh có thể đeo ở cườm tay và nghe rất rõ ràng.

Nhìn lại mấy cái máy thu-thanh thời xưa to bằng cái tủ nhỏ mới biết khoa-học điện tử của thời nay tiến đến mức nào. Rồi đây, với óc phát minh của các nhà bác học, không biết còn đi đến đâu nữa.

● « BÍCH-CÚP » BỎ TÚI

Song song với cái « radio » bằng miếng đường ấy, hãng Emerson sản xuất ra một loại « bích-cúp » (pick-up) bỏ túi, có thể chạy những đĩa hát mà không cần mâm đựng đĩa như loại « quay đĩa » (Fourne disque) thường.

Máy này chạy bằng « bin » (pile), có 2 tốc-độ và có thể hát những bản nhạc rất dài.

● MÁY ĐIỆN TỬ KHÁM BỆNH

Cũng thuộc về loại máy điện-tử tí-hon, máy này là một máy

khám bệnh rất thần hiệu. Người bệnh nuốt máy này vào bụng và máy sẽ báo cáo đầy đủ về hoạt động của bao tử, cũng như tìm ra những lý do của những chứng bệnh một cách rõ ràng như người bệnh đã nuốt một... bác-sĩ vào bụng mình vậy.

● NHẬT ĐỒ ĐÁY BIỂN

Cái máy này tài tình vô cùng. Nó có thể gọi là một con thủy quái thấy rõ mọi vật dưới đáy biển và có thể lấy lên cái gì mình muốn. Con mắt của nó sáng ngời gồm bằng 4 ngọn đèn 500 nê-n (watts) và một cái máy vô tuyến truyền hình có thể báo lên cho người ở trên mặt nước tất cả cái gì nó thấy dưới đáy bể. Hai tay nó là 2 cái càn của bằng sắt không lồ có thể điều khiển từ trên mặt nước. Nếu ta tìm vật gì thì cứ rả nó dưới đáy bể và khi nó nhìn thấy và truyền hình lên, tức thì ta điều khiển 2 càn của không lồ ấy để kẹp chặt vật ấy đem lên khỏi mặt nước.

Máy này do hãng Vitro sáng chế và đặt tên là Solaris.



★ Hội Sinh-viên Việt-nam tại Nhật - Bản

(Vietnamese Student's Association in Japan. — Tokyo.)

... Chúng tôi hân-hạnh báo tin đề Ông rõ, sau buổi đại-hội của sinh-viên Việt-nam tổ-chức tại Hội-quán Sinh-viên Quốc-tế Tokyo, hội sinh-viên Việt-nam tại Nhật-bản đã được chính-thức thành-lập với thành-phần Ban chấp-hành như sau, cho nhiệm-kỳ tháng 6-12 năm 1962 :

- | | | |
|------------------------------------|-----------|-----------------|
| — Hội-trưởng | | Lê-Văn-Tâm |
| — Tổng Thư-ký | | Vũ-Tất-Thắng |
| — Trưởng ban Tài-chánh | | Huỳnh-Mùi |
| — Trưởng ban Văn-hóa | | Trần-Đình-Tường |
| — Trưởng ban Xã-hội và
Thề-thao | | Võ-Văn-Nhuận |

Và thành-phần Ban Bảo-vệ Nội-quy như sau :

- Nông-Văn-Bé
- Trần kiêm Khiết
- Đặng Lưỡng-Mô

Mục-dích của Hội chúng tôi là thắt chặt tình thân-hữu, trao-đổi kiến-thức và kinh-nghệm giữa sinh-viên Việt-Nam, và gây tình giao-hảo với các đoàn-thể sinh-viên Nhật-bản và các nước bạn.

Chúng tôi kính xin Ông cho đăng lên quý báo việc thành-lập hội của chúng tôi.

Hiện nay chúng tôi đang thành-lập thư-viện của sinh-viên du-học tại Nhật. Nếu được, kính xin Ông gửi tạp chí Phồ-Thông mỗi kỳ cho Hội chúng tôi để sinh-viên bên này có phương-tiện theo dõi tin-tức và sự phát-triển văn-hóa nước nhà qua quý Tạp chí.

Chúng tôi xin thành-thật cảm-ơn Ông và kính chúc tạp chí Phồ-Thông mạnh tiến.

Kính thư,
LÊ - VĂN - TÂM
Hội - Trưởng

● **Lời Tòa-soạn.**— Phồ-Thông tạp-chí xin thân-ái gửi lời chào mừng Hội Sinh-viên Việt-nam tại Nhật-bản, và cầu chúc toàn thể Quý Bạn thành-công rực-rỡ trong nhiệm-vụ làm sáng tỏ tinh-thần đoàn-kết tốt đẹp của Sinh-viên Việt-nam ở Hải-ngoại, đối với sinh viên Quốc-tế.

★ **Bồng em cho chị... xuống sông chèo đò..**

(của Ô. Tồn, 12-B Đồng-khánh, Đà-nẵng)

... Nhân đọc câu chuyện « Tuấn thi Ri-me » trong « Tuấn, chàng trai nước Việt » và câu nhắc một « *Trăm quan tiền sáu cô* : « *San Francisco* » của quý báo, làm tôi sực nhớ đến câu chuyện sau đây mà tôi thiết tưởng có phần bổ ích cho sự luyện trí nhớ của học-sinh, vậy xin góp chuyện cho vui :

Vào khoảng năm 1931-32, cũng như « Tuấn-Em », tôi cũng đã trải qua kỳ thi « Ri-me » năm ấy. Hồi đó, muốn chắc ăn « Văn đáp » (oral) thí-sinh phải học thuộc lòng các môn Sử-ký và Địa-dư, nhứt là Địa-dư phải nhớ tất cả những tên các thành-phố lớn trên Thế-giới. Thời đó Pháp còn giữ ở Ấn-độ năm thành-phố thuộc địa, mà tên gọi rất là hắc-búa và rất khó nhớ : Yanaon, Mahé, Karikal, Pondichéry, và Chandernago. Mặc dầu đã ôn đi ôn lại mà đến khi hỏi đến, thì không khi nào nhớ đủ năm tên, hoặc không quên tên này thì cũng sót tên kia !

Một hôm, có người bạn cùng lớp sang chơi, bày cho tôi một phương-pháp rất dễ để nhớ 5 tên thành-phố kia là Việt-nam-hóa, 5 địa-danh ấy thành ra như sau này :

« *Dạ thưa ông* : Yanaon ; *má* về : Mahé ; *con hời con* : Karikal ; *bồng em cho chị* : Pondichéry ; *xuống sông chèo đò* : Chandernagor.

Và mãi đến bây giờ sau gần ba chục năm, mỗi khi đọc câu thần-chú ấy, là tên năm thành-phố hắc-búa của Ấn-độ lại hiện ra trong trí nhớ không bao giờ quên sót được nữa.

Ấu cũng là một phương-pháp luyện trí nhớ rất giản-dị và mau nhiệm thay...

★ **Salomon, con của David**

(của em Joseph Nguyễn-văn-Lê, cù-lao, Nha-trang)

...Em có một điều hết sức phân-vấn mong chị vui lòng chỉ giáo cho. Em thấy chị trả lời câu hỏi của bạn Trương-Minh Đà-Nẵng P.T số 84, chị bảo rằng : vua *Salomon là cha vua Đa-vít*, thế mà, đọc trong Thánh kinh Cựu ước của Thiên chúa giáo, chép rằng Vua *Salomon là con vua Đa-vít* chứ không phải là cha, và kể ngôi cha, năm lên 11 tuổi. Vì thế nên không biết chị giải đáp sai, hay tại nha in sắp lộn ? Mong chị xem lại, nếu Thánh-kinh không sai thì xin chị đính chánh lại để em khỏi lăm lăm về sau...

● **ĐÁP.**— *Salomon* là con của David đúng như trong Thánh-kinh, và cũng theo trong Thánh-kinh, Hoàng-hậu Saba sang Jérusalem thăm Salomon rồi về xứ ngay... Bạn đọc lại số P.T. 84 ấy, trang 119, nói rõ như sau đây :

« Nhưng theo các truyền-ký khác của người Abyssins thì Hoàng-hậu Saba ở lại Jérusalem dự tiệc và say mê vua. Đến khi về xứ thì Hoàng-Hậu đã có thai, sau sinh được một Hoàng-Nam mà bà gởi sang Jérusalem để Salomon nuôi. *Lớn lên, đứa con lấy tên Do-thái là David*, trở về xứ...v.v... »

Như thế, nghĩa là, theo truyền ký của người Abyssins (chứ không phải theo Thánh-Kinh) Saba có con với Salomon và lấy tên của vua David mà đặt cho con. Em đọc kỹ lại đoạn ấy trong P.T. số 84 thì không thể lăm-lăm được.

★ **Xin vào Đệ Tam không được**

(của cậu Lưu thành Nghiệp, Gò-công)

Thưa Ông chúng tôi là một nhóm cựu học-sinh trường Trung-học Bán-công Gò-Công. Kỳ Thi Trung-học vừa rồi, chúng tôi đã đỗ và hạng Bình Thứ. Theo tôi thấy thì các năm rồi Trường Trung-học Công lập Gò-Công đều nhận tất cả học sinh đậu Bình Thứ, ở các trường tư vào lớp Đệ Tam mà khỏi phải thi-tuyển. Không biết sao năm nay chúng tôi không được tốt phước, làm đơn xin vào Đệ tam mà không được, chúng tôi buồn quá không biết tại sao ? Chúng tôi thấy thông cáo của nhà trường (T.H. Gò-công) thì đề « không nhận học sinh vào, vì học sinh của bốn trường đã đủ ở các lớp Đệ-Tam ». Xin thú thật với Ông, chúng tôi là những học sinh nghèo, nếu không được vào trường công chắc đành phải dở-dang việc học ! Nên chúng tôi

biên thư này gửi lên nhờ ông giải-thích giùm những điều chúng tôi thắc-mắc ở trên...

● **Lời tòa soạn.**— Chúng tôi hy-vọng ông Hiệu-trưởng T.H. Gò-công rộng-lượng mở thêm lớp Đệ-Tam để các em vừa thi đậu Đ.N.C. được tiếp-tục học hành.

★ **Ngân-hàng Huyết**

(của cô Thu-Hằng, Huế)

...Em đã từng thấy những bảng đề hai câu sau này :

1) — Ngân Hàng Quốc-Gia.

2) — Ngân Hàng Huyết.

Theo sự hiểu biết của em thì *ngân* có nghĩa là *bạc*, vậy kính thưa chị ngoài cái nghĩa là *bạc* còn có thêm nghĩa gì nữa không, và người ta dùng chữ *ngân* ở câu *Ngân-Hàng-Huyết* như vậy có hợp không ? Xin chị vui lòng giải thích cho...

● **ĐÁP.**— Danh-từ *Ngân-hàng-Huyết* dịch theo Pháp-ngữ *Banque du Sang* (cũng như *Banque des Yeux* = *Ngân-hàng Mắt* ; *Banque des Os* : *Ngân-hàng Xương*). Chữ « *Ngân* » này dùng theo nghĩa rộng, không còn giữ nguyên nghĩa đen của nó nữa. Chính chữ « *Banque* » trong danh từ *Banque du Sang* cũng là dùng theo nghĩa rộng, vì không có chữ nào khác thay thế vào được.

★ **Mục-Lục Phở-Thông**

(của ông Phan-cao-Minh — Châu-Đốc)

...Tôi có mua báo Phở-Thông hàng tháng tại tiệm Thanh-Sơn Châu-đốc, và hiện có từ cuốn số 1 đến cuốn số 82.

Thành thật mà nói, nhờ đọc báo của Ông mà tôi được học thêm rất nhiều ý kiến và những chuyện hay tích lạ mà tôi chắc rằng tôi không bao giờ được biết.

Có điều thắc-mắc dưới đây, xin Ông vui lòng chỉ bảo tôi làm thế nào kiếm lại một câu chuyện mà tôi đã có đọc trong Phở-Thông đã qua mấy tháng.

Thí-dụ : Tôi muốn tìm lại đề nhớ câu chuyện « 21 tiếng súng đại-bác » mà tôi nhớ trong báo Phở-thông đã có đăng, nhưng không nhớ là số mấy, nên tôi phải mất rất nhiều thời giờ kiếm lại từ cuốn số 1 đến cuốn số 82, có khi vô ý không gặp lại là khác.

Nếu tôi nhớ lại không lầm thì mỗi tam-cá-nguyệt, sau chót cuốn Phở-Thông phát hành ngày 15 mỗi tháng, có kèm theo một

tờ mục-lục cho 3 tháng qua, hình như mấy tháng sau này không có nữa là phải.

Tôi xin đề-nghị cho thêm 1 tờ mục-lục trong cuốn Phở-Thông phát hành ngày 15 mỗi tháng (chỉ riêng cho mỗi tháng xuất bản). Được vậy đề bạn đọc rất dễ tìm lại những bài đã đăng. Nếu có sự thiệt-thòi cho nhà báo, xin Ông cho tăng mỗi số báo lên 0\$50 để tránh sự không hay cho nhà báo.

Luôn dịp xin Ông vui lòng xác-nhận câu dưới đây có đúng với sự thật không, vì tôi nghe nhiều người nói :

Ba năm cải táng vi hình

Xương bao nhiêu diêm là tình bấy nhiêu.

● **ĐÁP.** — 1o) Chúng tôi đang in quyển « *Mục-Lục Tổng-Quát* » của *Phở-Thông tạp-chí*, từ số 1 đến số 80. Vài tháng nữa in xong sẽ tin bạn đọc biết.

2o) Câu ca-dao ấy chỉ đề diễn tả tình yêu tha-thiết. Dù chết rồi, ba năm cải táng thấy xương vẫn còn, tức là tình cũng vẫn còn. Xin so-sánh với câu :

Tay cầm cuốn sách bìa vàng.

Sách bao nhiêu chữ, dạ thương chàng bấy nhiêu.

* **Công-xúc tu-sĩ**

(của ông Trần-văn-Xường — Vĩnh-long)

...Xin ông vui lòng cho biết ý kiến về 4 tiếng « *công xúc tu sĩ* » mà mấy lúc sau này chúng tôi thường đọc trên báo chí.

Theo thiên-ý của tôi thì *công* 公 = công; *xúc* 觸 đụng; *tu* 羞 = xấu, *sĩ* 恥 = hổ.

Công xúc tu sĩ có nghĩa là : đụng chạm sự xấu-hổ của công-chúng. Có lẽ đề dịch : *outrage à la pudeur publique* của Pháp. Nhưng khi đọc lên thì nghĩa không rõ-ràng lắm. 2 tiếng *tu-sĩ* có thể dễ bị lầm với 2 tiếng *tu-sĩ* là người tu-hành, muốn cho chính hơn, thì nên nói *đương chúng xuất xú*.

đương chúng : trước công chúng

xuất xú : đề lộ cái xấu ra.

đương chúng xuất xú : đề lộ cái xấu ra trước công chúng

(當衆出醜)

* **Mưa máu ở Tuy Hòa**

(của bạn Hoàng-Thái-Thân, Tuy-Hòa, Phú-Yên)

...Tình của em là Phú-Yên, quận Tuy Hòa, cách Tuy Hòa khoảng 6km tại xã Hòa-Thắng, thôn Phong-Niêm, bên cầu Bà Hương, ngày 4 tháng 7 khoảng 11 giờ đêm, thành-linh đổ một trận mưa

chỉ vồn-vẹn trong 7 căn nhà mà có 6 căn thì có mưa, mà những hạt mưa là những hạt máu...! Chị có tin không? Đó là một chuyện có thật đấy. Sáng dậy người ta mới thấy, thì trên những tàu lá chuối hoặc những cái nia (trệt) đầy giềng (ban đêm ở quê em) để lại những vết máu, mùi tanh hôi bốc lên khó chịu.

Ngày 4 tháng 7-62 đến nay vẫn còn những làn mưa máu ấy. Những ngày này vẫn mưa về khoảng 11 giờ đêm.

Ấy là điềm gì hay những hiện tượng của trời đất? Mong tin chị...

Em của chị,

L.M. HOÀNG-THÁI-THÂN

● **ĐÁP.** — Vài tờ nhật báo ở Saigon cũng có đăng tin ấy. Ông Giám-đốc Nha Khí-tượng Việt-nam có trả lời cho Việt-tấn-xã rằng đây không phải là mưa máu, mà là bụi đất đỏ ở vùng Cheo-Reo, Cao-nguyên Phú-yên, do những làn gió mạnh thổi từ Cao-nguyên xuống, gặp mưa nên dính trong nước mưa, thành ra nước mưa đỏ.

Đó là lời giải-đáp của Nha khí-tượng Saigon. Riêng chúng tôi không được thấy hạt «mưa máu» ấy như thế nào nên không thể giải-thích được.

* **Ô. Nguyễn-ngu-Í thanh-minh...**

Ông bạn Nguyễn-ngu-Í, ở Báo *Bách-Khoa*, có đến Tòa Soạn *Phở-Thông* đề thanh-minh rằng ông Quốc-Sĩ, giáo-sư Đại-học, viết bài phê-bình trong P.T. số 80 về bản thuyết-trình của ông Nguyễn-văn-Đính, không phải là ông Doãn-quốc-Sỹ, giáo-sư Trung-học. Chúng tôi xin vui lòng đăng mấy lời thanh-minh của ông bạn Nguyễn-ngu-Í, mặc dầu không thể làm lộn được một giáo-sư Đại-học với một giáo-sư Trung-học.

● Một nhóm cựu Sinh-viên Phật-tử tìm được một chỗ ở cho nữ sinh-viên và nữ sinh con Phật.

Muốn hỏi chi-tiết, xin đến 165/17 đường Trần-quốc-Toàn (ngang trường Quốc-gia Hành-chánh) Saigon.

Nhà sách LAM-SƠN đổi về địa chỉ mới 144 đại lộ Độc-Lập Đà-Nẵng, trước mặt tiệm cũ ngó qua cách 30 thước, ở ngã tư đường Độc-Lập và Trần - hưng - Đạo, Đà - Nẵng.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ **Bạn Phan đắc-Lộc, Kỳ-an, Tam-kỳ**

Xin sửa lại: Mấy câu thơ :

*Si quelque autre malheur m'avait ravi mon père,
Mon âme aurait trouvé dans le bien de te voir
L'unique allègement qu'elle eût pu recevoir ;
Et contre ma douleur j'aurais senti des charmes,
Quand une main si chère eut essuyé mes larmes
Mais il me faut te perdre après l'avoir perdu ;
Cet effort sur ma flamme à mon honneur est dû.*

Đây là một đoạn đối thoại của Chimène đáp Rodrigue trong kịch *Le Cid* của Corneille.

★ **Bạn Hồng-Yến, Lycée français Nhatrang**

*« Brouillards, montez ! Versez vos cendres monotones,
Avec de longs haillons de brume dans les cieux
Que noiera le marais livide des automnes,
Et bâtissez un grand plafond silencieux !... »*

Mấy câu thơ bạn chép đó là của Mallarmé, trong thi phẩm « *L'après-midi d'un faune* ».

Trong P. T. số 85, trang 119, ấn-công sắp sót một đoạn, nay xin bổ-chính.

★ **Ô Võ-Trọng, KBC 4110**

Lăng của Vua Tự-Đức gọi là *Khiêm-lăng*, của Thiệu-trị là *Xương-lăng*, của Minh-mạng là *Hiếu-lăng*, của Gia-long là *Thiên-Thụ-lăng*. Ấy là những chữ do mỗi nhà Vua dùng đặt tên riêng cho lăng tẩm của mình.

— Về giấy dollar năm 1868, ông nên hỏi nhà Ngân hàng Mỹ ở Saigon.

★ **Bạn Lưu th. Nghiệp, Gò-công**

Chữ « *Chừ* » là tiếng địa-phương ở các tỉnh Quảng Nam, Thừa-Thiên (Huê), Quảng-Trị. Có nghĩa là « Bây giờ ».

Thí-dụ : « *Đi mô chừ ?* » = Đi đâu bây giờ ?

★ **Bạn Thanh-Thu, Đà-nẵng**

Theo chỗ chúng tôi biết thì chưa có ai dịch quyển *Initiation à la Vie Conjugale* ra Việt-ngữ.

★ **Ô. Ng. v. Nam, Trung Ương Viễn-thông Bưu-Điện Saigon.**

Theo chỗ sở-kiền của chúng tôi, thì « giờ Việt-nam » đã bị đổi đi đổi lại nhiều lần từ khi có Đế-nhị Thê-chiên,

Trước Thê-chiên, còn thời Pháp-thuộc, giờ Việt-nam theo đúng giờ quốc-tê. Thí-dụ như ở Greenwich (giờ Quốc-tê) là 12 giờ khuya thì ở Saigon là 8 giờ sáng. Thời-kỳ Nhật chiếm đóng Đông-Dương, Nhật đổi giờ Việt-nam sớm lên 2 giờ, để cho đúng theo giờ của họ. Rồi Việt-minh nắm chính quyền, giờ Việt-nam được vặn lại như cũ (8 giờ). Sau khi Pháp trở lại Việt nam, họ lại vặn lên 1 giờ,

Sau khi thành lập Việt-nam Cộng-Hòa, giờ Việt-nam lại trở về theo giờ quốc-tê (8 giờ).

★ **Bạn Trần ngọc Dưỡng, Hội an**

Hành-động đang lúc ngủ, tiếng Pháp gọi là *Somnambulisme*, là một chứng bệnh của thần-kinh-hệ.

★ **Bạn T. L. Huế**

— Đảo Hải-Nam xưa nay vẫn là của Trung-hoa, nay thuộc về Trung-Cộng.

— Một đêm phải ngủ được 7 hoặc 8 tiếng đồng-hồ mới đủ sức-khỏe.

★ **Ô. T. V. S. — 4, Phạm ngũ Lão, Saigon**

— Ở Nhật-bản, Đài-loan và Cao-ly, vẫn có một số đông thấy thuốc bào-chê Đông-dược theo phương-pháp Tây-y.

Châm-cứu chính là một khoa đông-y đã được Tây-y chính thức áp-dụng và phổ biến từ lâu (*acupuncture*).

Ngày 7-7-1946 = 9-6 Bình Tuất.

● **Ô. Phạm-hương-Trường, Nhơn-An, Trung-Định.**

Sao Hôm và sao Mai vẫn là một sao. Tàu gọi là sao Sâm, sao *Thương*, gọi chung là sao *Thái-Bạch*. Tây gọi là *Etoile du Berger*. Khoa-học : *Venus, Kim-Tinh*.

Người Tàu thời xưa cho rằng, sao Sâm và sao Thương là hai sao khác nhau, Sao Hôm buổi tối mọc phía Tây, sao Mai buổi sáng mọc phía Đông hai sao không bao giờ gặp nhau, là do cổ-tích sau đây : Cao-Tân có hai người con : **Yêu-Bá** và **Thực-Trâm**. Hai anh em không ưa nhau, cứ hay cãi lộn. Ngọc-Hoàng thấy thế nổi giận, tức thì đầy thẳng anh là Yêu-Bá xuống ở phía Đông làm Sao Mai, tông cô Thằng em là Thực-Trâm lên ở phía Tây làm sao Hôm, để cho hai gã đừng bao giờ gặp mặt nhau nữa. Do đó, Đường Thi mới có câu : « *nhân sinh bất tương kiến động như Sâm dư Thương* » người ta xa nhau không thấy mặt nhau ví như Sao Sâm và Sao Thương. Theo điển-tích Tàu, và câu Đường thi

kia, các thi-sĩ Việt-nam thời Nho-học cũng đã làm những câu thơ như :

Trong Kiều : *Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai há dám phụ lòng cố nhân ?*

Trong Chinh-phụ-ngâm :
Bây giờ nở đề cách với Sâm-Thương

Trong Quan-âm : *Giải kia làm mất chữ đồng,
Tủ duyên ấy bỗng nợ lòng Sâm-Thương...*

Nhưng, xin nhớ rằng đây là Văn-chương, căn-cứ theo cổ-tích Tàu. Người Tây-phương thời xưa cũng tưởng rằng Sao Hôm Sao Mai là 2 ngôi sao khác nhau, cho nên họ gọi Sao Hôm là *Vesper*, sao Mai là *Lucifer*. Nhưng theo Thiên-văn-học thì hai Sao ấy vẫn là một, tên là Sao Kim-Tinh (Venus), một trong 9 Hành-tinh của Thái-dương-hệ, cách xa Mặt Trời chỉ vào khoảng 108 triệu ki-lô-met, và xa Quả Đất 41 triệu ki-lô-met mà thôi. Kim-tinh với Hỏa-tinh là hai hành-tinh gần mặt đất nhất.

★ Chị Nguyễn thị Thu - Loan, Lao - Công tại KBC 4023

Theo « Luật gia đình », vợ chồng có hôn-thú không được phép ly-dị. Nhưng nếu cả hai vợ chồng đều đồng lòng ở riêng thì làm đơn lên tòa xin ly-thân.

Trong đơn, nói rõ nguyên-do. Trong khi chờ đợi, có thể ở nhà cha mẹ ruột nếu « bị nhà chồng xô-đuổi, không cho ở nhà chồng nữa ».

★ Cô Kim-Hạnh, Trúc-giang

Sanh ngày 9-9 năm Ất-Hợi, là ngày 6-10-1935

★ Ô. Phạm-văn-Giáo, Giồng-Trôm, Kiến-Hòa.

Loại giấy bạc 200\$ cũ, thời Pháp và Bảo-Đại, đã bị tiêu hủy từ sau khi thành lập Việt-nam Cộng-Hòa, hiện nay không còn dùng được nữa.

Ông có 50 tấm 200\$ ấy, cứ giữ làm kỷ-niệm.

★ Bà Trần thị Hồng-Tuyết, Phú-Thạnh, Qui-nhơn

Bệnh bà nói đó thuộc về chứng bệnh thần-kinh, nhưng không « nguy đến tính-mệnh », không hại đến sức khỏe như bệnh ấy của đàn ông.

★ Bọn Phạm ng. Thạch, 481 Trương minh-Giảng Saigon

Mark Twain, sinh năm 1835, chết năm 1910.

Alfred Nobel = 1833 - 1896.

Lope de Vega Carpio = 1562-1635

★ Ô. Ng. v. Ngọ, Đà-nẵng

H. V. N. N. C. L. L. V. H. A. C. = Hội Việt-Nam Nghiên-Cứu Liên-Lạc Văn-Hóa Á-Châu.

★ Bọn Nguyễn Thiện-Hòa, 6 Võ-Tánh, Bình-Dương

« một Thiều-số học-giả loi-nhoi trong những sợ dứa khô mục... » nghĩa là những ông học-giả ấy ngày tối chỉ nghiền-ngẫm những lý-thuyết khô khan cũ-kỹ, những lý-luận cồ-lỗ không hợp với Tư-tưởng tiên bộ của hiện đại, không còn chút nhựa sống nào nữa cả...

« ... cứ đề họ cầu-nguyện kinh nhật-tụng của Tử-thần... » : trong lúc Nhân-dân ta và nhất là Thanh-niên ta cần phải xây-dựng cái mới, chúng ta lo học tập tư-tưởng tiên-bộ, phụng-sự văn-hóa hữu-ích, đào tạo thể-hệ khỏe mạnh về tinh thần, đối-đào về văn-hóa, và đề mặc hạng « học-giả » lỗi thời và vô-dụng kia ngồi tụng-niệm vài pho sách cũ của họ, ôm-áp vài tư-tưởng móc-meo mục-nát, như những bài kinh nhật-tụng của Tử-thần.

— 15 tháng 1, Mậu-Thìn = Thứ Hai 6-2-1928.

— 9-7-1930 = 14-6 Canh-Ngọ.

● Ông Huỳnh Thượng-Chí, Pleiku,

Ô. Hữu-Thiết, Đà-nẵng.

— Tất cả người Bắc đều viết *răng* có g, và người Bắc nói *răng* sức, giọng nói khác hẳn với bánh rán.

— *Xử-dụng*, cũng một chữ *xử* với *xử-trí*, *cư-xử*, *xử-th*, v.v... (*xử* = sắp-đặt).

Sử : sai-khiến. Không thể viết : *sử-dụng* được.

★ Bọn Nguyễn-thị-L... Quảng-Nghiệp, An-Nhon

Bạn có thể làm khai-sinh cho cậu em bây giờ cũng được... Phải có cha mẹ (hoặc anh, chị, chú bác v.v...) và hai người chứng, làm tại phòng Hộ-tịch Địa-phương.

★ Bọn Trần-Quốc-Hùng, Mỹ-Tho

Hầu hết người miền Nam, thời trước, đều nói và Viết *Quắc*, vậy *Quốc* cũng như *Quốc*, bạn không cần thắc-mắc.

★ Cô Liên-Hương, Hòa-Vang

Mỗi tháng cô nên đi khám phổi một lần, để biết chắc chắn hơn. Phổi hiện giờ không bị nám tức là không có bệnh.

★ Ô. Trần-Lê-Sinh, Quế-Sơn.

Chữ ký trong các giấy tờ quan trọng, không nên thay đổi. Thay đổi chữ ký sẽ có những hậu-quả tai-hại về pháp-luật.



Đề trả lời chung các bạn ở Hải-ngoại hỏi giá báo gửi Phi-cơ và Tàu-thủy ra các nước, chúng tôi xin đăng giá biểu rõ-ràng sau đây :

1.— Cước phí gửi **Tàu-thủy**, qua bu-rơ-diện, cho tất cả các xứ ngoại quốc 1\$55. Giá báo 10\$ + 1\$55.. 11\$55 mỗi quyền.

2.— Gửi Phi-cơ.

Các Nước	Giá báo và cước - phí 6 tháng (12 số)	Giá báo và cước-phí 1 năm (24 số)
USA và các xứ thuộc Bắc Mỹ châu	655\$.— Cước phí mỗi quyền 45\$35	1.299\$00
Belgique, Đức, Thụy-sĩ, Anh... (tức các nước thuộc Âu-châu trừ Pháp)	446\$00.— Cước phí mỗi quyền 27\$95	881\$00
Pháp	309\$00.— Cước phí mỗi quyền 16\$55	608\$00
Nhật	372\$80.— Cước-phí mỗi quyền 21\$90	745\$60
Ấn-Độ	215\$00.— Cước-phí mỗi quyền 8\$75	420\$00
Indonésia, Philippines, Đài-loan	287\$00.— Cước-phí mỗi quyền 14\$75	564\$00
Thái-Lan	165\$00.— Cước-phí mỗi quyền 4\$55	320\$00
Miên, Lào	147\$00.— Cước-phí mỗi quyền 3\$05	284\$00

— Gửi bảo-đảm, thêm mỗi gói 4\$50.

— Với các quốc-gia cựu thuộc-địa của Pháp như :

Nouvelle Calédonie, cước phí 28\$55 mỗi quyền

Nouvelles Hébrides — 30,95 —

Etats frs d'Océanie — 40,55 —

● H. B. Ngọc, Nhân-vị, Chợ-lớn

— Điều cô hỏi về đài vô tuyến truyền-hình, là đúng. Lý-do kỹ-thuật. Đã bị người ta sắp vào loại « chậm tiền » thì công-dân V. N. làm sao mà hãnh-diện được ! Hãnh-diện với ai ! Nhiều nước khác ở Đ.N.A. đã có V.T.T.H. rồi.

— Kinh tế Philippines phồn-thịnh hơn nhiều.

— Về Văn-hóa, Việt-nam tiến hơn Thái-lan, Malaisie, hơn cả Indonesia nhưng chậm hơn Philippines.

★ **Cô Chandrana ; New Delhi.** Cô có thể đến nhờ Tòa Lãnh-sự Việt-nam ở New Delhi gửi về Sài-gòn mua giùm mấy quyển sách cô hỏi, có lẽ tiện hơn. Many thanks for your very sympathetic missive. My own books will be sent to you after being published, (in a few months).

● Ô. Hà-nh-Thanh, Giáo-sư, Tân-Bình.

Rất tiếc, Phổ-Thông không thể mở mục tranh luận về Tôn-giáo, mong ông thông cảm.

★ **Trả lời chung nhiều bạn sinh viên hỏi địa chỉ của ông Nguyễn-văn-Côn :**

M. Nguyễn văn-Côn

Ministère de l'Education Nationale 110, rue de Grenelle

Paris 7^e

Ông Nguyễn văn-Côn yêu cầu các bạn, nếu muốn viết thư riêng cho ông thì « chỉ xin hỏi về những vấn đề liên can đến Văn học thôi », ngoài ra, ông « rất tiếc sẽ không thể trả lời được về các vấn đề chính-trị. Như vậy là theo đúng với đường lối của Phổ-Thông », theo bức thư ông gửi về Phổ-Thông.

★ Ông CH. T. TH. Chợ lớn.

Quý ông nên hỏi rõ các chỉ dẫn nơi Nha Thanh-tra Lao. động về trường hợp đặc biệt của quý ông.

★ Ô. « Độc-giả, Đà-nẵng »

Nhân vật điển-hình = nhân vật tiêu-biểu. Là một nhân vật nào đó làm thí-dụ, tức là nhân-vật điển-hình.

Tích-cực : đến cực-độ sức-tích nhất, Thí-dụ : tin-tưởng tích-cực : tin tưởng triệt-đề đến mức hoàn toàn.

Tiêu-cực : Với mức độ tiêu-giảm nhất, tiêu hao nhất, trái hẳn với tích-cực. Chán-nản nhất.

Tư-tưởng tiêu-cực : tư-tưởng bi-quan đến cực điềm, phủ-nhận cả mọi cố gắng.

★ Bạn Tạ-Xưởng, Quảng-ngãi.

Xin gửi cho vài ba ảnh các thắng cảnh Quảng-ngãi mà bạn có để cập trong bài của bạn.

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - Thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghị thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

THUỐC MUỐI SÙI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA-BUỒN NÔN-ỢI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RƯỢT
BAO-TỬ CỎ RÚT

CƠ BẢN KHẮP
ĐƯỢC PHỎNG AU-MỸ

TRONG MỌI GIA-ĐÌNH

XÁ-XỊ

HỎA-TIỀN

Được mọi
người ưa
ch chuộng



Tính chế với rễ cây xá xỉ chọn lọc, không pha thêm hương chất giả tạo, **XÁ XỊ HỎA TIỀN** thơm ngát một hương vị đặc biệt, tự nhiên, của rễ cây xá xỉ, không có mùi vị hắc gắt, khó uống. Giữ nguyên được mọi được tính căn bản quý giá của rễ cây xá xỉ, như : giải cảm, lọc máu, trị tê thấp, trừ tiêu chảy, chống bệnh suy nhược, lại thêm tính chất thơm ngon, tinh khiết, **XÁ XỊ HỎA TIỀN** xứng đáng là món giải lao của mọi người, trong mọi gia-đình.

- 1.— Thuốc Suyễn Nguyễn-văn-Sanh,
Ai uống cũng lành.
- 2.— Thuốc tê - bại
- 3.— Thuốc đi huyệt - tinh
- 4.— Thuốc Phong - tinh
- 5.— Thuốc huyết - bạch

Đông dược-viện **NGUYỄN-VĂN-SANH**
807, Trần-hưng-Đạo — Saigon



Dùng KEM LIP

CRÈME DENTIFRICE

CRÈME DENTIFRICE

LIP

*Răng mới trắng
Nụ cười mới xinh*

LIP

CÓ BÁN KHẮP NƠI

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

BỆNH ĐAU THÂN

CƠ THỂ SUY NHƯỢC

Liệt dương bất lực, thân hình ốm yếu, lưng đau, đầu nhức, mắt mờ, biếng ăn mất ngủ, hết muốn hoạt động vì lý do phí sức-thức đêm, tác dụng quá độ sanh ra mộng mị di tinh, muốn dứt bệnh Đau Thân uống thuốc CƯỜNG THẬN TINH QUẢNG AN HÒA tráng dương bổ thận tăng cường sinh lực, ăn ngon ngủ được khoẻ, mạnh.

Bệnh đau gan, yếu gan

GAN NÓNG HÒA VỌNG, táo bón nổi mề đay, nổi mụn sần ngứa ở mặt, môi miệng lở, nổi hạch, nhọt, ghẻ, da thịt phù thũng, thường chóng mặt da vàng mét, suy kém, biếng ăn, mất ngủ. Thanh niên. Phụ nữ, phần nhiều bị chứng bệnh trên đây, do nơi uống cà phê, trà đậm, rượu nóng sanh ra, nên dùng thuốc ĐAU GAN SỐ : 1 QUẢNG AN HÒA thanh lọc thông đường tiêu tiện chướng, dứt bệnh đau gan. Lành bệnh uống thêm thuốc BỔ GAN SỐ : 2 QUẢNG AN HÒA bồi bổ lá gan, điều hòa cơ thể, ăn ngon, ngủ được, đem lại sức khoẻ và sắc đẹp màu da. (có bán khắp nơi) Đông dược sĩ: LÝ TRẮC,

169 Lê-văn-Duyệt — Saigon

Trị Thận Duy Nhất chỉ có:

THUỐC ĐAU LƯNG HỒNG - NGUYỄN



CHUYÊN TRỊ: Các chứng thận suy, đau thắt ngang lưng, đau xương, nhức gân, tay chân nhức mỏi. Có công dụng sanh tinh bổ thận, bền bỉ dẻo dai, các giới đều công nhận và khen tặng.

Đông Dược-Sỹ kiêm Đông Y-Sỹ
Bà **DƯƠNG - XUÂN - LANG**

Nhà thuốc và phòng mạch:
246, Nguyễn - Hoàng — CHOLON

Mỗi hộp 2 viên giá 20\$. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán.

CALCIUM TANA A L'ACIDE GLUTAMIQUE

Thuốc CALCIUM TANA à L'ACIDE GLUTAMIQUE là thuốc uống để phòng lao và bổ óc rất cần cho Sinh-viên và Trí-thức lao-lực để bồi bổ tinh thần và nâng cao trí tuệ.

Nhiều nhà Bác-học ÂU-MỸ đã dày công nghiên cứu và cùng đi đến kết luận sau đây: **chất ACIDE GLUTAMIQUE** bồi bổ cho óc người lớn cũng như con nít được thêm trí nhớ và trí thông minh

Trong thuốc Calcium TANA à l'Acide glutamique có thêm Glycocolle chất này là một thứ Acide animé mà ta thường thấy trong Cao hồ cốt, Cao gạc, Cao dương, Cao quí v.v... Glycocolle đem sinh lực giúp cho người làm việc nhiều khỏi mệt nhọc và ăn được, ngủ được.

Còn về chất Calcium thì từ xưa đến nay đã được Y-học dùng để phòng và chữa các thứ bệnh lao, như là lao phổi mà các giới Sinh-viên, Trí-thức và lao-dộng thường hay mắc phải. Chất Calcium cũng rất cần cho trẻ em ốm yếu, lâu lớn cũng như cho phụ-nữ trước và sau ngày sanh đẻ.

Muốn đem áp dụng những kết quả tốt đẹp đó, nhà thuốc TANA chế ra thuốc **CALCIUM TANA à L'ACIDE GLUTAMIQUE** để Đồng-bào dùng.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC ÂU-MỸ

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÂU-MỸ

HEPATIC

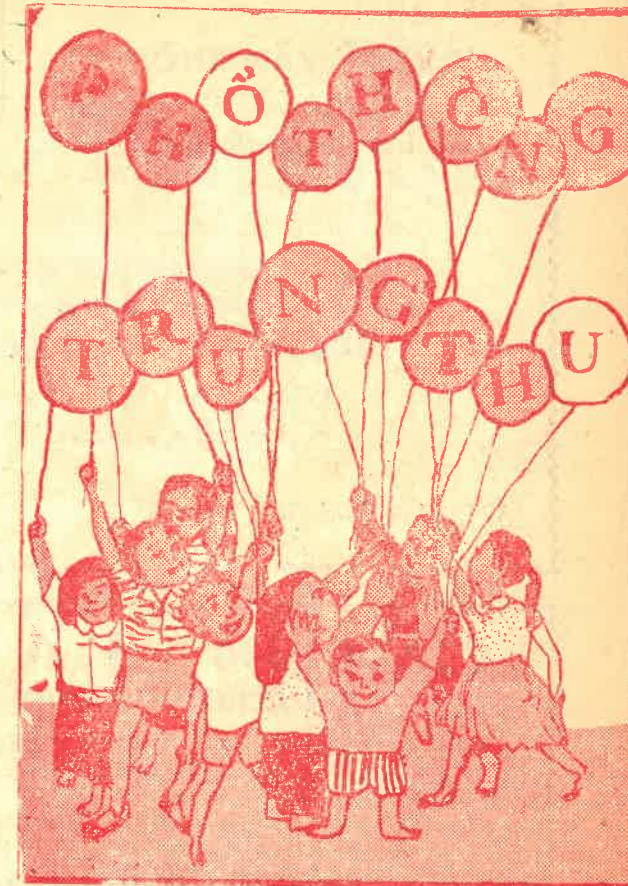
Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Thần-Tài chẳng vị riêng ai
cứ mua vé số
thì Thần-Tài sẽ đến thăm

COQUELUCHE ★ HEMOPTYSE ★

số 88 (Rằm Tháng 8 Ta)

15 - 9 - 1962



SẼ KHỞI ĐẦU
ĐĂNG
TRUYỆN DÀI :

ĐỒ HỒNG
GỌI-NGHỀ

An advertisement for 'Asphétyne' medicine. At the top, the brand name 'Asphétyne' is written in a stylized font on a red banner. Below it is a detailed illustration of a medicine box. The box is labeled 'KIM QUAN' at the top, followed by 'Asphétyne' and 'ĐẶC BIỆT TRỊ: SUYỀN'. Below this, it says 'Không thua gì thuốc ngoại quốc' (Doesn't lose to foreign medicine). At the bottom of the box, it reads 'PHARMACIE KIM-QUAN SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH SAIGON'. To the right of the box, there is more text: 'Đặc biệt trị: SUYỀN' and 'Không thua gì thuốc ngoại quốc'. At the bottom right, it says 'PHARMACIE KIM-QUAN SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH SAIGON'. There is also some smaller text on the box about usage and price.

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN**
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn